

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI
HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI
(1946-2010)**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN





CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Quý

Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Mai Công Bình

Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã - Phó ban

Đàm Việt Bắc

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Phó ban

Đỗ Văn Ngọ

Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy xã - Ủy viên

Bùi Văn Vượng

Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đại Từ - Ủy viên

BAN SƯU TẦM VÀ HIỆU ĐÍNH TƯ LIỆU

Đàm Việt Bắc

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Tổ trưởng

Triệu Văn Hưng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Tổ phó

Lương Xuân Hỷ

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Tổ phó

Ngô Bằng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên

Triệu Văn Vụ

Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

PGS.TS: Vũ Quang Vinh

Nhà báo: Nguyễn Nguyên Hạnh

Thạc sỹ: Nguyễn Mạnh Quỳnh

Cử nhân Lịch sử: Nhữ Vân

LỜI NÓI ĐẦU

Xã Bản Ngoại nằm ở phía tây bắc của huyện Đại Từ, có trục Quốc lộ 37 chạy qua. Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ xã với hơn 60 năm xây dựng và phát triển, có bề dày về truyền thống anh hùng cách mạng. Trong quá trình đó, cùng với sự phát triển của đất nước, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân các dân tộc trong xã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ giành độc lập, tự do và từng bước phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta, với chính sách cai trị hà khắc, thực dân Pháp khiến toàn thể dân tộc Việt Nam chìm trong vòng nô lệ, gông cùm... Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt lớn cho cách mạng Việt Nam. Dưới ánh sáng của Đảng, nhiều người con của quê hương Bản Ngoại đã đi theo tiếng gọi của Đảng, đứng lên làm cách mạng trong đó có nhiều người con ưu tú của xã đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, để đến tháng 6-1946, Chi bộ Đảng xã Hiệp Hòa (tiền thân của Đảng bộ xã Bản Ngoại ngày nay) được thành lập, đánh dấu một bước trưởng thành mới trong phong trào cách mạng của xã.

Với vị trí “tiền có thể đánh, lui có thể giữ” và là “nơi có nhân dân tốt, có cơ sở chính trị tốt”, năm 1947, xã Bản Ngoại cũng như toàn huyện Đại Từ đã được Trung ương Đảng chọn là An toàn khu (ATK). Vọng gác Dốc Diệp thuộc địa bàn xã Bản Ngoại là cửa ngõ qua lại giữa miền xuôi và miền ngược, nơi ra vào ATK Sơn Dương - Tuyên Quang và Định Hóa - Thái Nguyên nên có nhiều cán bộ cách mạng hoạt động được nhân dân trong xã bao bọc, giúp đỡ. Do đó, để ghi nhận những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại, năm 2003, xã vinh dự được Đảng và Nhà nước công nhận là xã ATK theo Quyết định số 213/2003/QĐ, đồng thời được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống thực dân Pháp theo Quyết định số 636/QĐ/CTN ngày 24-6-2005. Đặc biệt, xã có đồi Thành Trúc thuộc xóm Đầm Mua là khu đồi núi trập trùng, trong con mắt của những nhà quân sự thì địa thế nơi đây rất thuận tiện cho việc tiến thủ, do vậy Bác Hồ đã từng ở và làm việc trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Đồi Thành Trúc đã được công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 72/2006/QĐ-BVHTT ngày 28-9-2006.

Hòa bình lập lại, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân các dân tộc trong xã đồng tâm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ quê hương. Tháng 5-1966, Đảng bộ xã Hùng Cường được chính thức thành lập, lãnh đạo nhân dân, đưa xã trở thành một trong những xã tiêu biểu của huyện. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, Đảng bộ xã đã khắc phục mọi khó khăn để lãnh

đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo hướng bền vững, làm cho đời sống nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Tự hào với truyền thống cách mạng của quê hương và nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng nên trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ xã Bản Ngoại luôn xác định việc tổng kết thực tiễn, giáo dục truyền thống là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Để đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã mong muốn có được một công trình nghiên cứu, một cuốn sách biên soạn về Lịch sử Đảng bộ xã nhà, cùng với việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW (ngày 28-8-2002), của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Đại Từ về việc nghiên cứu, xuất bản lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại khóa XXIII (nhiệm kỳ 2010-2015) đã ra Nghị quyết về việc nghiên cứu, biên soạn, xuất bản cuốn **“Lịch sử Đảng bộ xã Bản Ngoại (1946-2010)”**.

Việc biên soạn và xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ xã còn là việc làm thể hiện sự tri ân đối với những người đã ngã xuống vì nền độc lập của đất nước, những cán bộ, đảng viên đã đóng góp nhiều công sức để xây dựng xã Bản Ngoại tươi đẹp hôm nay. Cuốn sách cũng là lời nhắn nhủ cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân hôm nay, mai sau tự hào về truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong xã, tiếp tục phát huy tiềm năng lợi thế, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Để cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại, các đồng chí trong Ban Suu tầm, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin - tư liệu của các đồng chí đảng viên, lão thành cách mạng trong và ngoài xã - những nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ cách mạng. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí, cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do xã đã trải qua quá trình chia tách, tái lập nhiều lần, nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc... nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại và tập thể tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhân chứng lịch sử, của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã Bản Ngoại cũng như bạn đọc gần xa để cuốn **“Lịch sử Đảng bộ xã Bản Ngoại (1946-2010)”** tái bản lần sau được hoàn thiện hơn.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

Nguyễn Văn Quý

*Phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước tặng thưởng
Đảng bộ và Nhân dân xã Bản Ngoại*









Chương I

XÃ BẢN NGOẠI - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

Bản Ngoại là một xã thuộc trung du miền núi, nằm ở phía tây bắc của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm huyện Đại Từ 5km về phía tây, có Quốc lộ 37 chạy qua. Phía đông, đông bắc giáp xã Phú Lạc, Tân Linh; phía đông, đông nam giáp xã Tân Linh, Tiên Hội; phía tây, tây bắc giáp xã Phú Thịnh, Phú Xuyên, La Bằng; phía tây, tây nam giáp xã Hoàng Nông, Tiên Hội.

Nguồn tài nguyên chính của xã là đất đai với tổng diện tích tự nhiên là 1.246,6ha. Đất đai của xã tương đối phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp, trong đó chủ yếu là lúa và cây chè.

Địa hình xã không bằng phẳng với nhiều đồi núi đan xen. Ở Bản Ngoại, đồi núi không cao và thấp dần từ hướng tây, tây bắc về hướng nam đến trung tâm xã tạo thành một lòng chảo bằng phẳng, đây cũng là vựa thóc chính của xã Bản Ngoại. Xã Bản Ngoại cũng như các xã

của huyện Đại Từ vừa mang đặc điểm miền núi vừa mang đặc điểm trung du. Xã thuộc nhóm địa hình núi thấp và trung bình, với độ cao khoảng 200m so với mặt nước biển, độ dốc trung bình khoảng 10-15 độ và thoải dần theo sườn đông dãy núi Tam Đảo.

Bản Ngoại và huyện Đại Từ nói chung nằm trong vùng trung du miền núi phía bắc nên khí hậu hàng năm phức tạp. Đại Từ có lượng mưa lớn (trung bình 1.700-1.800 mm/năm). Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, trung bình tháng đạt 250-450mm, lớn nhất vào tháng 6, 7 và 8, đạt tới 250-450 mm/tháng. Từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau lượng mưa ít, trung bình từ 10-12 mm/tháng. Nhiệt độ trong năm từ 22-27°C.

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nên xã chịu ảnh hưởng của các hướng gió sau: Gió mùa đông nam thổi vào các tháng 6, 7, 8, 9. Gió mùa đông bắc, kèm theo mưa phùn, rét đậm xuất hiện chủ yếu vào các tháng 1, 2, 3, 11, 12.

Độ ẩm không khí trung bình khoảng 85-86%. Mùa đông vào những ngày khô hanh, độ ẩm xuống thấp dưới 50% (thường xảy ra vào cuối tháng 12). Cuối đông sang xuân, vào những ngày mưa phùn độ ẩm lên tới 90% và có thời điểm bão hòa, ẩm ướt (thường vào tháng 2-3) nên dễ phát sinh sâu bệnh hại cây trồng.

Thủy văn của xã tương đối phong phú, xã có sông Công bắt nguồn từ núi Hồng theo hướng bắc, đông bắc chảy xuôi về xã Bản Ngoại và một con suối chảy từ La Bằng qua xã theo hướng tây nam.

Bản Ngoại ngày nay gồm có 19 xóm đó là: Đầm Mua, Khâu Giáo 1, Khâu Giáo 2, Đồng Ngõ, Vai Cày, Phú Hạ, Quang Trung, Khâu Giang, Ba Giảng, Lê Lợi, Rừng Vần, Ninh Giang, xóm Phố, Rừng Lâm, Đồng Ninh, La Dạ, Cao Khản, Đầm Bàng, La Mạn. Theo số liệu thống kê năm 2012, xã có 2.263 hộ với 7.843 nhân khẩu, gồm 7 dân tộc cùng sinh sống là Kinh, Tày, Nùng, Mường, H' mông, Sán Chí, Sán Dìu.

Là một xã thuần nông nên trong cơ cấu kinh tế của xã nông nghiệp chiếm 72,6%, công nghiệp - thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 27,4%, xã có 2 nhà máy chè xuất khẩu.

Kinh tế xã có nhiều bước phát triển, văn hóa - xã hội cũng từng bước được nâng cao. Công tác giáo dục của xã hàng năm đạt được nhiều kết quả, xã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, xã có 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở. Cả 3 trường đều đạt danh hiệu trường Chuẩn Quốc gia giai đoạn 2005-2010.

Công tác y tế, trạm y tế xã được đầu tư về hạ tầng cơ sở, đội ngũ cán bộ y tế không ngừng được nâng cao về trình độ chuyên môn, chất lượng khám chữa bệnh ban đầu được đảm bảo, trạm y tế đạt Chuẩn Quốc gia.

Nhìn chung, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội đó, đã và đang tạo cho Bản Ngoại những thuận lợi cơ bản trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giao lưu hàng hóa với các vùng, miền trên cả nước, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Những ưu đãi này đã và đang được Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại khai thác, sử dụng có hiệu quả trong công cuộc

đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, làm giàu cho quê hương, đất nước.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH XÃ BẢN NGOẠI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành

Xã Bản Ngoại trước Cách mạng Tháng Tám thuộc tổng Phú Lạc, phủ Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tổng Phú Lạc gồm có 5 xã: xã Bản Ngoại (làng Bản Ngoại xưa) có 13 xóm: Cầu Bào, khu đồn điền, Ba Giăng, xóm Phố, Khâu Giang, Ninh Giang, Rừng Lâm, Đồng Ninh, La Dạ, Rừng Vắn, Cao Khản, Đàm Bàng, La Mận; Xã Khâu Giáo có 3 xóm: Khâu Giáo 1, Khâu Giáo 2, Đàm Mua; Xã Phú Lạc Hạ có 3 xóm: Phú Hạ, Vai Cày, Đồng Ngõ; xã Phú Lạc (nay là xã Phú Lạc); Xã Phú Thịnh (xã Phú Thịnh ngày nay). Đầu tháng 3-1945, để thuận lợi cho việc quản lý về mặt hành chính của Việt Minh, dưới sự chỉ đạo của cấp trên một số xã được sáp nhập và đổi tên như xã Bản Ngoại đổi tên là xã Hùng Chung, xã Khâu Giáo và Phú Lạc Hạ sáp nhập lấy tên là xã Tự Do.

Đến tháng 6-1946, sau khi tổng tuyển cử, xã Tự Do và xã Hùng Chung sáp nhập thành một xã và lấy tên là xã Hiệp Hòa, trụ sở đặt ở cây đa xóm Chùa.

Đầu năm 1951, xã Hiệp Hòa, Phú Thịnh, Phú Lạc sáp nhập lại lấy tên là xã Vinh Hòa, trụ sở đặt ở xóm Đồng Ninh (xã Bản Ngoại ngày nay).

Cuối năm 1953, theo chủ trương của cấp trên về việc tách các xã lớn thành xã nhỏ, xã Vinh Hòa lại được tách ra

3 xã như cũ: xã Phú Thịnh, Phú Lạc, xã Hiệp Hòa. Xã Hiệp Hòa được đổi tên là xã Hùng Cường. Đến năm 1976, xã Hùng Cường được đổi thành xã Bản Ngoại và giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

Bản Ngoại trước kia có diện tích khoảng 3km², dân số khoảng 600 khẩu, vốn là xã trung du miền núi thấp. Sau khi được khai phá trở thành một vùng lòng chảo lớn, tạo ra những cánh đồng phì nhiêu như cánh đồng Quang Trung, Ba Giăng, Lê Lợi, Ninh Giang, xóm Phố... Do điều kiện tự nhiên thuận lợi nên từ xa xưa, cư dân từ nhiều nơi khác đến sinh cơ lập nghiệp. Sau đó, một bộ phận người Hoa từ Trung Quốc đến vào cuối thế kỷ XIX, giữa thế kỷ XX cư dân ngày càng tập trung đông chủ yếu là vùng Bắc Giang, Phổ Yên (Thái Nguyên), Vĩnh Phúc, Lạng Sơn...

Trải qua nhiều thăng trầm cùng lịch sử đất nước, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại đã cùng nhân dân cả nước không ngừng đấu tranh bảo vệ quê hương, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân xã Bản Ngoại đã thực sự được khởi sắc. Nhân dân xã hăng hái tham gia lao động sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống. Các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển, nhân dân ra sức thi đua xây dựng kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Với sự hỗ trợ của khoa học - kỹ thuật tiên bộ, nông nghiệp được cải tiến, thực hiện thay đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mạnh dạn thay đổi phương thức làm ăn kém hiệu quả trước đây, phát triển kinh tế ngày càng đa dạng, bao gồm nhiều ngành nghề. Nền kinh tế phát triển, đời sống

xã hội của nhân dân có bước chuyển biến rõ rệt về vật chất. Những ngôi nhà mái ngói, nhà cao tầng thay thế cho những nhà tranh, vách đất. Nông thôn đã thay da, đổi thịt, cuộc sống của người dân đầy đủ, ấm no... Nhân dân phấn khởi, hăng hái chăm lo xây dựng cuộc sống mới.

2. Truyền thống lịch sử - văn hóa

Là một xã thuộc khu vực trung du miền núi phía bắc, với điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý nên có thể nói Bản Ngoại là nơi hội tụ được nhiều nền văn hóa riêng và độc đáo của các dân tộc. Tập trung đông nhất vẫn là dân tộc Kinh, bên cạnh đó những dân tộc khác như: Mường, Tày, Nùng, H'mông... nhưng số lượng không đáng kể. Chính sự đa dạng về thành phần các dân tộc nên Bản Ngoại đã hội tụ được nhiều sắc thái văn hóa và mang những nét văn hóa đặc trưng, tập trung nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là những người theo lương giáo... Người dân Bản Ngoại coi việc thờ cúng tổ tiên và đi chùa cầu phúc là nét đẹp văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, người dân còn thờ cúng các vị thần, các anh hùng dân tộc, những người có công với xóm làng... Các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng này thể hiện sự tri ân của người dân với những người có công với quê hương.

Bản Ngoại cũng là vùng đất có nhiều di tích lịch sử văn hóa, nhiều sinh hoạt truyền thống cộng đồng, lễ hội truyền thống được bảo tồn và lưu giữ khá nguyên vẹn trong suốt chiều dài lịch sử. Người dân Bản Ngoại luôn giữ vững tình yêu đất nước, quê hương, yêu lao động, sản

xuất cũng như tình yêu nam nữ, lứa đôi... được thể hiện qua những điệu hát, lời thơ giản dị của ca dao, tục ngữ và những làn điệu dân ca nhẹ nhàng, sâu lắng trong những ngày lễ hội của xóm làng.

Sinh hoạt cộng đồng làng, xóm được coi trọng. Các ngày lễ, tết hàng năm được tổ chức trọng thể. Khi tham gia các ngày lễ, mọi người phải thành tâm, tự nguyện, không tổ chức xa hoa, linh đình. Vào những ngày lễ, ngày hội hay việc chung, người dân thường làm lễ tạ thần linh, tổ chức lễ hội vui chơi như: thi đấu cờ, hội vật, múa lân... Văn hóa vật thể ở Bản Ngoại cũng tương đối phong phú và đa dạng. Xã có đình, đền, chùa hay các khu giáo dân có nhà thờ là nơi để nhân dân tiến hành những sinh hoạt văn hóa tinh thần của mình. Từ xa xưa, trên mảnh đất Bản Ngoại đã xây dựng một số công trình văn hóa như đình, chùa làng. Đình được xây dựng dưới thời nhà Nguyễn (triều vua Khải Định) tại xóm Ninh Giang bằng gỗ lợp lá, thờ Thành hoàng làng Dương Tự Minh. Ngoài ra, xã còn có 1 ngôi chùa (mà người dân quen gọi là chùa Bản Ngoại) được đặt tại gốc cây đa xóm Chùa (nay là trường Tiểu học xã Bản Ngoại). Sau năm 1945, chùa bị xuống cấp nên nhân dân đã chuyển về gần đình Ninh Giang (xóm Ninh Giang ngày nay). Chùa Bản Ngoại được xây dựng cách đây hơn 200 năm. Ngoài đình và chùa, xã có một nhà thờ Công giáo được xây dựng vào năm 1954.

Lệ làng: Sau khi ổn định nơi sinh sống, do yêu cầu đảm bảo đời sống, cư dân tích cực mở rộng đất canh tác, mở rộng sản xuất. Đồng thời, để phát triển mối quan hệ,

tăng cường giao lưu, đoàn kết... người dân các xóm đặt ra quy ước, khoán ước để bảo vệ và điều chỉnh những mối quan hệ đó. Quy ước của các xóm trong xã Bản Ngoại nhìn chung giống nhau nhưng do việc tổ chức làm ăn ở từng xóm có những đặc trưng riêng nên quy ước xóm cũng mang sắc thái khác nhau. Những quy ước đó được người dân thực hiện từ đời này sang đời khác, bổ sung, hoàn thiện qua từng thế hệ và trở thành tục lệ.

Truyền thống đoàn kết, tương trợ: Trong quá trình sinh cơ lập nghiệp nhất là việc đuổi thú dữ, phá rừng hoang để lấy đất đai trồng trọt, công tác phát triển kinh tế nông nghiệp yêu cầu họ phải đoàn kết, quá trình đánh đuổi ngoại xâm yêu cầu họ phải chung sức. Để làm được điều đó, họ phải đoàn kết cộng đồng, sống quần cư thành làng xóm... Truyền thống đó được phát huy cao độ trong thời đại Hồ Chí Minh, xã Bản Ngoại cùng nhân dân cả nước vượt qua muôn vàn khó khăn của ngày đầu xây dựng chính quyền non trẻ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tiếp bước vào cuộc trường chinh cùng cả nước chống thực dân Pháp thắng lợi và đánh đuổi đế quốc Mỹ, thống nhất nước nhà. Hòa bình lập lại, nhân dân Bản Ngoại lại cùng cả nước hăng say xây dựng cuộc sống mới và bảo vệ Tổ quốc. Có thể nói, trong lịch sử hình thành và phát triển của xã Bản Ngoại, truyền thống đoàn kết là một bức tranh đại đoàn kết nhân dân các dân tộc rất sinh động.

Truyền thống lao động, sáng tạo: Ngay từ khi mới hình thành, người dân Bản Ngoại đã phải đối mặt với những khó khăn do thiên tai, địch họa. Vì vậy, các thế hệ người

dân nơi đây đã sớm hình thành nên truyền thống lao động cần cù để chăm lo cuộc sống, dựng xây thôn xóm ngày càng trù phú, phồn thịnh. Từ bao đời nay, nhân dân ở Bản Ngoại vẫn luôn vững vàng trong mọi hoàn cảnh. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi, Bản Ngoại đã sớm tận dụng khai thác những lợi thế về vị trí địa lý và tài nguyên của địa phương, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm: Truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại được bắt nguồn từ những tình cảm bình dị, đơn sơ. Tình cảm đó, mới đầu chỉ là sự quan tâm đến những người thân yêu ruột thịt, rồi đến xóm làng, sau đó phát triển thành tình yêu Tổ quốc. Tình yêu quê hương đất nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng các dân tộc xã Bản Ngoại. Điều đó được thể hiện trong suốt một nghìn năm Bắc thuộc, nhân dân các xóm trong xã Bản Ngoại cùng với nhân dân cả nước đã nhiều lần đứng lên chống lại ách đô hộ của ngoại bang. Truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Bản Ngoại tiếp tục được phát huy trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự chủ. Thời nhà Lý, nhiều người con của xã Bản Ngoại đi theo Võ tướng Dương Tự Minh, cùng ông lập nên bao chiến công oanh liệt.

Đầu thế kỷ XV, trước họa xâm lăng của giặc Minh, nhân dân các dân tộc Đại Từ nói chung và nhân dân Bản Ngoại nói riêng đã anh dũng đứng lên tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Danh tướng Lưu Nhân Chú (người xã Văn

Yên, huyện Đại Từ) đã cùng các nghĩa binh Thái Nguyên góp phần không nhỏ vào thắng lợi của kháng chiến chống quân Minh do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. Ông là niềm tự hào lớn của người dân huyện Đại Từ.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Sau khi đánh chiếm Hà Nội, thực dân Pháp đưa quân lên Thái Nguyên, đánh chiếm các huyện. Ngay khi giặc Pháp mới chiếm được Đại Từ, chưa kịp củng cố bộ máy chính quyền ở các làng, các tổng... thì ảnh hưởng của khởi nghĩa Yên Thế đã lan rộng đến cả huyện Đại Từ, trong đó có Bản Ngoại. Nhân dân các xóm đã đi theo cụ Đề Thám chung lòng, chung sức đánh Tây. Nhiều người đã tham gia nghĩa quân trực tiếp chiến đấu hay tiếp tế lương thực, thực phẩm... Trong năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Dĩnh, nghĩa quân đã đánh 16 trận, tiêu diệt hàng chục tên giặc khiến quân Pháp hoang mang, lo sợ. Ngoài ra, nghĩa quân cũng thường xuyên làm tiêu hao lực lượng địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Khi Hoàng Hoa Thám mất, phong trào nông dân toàn khu vực Bắc Giang - Thái Nguyên nói chung và phong trào đấu tranh của nhân dân Đại Từ, trong đó có Bản Ngoại tạm thời lắng xuống.

Tuy nhiên, phong trào đã góp phần tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của nhân dân và một bộ phận binh lính Việt Nam trong hàng ngũ quân địch. Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của Cai Bát - chỉ huy đồn Hùng Sơn (thị trấn Đại Từ) vào cuối năm 1892. Đồn Hùng Sơn nằm ở trung tâm huyện lỵ Đại Từ, có vị trí quân sự rất quan trọng. Đồn được đặt trên đỉnh đồi cao, án ngữ ngã ba đường 13 và 38.

Từ vị trí này có thể quản lý được một vùng rộng lớn của thị trấn Đại Từ và các xã Hùng Sơn, Bình Thuận, Khôi Kỳ, Tân Thái, Bản Ngoại... Dưới sự chỉ huy của Cai Bát, binh lính trong đồn đã nổi dậy chiếm đồn, thu vũ khí của giặc và được nhân dân hưởng ứng rất nhiệt tình. Lực lượng nòng cốt lúc đầu chỉ có một số binh sĩ, sau đó phát triển rất nhanh, đến tháng 3-1894, lực lượng nghĩa quân có tới 350 người. Dựa vào sườn núi Tam Đảo hiểm trở, thuộc địa giới các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và thị xã Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) liên tiếp đánh địch từ năm 1892-1896. Bước sang đầu thế kỉ XX, bọn thực dân xâm lược đã tăng cường đàn áp nên cuộc nổi dậy đã lắng xuống. Tuy nhiên, nhân dân xã Bản Ngoại nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung cùng nhân dân cả nước liên tục đấu tranh dưới nhiều hình thức phong phú như chống thu thuế, chống đi phu, đi lính... làm cho địch bối rối, hoang mang, lo sợ.

Ngày 30-8-1917, cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo đã nổ ra. Sáng ngày 4-9-1917, Pháp điều 2.000 quân lên Thái Nguyên đàn áp. Ngay từ trong những phút đầu Quân sư Lương Ngọc Quyến bị tử thương do bị trúng mảnh đạn pháo vào đầu (có tài liệu chép ông tự sát vì bị giam giữ quá lâu nên không thể vận động và không muốn ảnh hưởng đến việc rút quân). Do lực lượng quá chênh lệch, nghĩa quân đành phải rút quân ra ngoài thị xã trong đêm đó, rút về vùng núi Tam Đảo, giáp Vĩnh Yên, xây dựng căn cứ chống địch. Sau khi rút khỏi thị xã, nghĩa quân tiến về Đại Từ và được nhân dân địa phương hết lòng giúp đỡ lương thực, thực phẩm, tạo mọi điều kiện phục vụ chiến đấu.

Đội Cần và nghĩa quân cầm cự được hơn 5 tháng. Ngày 10-11-1918, trong một cuộc phản kích quân Pháp tấn công lên căn cứ tại núi Pháo, nay thuộc huyện Đại Từ, nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, bản thân Đội Cần bị thương nặng. Để không rơi vào tay địch, ông đã tự sát.

Những cuộc khởi nghĩa khác nhau trên địa bàn huyện Đại Từ có sự đóng góp không nhỏ của nhân dân các dân tộc Bản Ngoại. Nhân dân các xóm ở Bản Ngoại rất tự hào về truyền thống yêu nước, tinh thần dũng cảm trong chiến đấu, vì độc lập, tự do của dân tộc. Những truyền thống đó là di sản quý báu in đậm trong tiềm thức của người dân. Truyền thống đó đã được phát huy khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo, tạo thành sức mạnh lật đổ chế độ thực dân, phong kiến tay sai, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, ra sức xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN XÃ BẢN NGOẠI THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI XÃ BẢN NGOẠI THỜI PHÁP THUỘC

1. Tình hình chính trị

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng, chính thức khai màn cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngay từ khi đặt chân lên đất nước ta, chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của mọi tầng lớp nhân dân với các tấm gương tiêu biểu như: Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế. Trong lúc cả nước sôi sục khí thế chống quân xâm lược thì triều đình nhà Nguyễn lại nhượng bộ, từng bước cắt đất, dâng nước ta cho Pháp. Điều này được thể hiện qua các Hiệp ước: Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Hiệp ước Hác măng (1883), Hiệp ước Patonốt (1884).

Năm 1897, sau khi phong trào Cần Vương thất bại, thực dân Pháp cơ bản hoàn thành công cuộc xâm lược và bình định nước ta. Chúng tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) và lần thứ hai (1919-1929). Từ một quốc gia phong kiến có chủ quyền, Việt Nam đã bị mất quyền tự chủ và trở thành một bộ phận của Đông Dương thuộc Pháp. Để duy trì áp bức, bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp thiết lập chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Người Pháp nắm quyền đến cấp tỉnh, từ cấp phủ, huyện, tổng, xã, thôn... Pháp sử dụng bọn phong kiến, cường hào làm tay sai, đặt dưới sự kiểm soát của chúng.

Lúc đầu ở tỉnh Thái Nguyên, bọn thực dân Pháp cai trị theo chế độ quân quản, đứng đầu là viên công sứ người Pháp. Sau đó, chúng lập chính quyền dân sự nhưng thực chất chúng vẫn nắm quyền hành. Bên cạnh đó, thực dân Pháp duy trì chức tuần trưởng (tỉnh trưởng), án sát (phụ trách tư pháp) do triều đình nhà Nguyễn đặt ra nhưng thực chất quyền lực đều tập trung vào viên công sứ người Pháp.

Từ huyện đến xã chúng vẫn duy trì chế độ phong kiến. Ở huyện, bên cạnh đội ngũ quan lại bản xứ lại có thêm chỉ huy đồn binh người Pháp cũng can thiệp vào việc cai trị, quan huyện đứng đầu chỉ là bù nhìn. Ở châu Đại Từ, đứng đầu là một tri châu, đặt dưới quyền chỉ huy của tên đồn trưởng người Pháp. Dưới châu là cấp tổng, chúng đặt ra chức chánh tổng. Ở cấp xã, làng (xóm) có Hội đồng kỳ mục, lý trưởng, phó lý, xã đoàn, trưởng tuần. Mọi công việc của làng xóm đều do tên đồn trưởng người Pháp sai khiến.

Ở Bản Ngoại cũng vậy, thực dân Pháp dựng lên bộ máy cai trị nhằm vơ vét, bóc lột về kinh tế một cách triệt để. Cách bóc lột phổ biến nhất của thực dân Pháp, phong kiến là đặt ra nhiều thứ thuế, trong đó nặng nhất là thuế thân (hay còn gọi là thuế đinh, sưu). Ngày 2-6-1897, toàn quyền Đông Dương Paul Dumer¹ đã ra nghị định về chính sách thuế thân đối với người dân ở Bắc kỳ. Nội dung như sau: *“thuế thân đánh vào người 18 tuổi đến 60 tuổi. Tất cả những ai trong diện đóng thuế thân đều phải có thẻ thuế thân, trên thẻ có chữ ký hoặc điểm chỉ, có dấu triện của lý trưởng. Mỗi năm thay thẻ một lần, màu sắc thẻ cũng phải thay đổi hàng năm. Đi đâu cũng phải mang thẻ, trường hợp không mang thẻ mà bị người khác bắt giữ thì phải nộp tiền để lấy thẻ mới. Nếu dùng thẻ của người khác phải nộp phạt, người cho mượn thẻ cũng bị phạt”*.

Bên cạnh đó, bọn cai, phó tổng, lý trưởng cấu kết chặt chẽ với nhau, lại được thực dân, phong kiến dày công đào tạo, dung dưỡng làm chỗ dựa nên chúng đã lợi dụng sưu thuế để tăng thêm nhiều khoản phụ thu, thậm chí tăng thuế càng khiến cho đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

Sưu đã cao, thuế đã nặng, người dân phải vất vả lao động cả năm mà không đủ tiền nộp. Vì vậy hàng năm, cứ đến vụ sưu thuế là xóm làng bao trùm một không khí căng thẳng, ngột ngạt. Nhiều người đến hạn mà không có đủ tiền nộp sưu thuế bị trói, lôi ra đình cho đến khi có tiền nộp thì được tha về. Do vậy, cảnh cầm cổ ruộng đất, bán

1. Toàn quyền Đông Dương từ năm 1896-1902.

vợ, đợ con lại diễn ra để cứu lấy người thân. Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, lý dịch cũng như kẻ giàu sang tiếp tục lợi dụng kiếm lời từ những con người cùng khổ - từ bắt chẹt giá cả mua bán, cầm cố, đến vò tiền văn tự đóng dấu. Người dân chỉ còn biết nhắm mắt chấp nhận, miễn sao người thân thoát khỏi nạn đánh trời, tù đầy. Sau mỗi vụ thuế, xóm làng xơ xác, tiêu điều, nhiều gia đình chịu cảnh ly tán, đời sống cực khổ, tăm tối.

Thuế thu bằng tiền cố định, không kể thu hoạch thấp hay cao, giá thóc ở thị trường hơn hay kém. Đây chính là nguyên nhân đẩy nhanh quá trình bán cùng hóa tầng lớp trung nông, làm phá sản các địa chủ nhỏ, nhất là vào những năm thất thu. Người dân phải tha hương cầu thực, đi phu, đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân Việt Nam nói chung, người dân trong các làng xóm của Bản Ngoại nói riêng trong vòng áp bức của chế độ thực dân phong kiến. Ở nhiều nơi trong xã, nhân dân đã đứng lên chống lại ách thống trị, chống nộp tô tức, sưu thuế, chống đi phu, đi lính... Có nhiều người liều mình đánh cả lý trưởng, hương kiểm, tuần đồng hoặc bỏ đi nơi khác. Tuy nhiên đây chỉ là hình thức đấu tranh tự phát, rời rạc, không có tổ chức chỉ đạo nên nhanh chóng bị dập tắt và đàn áp.

2. Tình hình kinh tế

Về cơ bản, Bản Ngoại có một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, mang nặng tính tự cấp, tự túc. Ruộng đất ở Bản Ngoại rộng lớn nhưng lại tập trung phần lớn trong tay địa chủ, cường hào, 80% ruộng đất thuộc về đồn điền. Trước

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã có 2 đồn điền của Phạm Bá Như và Nguyễn Thị Năm¹.

Năm 1932, toàn tỉnh Thái Nguyên có 18 đồn điền lớn của bọn thực dân Pháp. Ở Đại Từ có đồn điền của Đờ-mông-pơ-da (sau chuyển cho Ga-ri), đồn điền ở Bản Ngoại của Phạm Bá Như (chiếm khoảng 125ha). Ngoài ra, còn có các đồn điền Trảng Lương, Phú Lạc, Hà Thượng, Hoàng Nông, Mỹ Yên... Hình thức bóc lột ở các đồn điền chủ yếu bằng địa tô. Bình quân mỗi mẫu ruộng ở đồn điền Ga-ri một năm phải nộp 24 thùng thóc.

Thời Pháp thuộc, ở các làng, xã ruộng đất tập trung vào tay của bọn thực dân và địa chủ lớn, hình thức bóc lột phổ biến là phát canh thu tô hoặc cấy rẽ. Múc địa tô thường chiếm một nửa số thu hoạch, những người lĩnh canh còn phải nộp lễ vật các ngày giỗ, ngày tết và làm không công cho địa chủ nên thực tế số địa tô chiếm gần hai phần ba số thu hoạch. Hình thức và thủ đoạn bóc lột của bọn địa chủ, chủ đồn điền rất đa dạng, vừa tinh vi vừa trắng trợn. Ngoài hình thức bóc lột phổ biến là phát canh thu tô, những tô tức nặng nề thực tế số địa tô chiếm gần 2/3 số thu hoạch, bất kể được mùa hay mất mùa. Những địa chủ nhỏ, hình thức bóc lột phổ biến là thuê lao động trong các khâu cấy cấy, làm cỏ, tát nước, thu hoạch lúa với giá tiền công rẻ mạt. Bọn địa chủ còn sử dụng thủ đoạn cho

1. Sau này, bà Năm giao cho bà Nguyễn Thị Vịnh, vợ ông Phạm Bá Như.

vay nặng lãi với lãi suất nặng. Vay được 1 thùng thóc, đến mùa 1 thùng phải trả thành 1,3 thùng, thậm chí phải trả lên 1,5 thùng hoặc gấp đôi.

Tầng lớp trung nông, mỗi hộ có trên dưới 1 mẫu ruộng cũng không nhiều. Còn lại đại bộ phận là dân cày nghèo, có ít hoặc không có ruộng đất, phải đi cày thuê, cuốc mướn, hoặc nhận ruộng, nhận trâu bò của địa chủ về chăn nuôi, sản xuất để nộp tô cho chúng. Nền sản xuất độc canh, kỹ thuật lạc hậu, ruộng đồng không được cải tạo, thua được nhờ trời, mạnh ai nấy làm... nên tình trạng mất mùa xảy ra liên miên. Những năm được mùa thì còn có miếng ăn, năm mất mùa thì đói khổ, người dân phải ăn khoai, sắn thay cơm.

Thôn xóm tiêu điều, người dân thiếu đói, sống trong cảnh nhà tranh vách đất, quần áo rách rưới, đường sá lầy lội, nhỏ hẹp là hình ảnh chung về nông thôn Bản Ngoại thời kỳ này.

Trong khi sản xuất nông nghiệp đình đốn, trì trệ, lạc hậu, đói kém thì kinh tế thương nghiệp cũng bị kìm hãm, hoạt động giao thương bị hạn chế. Ở các xóm chủ yếu là buôn bán nhỏ, buôn gánh, bán bung, làm nghề cắt tóc, thợ may, hàng phở, hàng nước... Không những vậy, một số mặt hàng thiết yếu như muối, dầu, thực dân Pháp cũng giành quyền độc thương, đánh thuế rất cao. Chúng tuyệt đối nghiêm cấm việc nấu rượu, buôn bán muối trong nhân dân.

Tóm lại, kinh tế Việt Nam nói chung và Bản Ngoại nói riêng dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến vô cùng

tối tăm. Người dân ngày càng bị bản cùng hóa, mâu thuẫn xã hội trở nên sâu sắc và gay gắt. Nhân dân ta sẵn sàng vùng lên để giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột nặng nề khi thời cơ và ngọn lửa cách mạng bùng phát.

3. Tình hình văn hóa - xã hội

Bên cạnh nỗi khổ về vật chất do chính sách bóc lột về kinh tế của thực dân Pháp gây ra, nhân dân các dân tộc trong tỉnh Thái Nguyên nói chung và nhân dân Bản Ngoại nói riêng còn bị đày đoạ về tinh thần. Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân”, kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt, lạc hậu.

Một thời gian dài kể từ ngày chiếm tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã không mở trường học. Sau này, do nhu cầu đào tạo tay sai, chúng phải mở một vài trường, lớp, tuy nhiên chỉ hạn chế ở bậc sơ học (tương ứng với tiểu học). Ở Bản Ngoại cũng như hầu hết các làng, tổng trong huyện Đại Từ lúc bấy giờ, nền giáo dục không được tầng lớp thống trị coi trọng. Cả huyện Đại Từ chỉ có 3 trường Sơ học đặt tại Ký Phú, Hùng Sơn và Phú Minh, có 4 hương trường (trường làng) đặt tại Lục Ba, Cù Vân, Tân Phú, Yên Giả, sau mở thêm 3 trường nữa ở Bản Ngoại, Trảng Lang, Dựng Tú. Năm 1942, chúng mở thêm trường Kiêm bị (tiểu học toàn cấp). Tuy nhiên, việc học chỉ dành cho số ít con em các gia đình khá giả mà bọn thực dân ưu ái, nhằm đào tạo ra tầng lớp quan lại bản xứ phục vụ cho nhu cầu của bọn thực dân. Một số gia đình có điều kiện kinh tế mời thầy về dạy tại nhà. Về cơ bản, thực dân Pháp vẫn duy trì

chính sách ngu dân. Sau hơn 80 năm đô hộ của chúng, số người mù chữ ở Đại Từ nói chung và Bản Ngoại nói riêng vẫn chiếm hơn 95% dân số.

Để đầu độc nhân dân về văn hóa, thực dân Pháp đã khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, mê tín dị đoan, tuyên truyền phổ biến lối ăn chơi trụy lạc, trác táng. Chúng bắt nhân dân ta phải uống “rượu ty”, làng bản nào không tiêu thụ hết số rượu của chúng vẫn phải trả tiền và bị coi là “làng phiền loạn”. Chúng dùng thuốc phiện để đầu độc nhân dân và làm suy yếu giống nòi. Trên địa bàn cả tỉnh Thái Nguyên cũng như Bản Ngoại, thuốc phiện được bán công khai, nhiều tiệm rượu, tiệm hút, sòng bạc được mở để thu hút, lôi kéo một số thanh niên vào con đường nghiện ngập, ăn chơi sa đọa, mòn mỏi về thể xác và tinh thần.

Dưới ách cai trị của thực dân phong kiến, cuộc sống của nhân dân xã Bản Ngoại vô cùng tăm tối, thiếu ăn, thất học, mù chữ, làm cho tinh thần người dân sa sút. Đặc biệt sau khi phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cùng với thực dân Pháp câu kết bóc lột nhân dân ta, càng đẩy nhân dân ta đến tận cùng của sự đói khổ.

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, miền Bắc xảy ra nạn đói khủng khiếp làm chết hơn 2 triệu người. Nhân dân các làng ở Bản Ngoại cũng bị ảnh hưởng, người dân vào những vùng núi rừng để đào củ mài, củ sắn, hoa quả rừng... có thể ăn được sống qua ngày nên không xảy ra tình trạng chết đói.

Đói nghèo và lạc hậu đã dẫn đến tình trạng ốm đau, bệnh tật tràn lan trong các làng quê lúc bấy giờ. Tuy nhiên, công tác y tế, chăm lo sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân chú ý. Trong toàn tỉnh Thái Nguyên, chúng chỉ thành lập 1 Ban y tế. Như vậy, ở Bản Ngoại cũng như nhiều địa phương khác của cả tỉnh không có cơ sở khám chữa bệnh. Có bệnh, người dân thường dùng thuốc nam theo kinh nghiệm được lưu truyền và kiểm nghiệm trong dân gian. Khi bị bệnh nặng mới tìm đến nhà các thầy lang bốc thuốc, nhưng thường không được chữa khỏi. Nhiều người do hiểu biết hạn chế, mù quáng tin vào bói toán, cúng bái nên tìm đến thầy cúng, thầy mo hoặc phó mặc cho số phận nên làm cho số người chết và ốm đau ngày một gia tăng. Việc đỡ đẻ trong làng thường do “bà mụ”, “bà đỡ” có kinh nghiệm đảm nhận, tình trạng “hữu sinh vô dưỡng” trở nên phổ biến trong xã hội Bản Ngoại vào những năm trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong những năm 1942-1943, kinh phí thực dân Pháp đầu tư cho xây dựng nhà tù gấp 10 lần kinh phí dành cho phát triển giáo dục.

Những luật lệ hà khắc cùng với sự bóc lột dã man của thực dân Pháp và bè lũ tay sai khiến làng quê nơi đây như một thảm cảnh. Xã hội đầy rẫy những mâu thuẫn: mâu thuẫn dân tộc (giữa dân tộc ta và bọn Pháp - Nhật), mâu thuẫn giai cấp (giữa nông dân và địa chủ). Sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, phát xít đã đẩy mâu thuẫn đó càng trở nên gay gắt. Trong bối cảnh đó, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) với đường lối cách mạng đúng đắn đã thức tỉnh khát vọng được làm chủ bản thân và làm chủ

mảnh đất mình sinh sống của toàn thể nhân dân, vạch đường chỉ lối cho cả dân tộc ta đứng lên làm cách mạng, tự giải phóng mình. Nhiều làng quê của Bản Ngoại cũng như các làng quê khác bước vào một thời kỳ mới: Thời kỳ vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ, giành độc lập tự do.

II. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN XÃ BẢN NGOẠI TÍCH CỰC THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1930-1945)

1. Phong trào cách mạng ở Bản Ngoại dưới ánh sáng của Đảng

Sau thời gian bốn ba tìm đường cứu nước, được tiếp cận nghiên cứu, thể nghiệm lý luận, thực tiễn và xác lập con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Kể từ đây, Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị tiền đề chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập một chính Đảng ở Việt Nam. Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, tháng 2-1930, 3 tổ chức cộng sản ở trong nước (An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã nhất trí hợp thành một tổ chức lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ra đời tạo một bước ngoặt lớn cho cách mạng nước ta.

Nhằm gương cao hơn nữa ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tập hợp giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác vào mặt trận cách

mạng. Sự ra đời của Đảng đã mở ra một thời kỳ mới, giúp cho con đường cách mạng của nhân dân ta sáng rõ hơn. Từ nay, nhân dân ta đã có một chính Đảng lãnh đạo, vạch đường chỉ lối để tiến gần hơn những thành công trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng nước nhà.

Trên địa bàn xã Bản Ngoại nói riêng và huyện Đại Từ nói chung, kể từ sau cuộc nổi dậy của binh lính Thái Nguyên năm 1917, để bảo vệ quyền lợi kinh tế quan trọng của mình, bọn thực dân đế quốc đã tăng cường bộ máy đàn áp nên hoạt động cách mạng gặp nhiều khó khăn. Mật thám địch hoạt động ráo riết, phát hiện tất cả những người lạ mặt, bám sát các hầm mỏ, đồn điền là nơi tập trung đông công nhân. Từ ngày thành lập cho đến ngày Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất (1935), nhiều cơ sở Đảng ở các tỉnh bạn có hướng hoạt động vào địa phương nhưng đều bị bọn địch phát hiện và ngăn chặn.

Năm 1934, Chi bộ Long Châu¹ được mở rộng hoạt động để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc

1. Chi bộ Long Châu là Chi bộ được thành lập tháng 12-1929 ở Trung Quốc, lúc đầu có 3 đảng viên. Chi bộ được giao nhiệm vụ phát triển phong trào hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu tổ chức huấn luyện và sau đó kết nạp một số đồng chí vào Đảng, đồng thời công nhận Chi bộ Long Châu là Chi bộ chính thức của Đảng do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư.

thiếu số. Chi bộ Long Châu còn được gọi là Đặc khu ủy Cao - Lạng - Thái. Sau Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ I tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc), Chi bộ Đảng Long Châu đã thực hiện nghị quyết Đại hội và đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động. Qua đó, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng có nhiều thuận lợi.

Năm 1936, Chi bộ Đảng thành lập ở La Bằng, đây chính là tổ chức Đảng đầu tiên ở huyện Đại Từ và của tỉnh Thái Nguyên. Từ đây, có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo, hoạt động đã ảnh hưởng rộng lớn đến các địa phương lân cận trong đó có Bản Ngoại.

Sự ra đời và hoạt động của Chi bộ Đảng ở La Bằng đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cách mạng ở xã Bản Ngoại. Năm 1939, cùng với một số xã phía bắc của huyện Đại Từ, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại được nhiều cán bộ của Đảng đến giác ngộ, tổ chức nhiều lớp học tìm hiểu về Đảng Cộng sản Việt Nam. Địa điểm tại nhà ông Triệu Công Minh xóm Đồng Ngõ (giáp La Bằng ngày nay).

Từ năm 1939, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn tác động đến phong trào cách mạng ở Đại Từ nói chung và Bản Ngoại nói riêng. Tại Lạng Sơn, ngày 27-9-1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ cho đến cuối năm 1940, quân du kích Bắc Sơn phải rút lui vào rừng để duy trì lực lượng và tiếp tục chiến đấu. Mặc dù cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn chưa thành công nhưng đã tác động sâu sắc,

đồng thời cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi vừa về nước, Người đã cho triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương VIII tại hang Pắc Bó (Cao Bằng), chủ trương chuyển hướng cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, vì: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận “Việt Nam độc lập đồng minh” (gọi tắt là Việt Minh) để đoàn kết toàn dân tộc, đứng lên khởi nghĩa giành độc lập tự do. Hội nghị cũng quyết định các đoàn thể quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc như Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc.

2. Nhân dân xã Bản Ngoại trong cao trào kháng Nhật cứu nước và Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Từ năm 1940-1944, nhân dân xã Bản Ngoại đã được giác ngộ cách mạng, tinh thần đấu tranh lên cao, do vậy nhân dân hăng hái tham gia các phong trào, chống bọn địa chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống đi lính cho Pháp...

Là nơi liền kề với cơ sở Đảng đầu tiên (xã La Bằng) của tỉnh Thái Nguyên, xã Bản Ngoại đã nuôi giấu nhiều cán bộ về hoạt động cách mạng như các đồng chí Hoàng

Văn Nghiệp, Triều Đông, Lý Đức Phúc, Đường Nhất Quý, Nguyễn Văn Ái là những người đứng đầu phong trào Việt Minh lúc bấy giờ.

Sang năm 1945, tình hình thế giới chuyển biến mạnh mẽ có lợi cho phong trào cách mạng nước ta. Phe phát xít bị thua trên các chiến trường, Hồng quân Liên Xô giành được nhiều thắng lợi to lớn và chuẩn bị tấn công phát xít Nhật ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Quân Nhật ở Đông Dương cũng đang bị suy yếu do phải lo đối phó với quân Đồng minh.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương, chúng lập nên Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam hòng lừa bịp nhân dân ta, tạo nên sự hỗn loạn về chính trị, xã hội. Đây cũng là lúc thời cơ đến với cách mạng Việt Nam. Đảng ta ra sức đẩy mạnh phong trào yêu nước, nhanh chóng tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong quần chúng nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, khơi dậy lòng tự tôn dân tộc. Ngay đêm 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị: *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, với khẩu hiệu: *"Đả đảo phát xít Nhật"*, đồng thời nêu cao khẩu hiệu: *"Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương"*.

Tiếp đó, Mặt trận Việt Minh ra "Hịch" kêu gọi đồng bào đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước. Lời Hịch thôi thúc mọi người đứng lên hành động.

Trước đó, ngày 10-3-1945, tại Thái Nguyên, quân Nhật từ Hà Nội kéo lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Sau đó, chúng tiến hành đánh chiếm một số vùng xung quanh huyện Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên. Từ tỉnh lỵ, huyện lỵ đã chiếm đóng, quân Nhật tung nhiều toán binh lính lùng sục sâu vào các làng xã thăm dò lực lượng của ta. Ở một số nơi, chúng đã bị lực lượng vũ trang của ta chặn đánh quyết liệt. Nhân dân ta hầu hết ở các vùng đều thực hiện chính sách “vườn không nhà trống”, cùng các lực lượng du kích, Cứu quốc quân bao vây kinh tế, ngăn chặn giao thông, cắt đứt liên lạc, tiếp tế của địch làm cho chúng gặp nhiều khó khăn.

Ngày 25-3-1945, ông Song Hào từ Phân khu Nguyễn Huệ về xã Yên Lãng để tổ chức cuộc họp kêu gọi thành lập tổ chức Việt Minh. Do sớm được giác ngộ cách mạng nên nhân dân xã Bản Ngoại đã hăng hái tham gia các phong trào đấu tranh. Ngày 29-3-1945, hàng chục thanh niên xã Bản Ngoại đã nhập vào Đoàn Cứu quốc quân. Đoàn do ông Nguyễn Trung Thành, Đường Nhất Quý, Chu Văn Tấn chỉ huy tiến về huyện lỵ Đại Từ giành chính quyền.

Ngày 5-4-1945, phát xít Nhật đã huy động hàng trăm binh lính và sĩ quan tấn công huyện lỵ Đại Từ. Chúng đã đưa theo bọn tay sai Đại Việt, Quốc dân Đảng đi theo dẫn đường, chỉ điểm, đồng thời sử dụng một số tên tay sai trung thành và đặc lực để phục vụ cho việc thành lập chính quyền bù nhìn ở huyện. Tại Đại Từ, chúng đã kiểm soát được một số xã như Hùng Sơn, Bình Thuận, Hà Thượng...

Trước tình hình phát xít Nhật ngày càng mở rộng địa bàn đánh chiếm ở Đại Từ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh ở các xã đã tổ chức các đơn vị du kích vũ trang tăng cường các hoạt động tuần tra, canh gác, kiểm soát chặt chẽ mọi ngã đường cả ban ngày và ban đêm. Lực lượng du kích ở các thôn luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng quần chúng tranh thủ mọi thời gian tích cực tăng gia sản xuất, đào hầm hào, cất giấu lương thực tài sản.

Đầu tháng 3-1945, tình hình có sự thay đổi do yêu cầu của cách mạng, xã Khâu Giáo và xã Phú Lạc Hạ được sáp nhập thành một xã, lấy tên là xã Tự Do. Tại nhà ông Triệu Công Minh, dưới sự chủ trì của đồng chí Đường Nhất Quý, tổ chức Việt Minh ở xã được thành lập. Ban đầu, ông Triệu Công Minh được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh, đến tháng 8-1945, giao cho ông Triệu Minh Chính làm Chủ nhiệm Việt Minh. Cũng trong giai đoạn này xã Bản Ngoại đổi tên thành xã Hùng Chung, ông Phùng Ngọc Tương được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh.

Dưới sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh, phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng phát triển mạnh mẽ theo chiều hướng có lợi cho ta. Tinh thần đấu tranh của quần chúng được nâng lên một bước, nhất là cuộc đấu tranh của nhân dân với địa chủ phong kiến, bộ máy của thực dân Pháp từ huyện lỵ đến các xã đều hoang mang lo sợ, địa chủ phong kiến bỏ chạy... lý trưởng Triệu Khải Tân chạy trốn, Lý Sách bị bắt, Lý Tương (tức Phùng Ngọc

Tương) do sớm được giác ngộ nên được giao làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Hùng Chung.

Các tổ chức như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc được thành lập và hoạt động sôi nổi. Tổ chức lực lượng dân quân du kích được thành lập từng trung đội, tiểu đội, luyện tập võ thuật, tập quân sự tại khu vực xóm Đồng Ngõ, Vai Cày.

Đặc biệt, trong trận càn của quân Nhật ngày 28-4-1945¹, sau khi chiếm lại huyện lỵ Đại Từ, quân Nhật thực hiện cuộc càn quét theo Quốc lộ 13A (Quốc lộ 37 ngày nay đi Yên Lãng) hòng đàn áp phong trào của Việt Minh, khi đến dốc Vai Cày quân Nhật đã bị dân quân du kích xã Bản Ngoại kết hợp với lực lượng Cứu quốc quân do anh Lý chỉ huy phục kích, chặn đánh bất ngờ, tiêu diệt một tên quan ba, một lính kỵ binh và 3 con ngựa... buộc chúng phải rút chạy về Đại Từ, từ bỏ cuộc càn quét. Trong trận đánh này, đồng chí Lãng Viết Sáng đã hy sinh, đây là người con ưu tú đầu tiên của xã Bản Ngoại đã hy sinh vì nền độc lập nước nhà.

Chiến thắng chống càn ở dốc Vai Cày đã động viên tinh thần cách mạng của nhân dân các dân tộc, các tổ chức lực lượng dân quân du kích được củng cố vững chắc thêm, tình hình an ninh chính trị của địa phương được ổn định, góp phần bảo vệ căn cứ cách mạng và các đồng chí cán bộ đang hoạt động tại địa phương.

1. Theo Hồ sơ lý lịch Đảng của đồng chí Lãng Viết Sáng.

Ngày 4-6-1945, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai chiến khu Cao - Bắc - Lạng, Hà - Tuyên - Thái và một phần tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Toàn bộ khu giải phóng có diện tích khoảng 40.000km² với hơn 1 triệu dân và lực lượng vũ trang, cả chủ lực và địa phương quân lên tới hàng nghìn người. Dưới sự lãnh đạo của khu giải phóng, các tổ chức Đảng huyện Đại Từ, xã Bản Ngoại đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân tham gia cách mạng, tham gia các phong trào về sản xuất, xóa nạn mù chữ, đấu tranh đòi giảm tô... Những cuộc vận động có tác dụng trực tiếp đến đời sống nhân dân nên đã động viên được toàn thể đảng viên, nhân dân địa phương hăng hái tham gia.

Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, nhân dân các dân tộc xã Hùng Chung đã đưa đón an toàn các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước như bảo vệ đồng chí Võ Nguyên Giáp. Sau khi đi Tân Trào dự Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ trở về đã dừng chân nói chuyện với Đội Cứu quốc, đồng chí Hồng An đóng quân tại xóm Đồng Ngõ, bảo vệ đồng chí Lê Trung Đình, cán bộ lãnh đạo của Đảng làm việc tại xóm Đồng Ngõ, sau khi đánh đồn Tam Đảo.

Ngày 16-8-1945, giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã tiến đến Đồng Mãng, Đồng Cọ (xã Yên Lãng). Quân giải phóng đã gặp đồng chí Trung Đình và đồng chí Nhị Quý. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã trao đổi kế hoạch tiến quân giành chính quyền với hai đồng chí lãnh đạo địa phương. Sau khi được đồng bào cung cấp lương thực, quân cách mạng được bổ sung thêm lực lượng của

huyện Đại Từ đã bỏ qua đồn Nhật ở huyện lỵ tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Sáng ngày 18-8-1945, Đại đoàn quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đi từ Tân Trào (Tuyên Quang) về qua Đồng Thác (xã Phú Thịnh), đóng quân tại Bản Ngoại, Ban Chỉ huy đã dừng chân tại nhà ông Nguyễn Văn Báu¹, sau đó Đoàn quân tiếp tục theo đường qua Phục Linh tiến về thị xã Thái Nguyên.

Ngày 26-8-1945, quân đội Nhật ở tỉnh lỵ đầu hàng và chấp nhận các điều kiện của ta. Ngày 28-8-1945, đại diện của quân Nhật đã đi cùng với đại diện Chính phủ ta đến hạ lệnh cho quân Nhật ở Đại Từ hạ vũ khí đầu hàng rồi rút qua Thái Nguyên về Hà Nội. Khi quân Nhật đầu hàng, bọn hào lý ở các xã hoang mang, lo sợ, Mặt trận Việt Minh xã đã tổ chức cuộc mít tinh, kêu gọi các lý trưởng ra nộp đồng triện, trao trả cho chính quyền nhân dân.

Cuộc đấu tranh giành chính quyền ở xã đã thu được thắng lợi hoàn toàn. Sau 15 năm kể từ khi có Đảng ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân xã Bản Ngoại đã anh dũng đấu tranh, thoát khỏi kiếp nô lệ, thực sự có cuộc sống, tự do. Lịch sử cách mạng dân tộc Việt Nam cũng như nhân dân Bản Ngoại bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ củng cố, bảo vệ những thành quả của cách mạng và xây dựng quê hương.

1. Sau này, ông Nguyễn Văn Báu được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa.

III. CHI BỘ ĐẢNG XÃ HIỆP HÒA RA ĐÒI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC, CÙNG NHÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1954)

1. Tình hình xã Bản Ngoại sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, Đảng ta đã quy tụ, đoàn kết tất cả các giai cấp và tầng lớp yêu nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp trong cả nước, đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai. Qua 15 năm (1930-1945) lãnh đạo cách mạng, trải qua đấu tranh gian khổ, mặc dù gặp phải những tổn thất, hy sinh to lớn nhưng Đảng ta vẫn giữ vững ý chí chiến đấu, kiên định cách mạng, trung thành với mục tiêu lý tưởng của mình. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do.

Niềm vui và không khí tự do của những ngày đầu độc lập chưa được bao lâu, nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân xã Bản Ngoại nói riêng đã phải đứng trước muôn vàn khó khăn do chế độ thực dân phong kiến để lại. Hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 đã làm cho hơn 2 triệu đồng bào miền Bắc chết đói, nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, phần lớn ruộng đất vẫn nằm trong tay bọn địa chủ, trình độ dân trí thấp do chính sách “ngu dân” của thực dân Pháp để lại, cả nước có đến 95% dân số mù chữ. Cán bộ lãnh đạo

trưởng thành trong Cách mạng Tháng Tám ít, lại chưa có kinh nghiệm trong công tác quản lý. Bọn Việt gian, lý trưởng luôn rình rập chờ thời cơ ngóc đầu dậy, móc nối với các thế lực phản động chống phá cách mạng. Nhìn chung, các xã trên cả nước gặp những khó khăn trong bối cảnh chung của dân tộc sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Mặc dù vậy, phong trào cách mạng của xã cũng có nhiều thuận lợi như: Chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân, trong những buổi đầu độc lập tinh thần cách mạng của quần chúng đang dâng lên mạnh mẽ, mọi người đều hăng hái tham gia xây dựng chính quyền dân chủ, tích cực tham gia các phong trào do Đảng phát động.

Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 3-9-1945, sau khi phân tích những khó khăn và thuận lợi của tình hình cách mạng nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời đã đưa ra các biện pháp trước mắt và lâu dài nhằm giải quyết, khắc phục khó khăn do hậu quả của chế độ cũ để lại như: giải quyết nạn đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Để thực hiện thắng lợi những chủ trương của Đảng và Chính phủ, chính quyền xã được kiện toàn và đi vào hoạt động, điều hành công việc chung của làng xã. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy được vai trò của mình trong tình hình mới. Mọi tầng lớp nhân dân đều tích cực tham gia vào các đoàn thể, hoạt động của những tổ chức quần chúng này đã góp phần đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân xung quanh mặt trận. Các buổi họp, mít tinh tuyên truyền, cổ động diễn ra thường xuyên, làm thay đổi không khí miền quê Bản Ngoại trước kia vốn u ám, tối tăm bởi sự nghèo

nàn, lạc hậu dưới ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến. Trong không khí vui tươi, phấn khởi đó, chính quyền cách mạng xã đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trước những thuận lợi và khó khăn của địa phương, Mặt trận Việt Minh với vai trò tập hợp sức mạnh của khối đoàn kết các dân tộc, tập trung sức lực để khắc phục hậu quả chính sách ngu dân của thực dân, ra sức tăng gia sản xuất, kiên quyết không để tình trạng dân đói.

Việc diệt “giặc đói” được nhanh chóng tiến hành. Với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, nhân dân trong xã đã tích cực hưởng ứng các phong trào tiết kiệm do Chính phủ phát động, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Các gia đình khi nấu cơm đều dành lại một nắm gạo bỏ vào “hũ gạo tiết kiệm” để giúp những gia đình đang bị đói. Tích cực noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa 1 bơ) để cứu dân nghèo”*. Bên cạnh đó, nhân dân trong xã còn tổ chức “Ngày đồng tâm” không đổ lửa để cứu đói...

Tuy nhiên, những biện pháp cứu đói trên chỉ mang tính chất tạm thời. Để thực hiện chính sách đảm bảo lâu dài cuộc sống cho nhân dân, Đảng và Chính phủ chủ trương phát động tăng gia sản xuất. Cùng với nhân dân trong toàn huyện Đại Từ, nhân dân xã Bản Ngoại hăng hái thi đua sản xuất lương thực, trước mắt trồng những loại cây ngắn ngày như khoai lang, sắn... để chống đói. Nhiều khẩu hiệu được kẻ vẽ khắp nơi như *“Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa”, “Tắc đất tắc vàng”*... Những biện pháp này đã góp phần tháo gỡ khó khăn, xóa

dân nạn đói, động viên tinh thần yêu nước, niềm tin vào cách mạng, vào chính quyền của nhân dân.

Cùng với phong trào diệt “giặc đói”, phong trào diệt “giặc dốt” cũng diễn ra sôi nổi, với khẩu hiệu “*đi học là yêu nước*” được phổ biến rộng rãi tới từng người dân theo tinh thần “*Ban ngày sản xuất, ban đêm đi học*”. Ở Thái Nguyên, tháng 9-1945, Ty Bình dân học vụ được thành lập. Đến tháng 10-1945, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban lãnh đạo diệt “giặc dốt”, đồng thời phát động phong trào “toàn dân chống nạn mù chữ”. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ty bình dân học vụ tỉnh, cuộc vận động diệt “giặc dốt” diễn ra sôi nổi. Các làng đều thành lập Ban bình dân học vụ, các tổ chức mặt trận đoàn thể và Ban bình dân học vụ đã tích cực thực hiện công tác tuyên truyền và kiểm tra việc học tập của nhân dân. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng do ý thức được lợi ích của việc học chữ, cùng với biện pháp vận động nhân dân đi học rất linh hoạt, phong phú, phong trào đã lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Nhận thức rõ “đi học là yêu nước”, nhân dân hăng hái tham gia các lớp học, do vậy chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân biết đọc biết viết, thậm chí có người biết làm toán 4 phép tính, số hộ gia đình thoát nạn mù chữ ngày một tăng lên.

Thắng lợi bước đầu của phong trào diệt “giặc dốt” ngoài ý nghĩa về giáo dục còn là thắng lợi về chính trị. Nó còn thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, tạo điều kiện cho nhân dân nâng cao hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân của một nước độc lập, phát huy được vai trò quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương.

Để góp phần giải quyết khó khăn cấp bách về tài chính quốc gia, thực hiện Sắc lệnh của Chính phủ ngày 4-9-1945 về tổ chức “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”, Mặt trận Việt Minh ở các thôn trong xã đã tiến hành mít tinh, tuyên truyền cho nhân dân thấy rõ được việc đóng góp “Tuần lễ vàng” là một hành động thiết thực. Mặc dù, đời sống của nhân dân các xã còn rất nhiều khó khăn nhưng nhà nhà, người người đều tích cực tham gia, ai có gì ủng hộ nấy, cùng chung sức cho công cuộc kháng chiến của nước nhà. “Tuần lễ vàng” ở các làng trong xã được tổ chức rất trọng thể tại đình làng, nhiều người đã tự nguyện cởi dây chuyền, hoa tai, nhẫn vàng để ủng hộ cách mạng, không có vàng thì ủng hộ tiền mặt.

Công tác chăm sóc sức khỏe, bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới cũng được chính quyền xã quan tâm. Cuộc vận động xây dựng đời sống mới cũng được đẩy mạnh và đạt được kết quả tốt. Các tập tục cũ lạc hậu như phe giáp, hội họ, ma chay, cưới hỏi, khao vọng tốn kém phức tạp bị phê phán kịch liệt. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc rượu chè, hút sách, mê tín dị đoan... bị bài trừ. Thay vào đó là lối sống lành mạnh vui tươi dần được xác lập trong cộng đồng làng xóm. Phong trào hội họp, mít tinh, thể dục thể thao, múa hát tập thể, văn hóa văn nghệ... được mọi người tham gia đông đảo. Khắp thôn xóm trong xã nhân dân tham gia các phong trào về vệ sinh môi trường, vệ sinh ăn uống, đông đảo nhân dân hưởng ứng các phong trào “ăn chín uống sôi”, phong trào làm giếng nước sạch, diệt trừ ruồi muỗi, sâu bọ, làm nhà xí hợp vệ sinh... Do đó, sức khỏe của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Trong phong trào xây dựng dân quân tự vệ, hầu hết các xóm trong xã đều có lực lượng dân quân tự vệ để bảo vệ xóm làng, bảo vệ căn cứ địa cách mạng. Mỗi xóm của xã có 1 tiểu đội dân quân, xã có 1 trung đội (từ 25-30 người) thường xuyên canh gác, tuần tra bảo vệ xóm làng.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, các thế lực bên ngoài đã lộ rõ âm mưu xâm lược nước ta, nhất là thực dân Pháp. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp quay trở lại hòng chiếm nước ta lần thứ hai, đồng bào Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Đứng trước sự quay trở lại của thực dân Pháp, ngày 25-11-1945 Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”. Chỉ thị phân tích rõ tình hình *“kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa vào chúng”*. Xác định rõ mục tiêu trước mắt và lâu dài của dân tộc ta, nhân dân trong xã ra sức luyện tập quân sự bảo vệ chính quyền cách mạng, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Phong trào động viên con em tham gia quân đội được phát động. Nhiều thanh niên xã Bản Ngoại được giác ngộ đã hăng hái tham gia phong trào cách mạng. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhiều thanh niên xã xung phong lên đường tham gia cách mạng như ông Lương Cẩm¹ (xóm Rừng Vằn) tham gia cách mạng từ tháng 12-1944. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã có nhiều thanh niên xung

1. Sau này ông được công nhận là Lão thành cách mạng.

phong hướng ủng phong trào Nam tiến như ông: Nguyễn Văn Năng (Xóm Phố), ông Chu Văn Bái (ở xóm Đàm Mua), ông Nguyễn Văn Huệ (xóm Khâu Giáo), ông Lương Văn Coong (xóm Rừng Lâm)...

Mặc dù phải tập trung vào việc chống “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm, Đảng và Chính phủ rất quan tâm đến việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngày 17-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 về việc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Nhận thức rõ đây là cuộc vận động chính trị rộng lớn, có tác dụng giáo dục lòng yêu nước và ý thức làm chủ cho nhân dân, chính quyền, Mặt trận Việt Minh các cấp trong tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động rộng khắp các thôn xóm chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho cuộc bầu cử.

Ngày 23-12-1945, hòa trong không khí tung bừng của ngày hội lớn, đông đảo nhân dân toàn xã đã đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹.

Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, thành lập chính quyền đại diện cho quyền lợi của nhân dân đã cổ vũ nhân dân cả nước nói chung và

1. Theo chủ trương của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 23-12-1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, bảo đảm thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử, Trung ương quyết định lùi cuộc bầu cử đến ngày 6-1-1946. Một số tỉnh trong đó có Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn nên vẫn tổ chức cho nhân dân đi bỏ phiếu vào ngày 23-12-1945 theo kế hoạch cũ.

nhân dân trong xã nói riêng. Niềm tin vào Đảng được củng cố để người dân tiếp tục tăng gia sản xuất, hăng hái tham gia các tổ chức đoàn thể để chuẩn bị cho cuộc trường chinh kháng chiến chống Pháp.

2. Xã Hiệp Hòa và Chi bộ Đảng được thành lập, lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp

Vào tháng 4-1946, lãnh đạo hai xã Tự Do và Hùng Chung đã tiến hành nhóm họp tại nhà ông Nông Văn Thế thuộc thôn Vai Cày (xóm Vai Cày ngày nay) do tổ chức cách mạng cấp trên chỉ đạo. Mục đích của cuộc họp là đề ra phương hướng chỉ đạo của địa phương và tiến tới thành lập chi bộ ghép của 2 xã, chuẩn bị cho việc bầu chính quyền mới. Cuộc họp có sự tham gia của các đồng chí Triệu Công Minh, Hoàng Văn Tiến, Triệu Minh Hồ, Triệu Minh Tân, Trần Thị Ninh, Phùng Vi Ca, Tạ Văn Dụ, Triệu Minh Chính, Triệu Văn Giáp, Triệu Khải Thịnh, Triệu Khải Hữu, Lương Văn Mậu, Nguyễn Bảo Sen, Nguyễn Quang Phong, Phùng Ngọc Trương, Đỗ Văn Ngâm, Nguyễn Văn Giá, Hà Bằng, Trần Ngọc Oanh, Sầm Văn Tam, Nguyễn Cao Nguyên, Hoàng Thị Niên, Nguyễn Hữu Cẩn, Nguyễn Quảng Phú, Mai Công Cứ. Chi bộ nhất trí bầu đồng chí Triệu Công Minh làm Bí thư Chi bộ (4/1946-6/1946).

Tháng 6-1946, được sự chỉ đạo của cấp trên, hai xã Hùng Chung và Tự Do sáp nhập làm một xã, lấy tên là xã Hiệp Hòa (xã Bản Ngoại ngày nay). Cũng trong năm này, xã tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ I (nhiệm kỳ 1946-

1949). Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa I, đồng chí Triệu Công Minh¹ được bầu làm Bí thư - Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, đồng chí Lương Văn Mậu làm Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Phạm vi quản lý hành chính của xã Hiệp Hòa cũng được mở rộng bao gồm các xóm: Khâu Giáo 1, Khâu Giáo 2, Phú Hạ, Dầm Mua, Vai Cây, Đồng Ngõ, Quang Trung, Ba Giăng, Lê Lợi, Khâu Giang, Xóm Phố, Rừng Vần, Ninh Giang, Rừng Lâm, Đồng Ninh, La Dạ, Cao Khản, Dầm Bàng, La Mận.

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng xã Hiệp Hòa, tình hình mọi mặt của xã dần đi vào ổn định, lực lượng dân quân tự vệ không ngừng được củng cố, đồng chí Triệu Minh Hồ phụ trách về quân sự, đồng chí Triệu Minh Tân² là Chính trị viên, đội du kích xã do đồng chí Chu Bái làm Trung đội trưởng, lực lượng quân dân du kích được trang bị vũ khí như súng khai hậu, lựu đạn, súng kíp, trong đội dân quân tự vệ có khoảng 20 người du kích.

Thời gian này, trên địa bàn xã có Tiểu đoàn 160 đóng quân do đồng chí Đại là Tiểu đoàn trưởng. Lực lượng của đơn vị được phân tán trong các nhà dân, Ban Chỉ huy toàn đoàn và đội cứu thương ở tại nhà ông Triệu Minh Tân.

-
1. Tháng 7-1947, đồng chí Triệu Minh Chính là Bí thư Chi bộ kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.
 2. Đồng chí sau này là Đại tá, cán bộ Tiền khởi nghĩa và nghỉ hưu tại địa phương.

Song song với việc củng cố, xây dựng làng xóm chiến đấu, Chi bộ Đảng và chính quyền cách mạng còn thường xuyên tổ chức tuyên truyền trong nhân dân thực hiện tốt phong trào tiết kiệm, ủng hộ kháng chiến. Nhà nhà đều có hũ gạo ủng hộ cho kháng chiến, hàng tháng nộp cho chính quyền để ủng hộ bộ đội đóng quân tại địa phương. Phong trào trung thu lương thực, thực phẩm cho kháng chiến do Nhà nước phát động được nhân dân trong xã nhiệt tình hưởng ứng và thực hiện tốt, tiêu biểu như ông Lương Văn Coong (xóm Lâm Giang), ông Triệu Khải Hữu (xóm Đồng Ngõ) và nhiều gia đình khác.

Để đảm bảo cho cuộc kháng chiến thắng lợi, cần phải có một hậu phương vững chắc. Với tầm nhìn xa trông rộng, tháng 11-1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội công tác đặc biệt do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách lên Việt Bắc nghiên cứu việc di chuyển và chọn địa điểm an toàn cho các cơ quan đầu não của Trung ương. Sau một thời gian tìm hiểu, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn vùng rừng núi Việt Bắc mà trung tâm là Bắc Cạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang, để xây dựng căn cứ địa kháng chiến.

Đầu năm 1947, thực dân Pháp chuẩn bị “Kế hoạch tấn công Việt Bắc” nhằm tiêu diệt đầu não kháng chiến của Việt Minh đang đóng tại đây, hoàn tất việc tái chiếm Đông Dương, với mục tiêu là diệt và bắt cơ quan đầu não của Việt Minh, tìm diệt bộ đội chủ lực, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, bịt kín, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc và ngăn

chặn mọi chi viện từ bên ngoài vào, truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của ta.

Trước tình hình đó, Đảng bộ huyện Đại Từ một mặt gấp rút tổ chức lực lượng sẵn sàng chiến đấu, một mặt lãnh đạo chính quyền và đoàn thể giúp nhân dân sơ tán, cất giấu tài sản lương thực, thực hiện “Vườn không nhà trống”, bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương và Liên khu đóng tại địa phương. Lực lượng dân quân, du kích tham gia giúp dân khẩn trương thu hoạch mùa màng.

Bên cạnh việc giúp nhân dân sơ tán, lực lượng du kích được củng cố và tăng cường về số lượng, tổ chức lãnh đạo. Tháng 10-1947, sau ngày toàn quốc kháng chiến, lực lượng dân quân du kích do đồng chí Triệu Minh Hồ làm Xã đội trưởng, đồng chí Triệu Minh Tân làm Chính trị viên xã đội, lực lượng dân quân du kích được chia thành nhiều trung đội, tiểu đội, tổ chức nhiều vọng gác sẵn sàng chiến đấu, canh phòng chặt chẽ từ Ba Giăng đến Vai Cày. Đặc biệt, vọng gác dốc Điệp do đồng chí Chu Văn Bái làm Trung đội trưởng trực tiếp chỉ huy, ngày đêm canh giữ nghiêm ngặt.

Từ ngày mùng 1 đến ngày 6-12-1947, thực dân Pháp đã thực hiện 2 cuộc càn quét qua xã Bản Ngoại. Sau khi cho quân nhảy dù xuống xã Phú Thịnh, chúng mở trận càn theo đường ngã ba Khuôn Ngàn xuống Vai Cày và Ba Giăng - Lê Lợi của xã Bản Ngoại. Tiến hành càn quét, thực dân Pháp âm mưu đàn áp phong trào cách mạng của Việt Minh và các khu căn cứ cách mạng của ta ở Bản Ngoại nói riêng

và Đại Từ nói chung. Trước tình hình đó, các lực lượng du kích đã phối hợp với các lực lượng quân đội chính quy đóng ở địa phương, bộ đội du kích xã Bản Ngoại do đồng chí Triệu Minh Hồ là Xã đội trưởng, Triệu Minh Tân là Chính trị viên đã đánh trả quyết liệt, sau 1 ngày 1 đêm buộc quân địch phải rút lui, khu căn cứ địa cách mạng được bảo vệ an toàn. Trong trận này, lực lượng dân quân du kích đã hy sinh 2 đồng chí, đơn vị bộ đội hy sinh 2 đồng chí, quân địch bị tiêu diệt 4 tên và 2 tên bị thương.

Thắng lợi của cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ địa, bảo vệ An toàn khu chứng tỏ tinh thần quyết tâm chiến đấu của cả dân tộc vì độc lập tự do của Tổ quốc, chứng tỏ đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng huy động được sức mạnh đoàn kết của toàn dân, phát huy tối đa sức mạnh tinh thần và vật chất trong nhân dân vào cuộc kháng chiến.

Tuy bị quân giặc càn quét liên tục, song các phong trào quần chúng của xã vẫn diễn ra sôi nổi và có hiệu quả nhằm khắc phục nạn đói, chống giặc đốt, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác y tế do ông Hoàng Văn Thêm phụ trách. Sự nghiệp giáo dục của xã lúc này chỉ có 1 lớp học ở xóm Cầu Bào (nay là xóm Khâu Giáo) do ông Việt Hưng phụ trách. Các phong trào quần chúng cũng có các hoạt động mạnh mẽ do Mặt trận Việt Minh phụ trách, Hội Phụ nữ cứu quốc do bà Trần Thị Ninh phụ trách, Thanh niên cứu quốc do anh Trần Văn Định phụ trách, Ban Công an xã do ông Hoàng Văn Trí phụ trách. Do vậy, công tác chính trị của địa phương được thực hiện tốt, động viên con em sẵn sàng lên đường chiến đấu, bảo vệ xóm làng và

tham gia lực lượng thanh niên xung phong như anh Trần Văn Sáng, ông Triệu Minh Hưởng và nhiều đồng chí khác.

Năm 1949, Đại hội Chi bộ Đảng lần thứ II (nhiệm kỳ 1949-1951) của xã Hiệp Hòa được tiến hành. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy, đồng chí Phùng Ngọc Tương làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Văn Giá được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Sau thất bại trong chiến dịch Việt Bắc - thu đông năm 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang chiến lược đánh lâu dài. Cuối năm 1949 đầu năm 1950, để chuẩn bị cho chiến dịch Biên giới, địch càn quét tấn công mạnh vào các khu căn cứ của ta ở tỉnh Thái Nguyên.

Sang năm 1950, theo kế hoạch của tướng Đờ - lát - Đờ tát - xi - nhi (Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương) thực hiện chủ trương xem Bắc bộ là chiến trường chính, chiếm rộng đồng bằng, củng cố biên giới, đồng thời ra sức tăng viện, tổ chức quân đội quốc gia bản xứ để làm giảm ảnh hưởng và thu hẹp khả năng kiểm soát của lực lượng Việt Minh, cụ thể hóa bằng cách tăng cường lực lượng trên chiến trường đồng bằng Bắc bộ, tổ chức một hệ thống phòng ngự mới dựa vào những cứ điểm lớn và những binh đoàn ứng chiến lớn, tăng cường phi cơ và trọng pháo để chống lại các cuộc tấn công của quân Việt Minh. Trong lúc đó, mở những cuộc càn quét liên tiếp, dữ dội ở trong vùng địch hậu, nhất là ở Nam bộ để củng cố chỗ đứng.

Để lấy lại thế chủ động, Pháp thực hiện tăng cường hệ thống phòng ngự đường số 4, khóa biên giới Việt - Trung, thiết lập hành lang Đông - Tây, cô lập Việt Bắc với đồng bằng Bắc bộ, chuẩn bị lực lượng để tấn công Việt Bắc lần thứ hai nhằm tiêu diệt đầu não Việt Minh.

Sau khi phân tích tính chính xác về mọi mặt, tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm 3 mục đích: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Từ đó, công việc chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương.

Cùng với huyện Đại Từ, nhân dân các dân tộc Bản Ngoại nô nức tham gia phục vụ chiến dịch. Nhiều con em đồng bào các dân tộc Bản Ngoại được huy động đi dân công sửa đường ở phía bắc hoặc tham gia vận chuyển lương thực, đạn dược ra tiền tuyến.

Để triển khai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ căn cứ, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên về việc thành lập các Ban Chỉ huy tác chiến ở cấp xã, Ban Chỉ huy tác chiến xã Bản Ngoại cũng được thành lập để huy động lương thực, thực phẩm, xây dựng làng chiến đấu, phá hoại cầu đường để ngăn cản bước tiến của quân địch, nhân dân xã cùng với toàn thể nhân dân huyện Đại Từ đã hăng hái đóng góp sức người sức của cho chiến dịch Biên giới, gắng sức hoàn thành những chỉ tiêu mà Nhà nước giao cho về nhân lực, vật lực.

Ngày 18-9-1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động “Tuần lễ thi đua giết giặc lập công” trong toàn tỉnh. Hưởng ứng phong trào này, hướng về chiến dịch Biên giới, cùng với nhân dân toàn tỉnh, toàn huyện, đồng bào các dân tộc xã Bản Ngoại đã tích cực góp công góp của cho bộ đội. Đồng bào phần khởi tham gia các cuộc vận động “may áo gửi người chiến sĩ”, “bán thóc quân lương”... Tại mặt trận Biên giới, quân Pháp ngày càng bị nguy khốn. Trước tình hình này, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định mở cuộc hành quân mang mật danh “Phoque” (Chó biển), tấn công vào Thái Nguyên. Đánh vào Thái Nguyên lần này, thực dân Pháp nhằm uy hiếp căn cứ địa Việt Bắc, hy vọng kéo được quân chủ lực ta về Thái Nguyên để cứu nguy cho đồng bọn đang sa lầy, chặn giữ cửa ngõ căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ sự tiếp tế, đồng thời chặn giữ các tuyến đường quan trọng (Quốc lộ 3, đường 13A và đường 1B)... Âm mưu của thực dân Pháp đánh vào Thái Nguyên không nằm ngoài sự phán đoán của Trung ương Đảng. Ngay từ trước khi quân ta mở chiến dịch Biên giới, địch đã có những hành động mang tính chất thăm dò. Chúng mở nhiều hướng tấn công tiến vào một số huyện, chiếm đánh thị xã Thái Nguyên để lấy đó làm cơ sở tỏa ra các vùng xung quanh, uy hiếp căn cứ địa kháng chiến, một lần nữa, tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Đại Từ nói riêng cùng với nhân dân xã Bản Ngoại lại bước vào thử thách mới.

Thi đua với các chiến sĩ ở mặt trận Biên giới, quân và dân Thái Nguyên kiên quyết đánh tan chiến dịch “Chó

biển” của địch. Trên cả 3 hướng tiến công, quân địch đều bị quân và dân ta bám sát, phục kích và chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Sau khi chiếm được thị xã Thái Nguyên, từ ngày 2-10 địch càn quét ra các vùng xung quanh, chúng dựa vào bọn phản động tay sai để lập Hội tề. Thực hiện chủ trương của Đảng, nhân dân các xã trong huyện thực hiện “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với địch, âm mưu lập tề của địch bị thất bại. Nhân dân xã Bản Ngoại sát cánh cùng với nhân dân các địa phương khác đánh đuổi giặc Pháp. Âm mưu của địch bị thất bại, chúng không kéo được quân chủ lực của ta để cứu nguy cho đồng bọn ở mặt trận Biên giới, lại đứng trước nguy cơ bị thất bại nên chúng buộc phải rút khỏi địa bàn Thái Nguyên.

Trước những thắng lợi liên tục của quân và dân ta, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại và toàn thể nhân dân huyện Đại Từ càng thêm tin tưởng và quyết tâm bước vào chặng đường mới, nhằm góp sức đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tới thắng lợi cuối cùng.

Sau khi đập tan cuộc hành quân “Chó biển” của giặc Pháp, Bắc Cạn và Thái Nguyên là hai tỉnh đầu tiên được giải phóng trong khu Việt Bắc. Đó là một thuận lợi lớn, tạo điều kiện cho nhân dân 2 tỉnh nói chung và huyện Đại Từ cùng nhân dân xã Bản Ngoại nói riêng, làm tròn nghĩa vụ của hậu phương với tiền tuyến.

Đầu năm 1950, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, tổ chức cho quần chúng nhận nuôi thương binh, nhiều gia đình

trong xã đã nhận làm con đỡ đầu, trong đó có các gia đình như cụ Mần (ở xóm Khâu Giang) đón nhận ông Nguyễn Văn Thế, cụ Hòa ở xóm Lâm Giang (xóm Rừng Lâm) đón ông Lê Đình Hòe.

Cuối năm 1950 đầu năm 1951, thực hiện chủ trương của cấp trên, 3 xã Hiệp Hòa, Phú Thịnh và xã Phú Lạc được sáp nhập thành một xã, lấy tên là xã Vinh Hòa, trụ sở làm việc đặt tại xóm Đồng Ninh (thuộc xã Bản Ngoại ngày nay). Ông Trương Văn Nhã được cử giữ chức Bí thư Chi bộ, ông Phùng Ngọc Tương¹ làm Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Cuối năm 1953, theo chủ trương của cấp trên, xã Vinh Hòa lại được tách ra thành 3 xã cũ là: xã Phú Thịnh, xã Phú Lạc và xã Hiệp Hòa.

Phát huy truyền thống cách mạng trong suốt 9 năm kháng chiến, lực lượng dân quân du kích và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại đã đóng góp thành tích đáng kể cùng với thành tích chung của cả nước, đó là đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước đóng tại địa phương như: Nơi làm việc của đồng chí Bồ Xuân Luật - Bộ trưởng Bộ không bộ (tại xóm Đầm Mua ngày nay), cơ quan trung chuyển vũ khí của Bộ Quốc phòng đóng tại xóm Đồng Tranh (xóm Đồng

1. Năm 1952, đồng chí Mùi là Chủ tịch, năm 1953, đồng chí Mậu là Chủ tịch.

Ngõ ngày nay), các đơn vị khác như Trung đoàn của đồng chí Mã Thành Kính, Tiểu đoàn của đồng chí Liên Chi, Trường Du kích¹ chiến tranh khai giảng khóa I vào cuối năm 1945, Trung đoàn 250 pháo phòng không của Sư đoàn 367 (năm 1954).

Đầu năm 1954, xã Hiệp Hòa đổi tên là xã Hùng Cường (tức xã Bản Ngoại hiện nay). Sau đó tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ III (nhiệm kỳ 1954-1957). Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Hà Văn Bằng được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Bảo Sen là Chi ủy viên, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Cuối năm 1953 đầu năm 1954, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang một tình thế mới. Tập trung nhân lực, vật lực cho chiến trường Điện Biên Phủ - đây sẽ là một trận quyết chiến cuối cùng giữa ta và Pháp. Thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để thắng địch ở Điện Biên Phủ”, nhân dân xã hăng hái đóng góp sức người, sức của cho trận quyết chiến này.

Trước yêu cầu về nhân lực và vật lực khổng lồ, các tổ Đảng, chính quyền và Mặt trận đã tổ chức vận động nhân dân đi tòng quân đánh giặc, đi dân công hỏa tuyến, đi thanh niên xung phong. Hàng trăm con em của Bản Ngoại đã xung phong ra chiến trường trực tiếp chiến đấu, tham gia làm

1. Trường có nhiệm vụ huấn luyện lực lượng bảo vệ Tỉnh đội, Huyện đội, bộ đội địa phương do đồng chí Trần Mạnh Quý - Cục trưởng Cục dân quân làm Thủ trưởng.

đường, vận chuyển vũ khí lương thực, đạn dược thuốc men, Bên cạnh đó, công tác phục vụ cho kháng chiến cũng được tiến thành khẩn trương. Kết quả xã đóng góp được 3.500kg gạo, hàng nghìn kilôgam lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến, vật liệu xây dựng để làm lán trại, nhà ở cho bộ đội và các cơ quan Trung ương, ủng hộ 32 con trâu và 1.500 con lợn cho bộ đội, tham gia đào hàng nghìn hầm hố các loại để chống xe cơ giới của địch, vót hàng ngàn mũi chông tre để chống quân Pháp nhảy dù. Ghi nhận những công lao, đóng góp và bảo vệ cách mạng, Nhà nước đã tặng thưởng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp theo Quyết định số 636/QĐ/CTN ngày 24-6-2005 do Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký; xã được công nhận là xã An Toàn Khu thuộc tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 213/2003/Q-TTG của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm ký ngày 23-10-2003. Bên cạnh đó, xã còn được tặng thưởng 23 Huân, Huy chương chiến thắng.

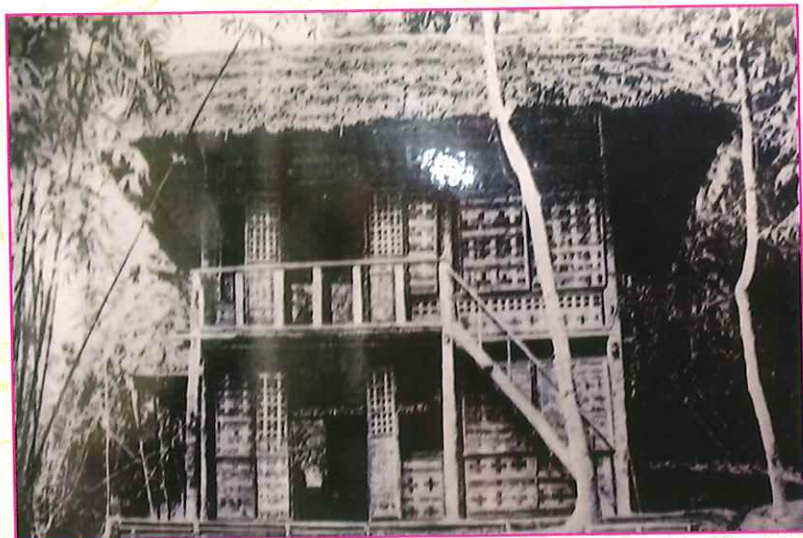
Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Quê hương Bản Ngoại rất đỗi tự hào vì đã góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào sự nghiệp vĩ đại của dân tộc, cùng với nhân dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, kết thúc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Bản Ngoại đã không ngừng chi viện sức người, sức của cho chiến trường.



*Bác Hồ và cháu Hạ Chí Nhân, con gái đồng chí Hoàng Quốc Việt,
(Hạ Bá Cang) tại suối La Bằng ở Vai Cày, xã Bản Ngoại*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh, Phó Thủ tướng
Chính phủ Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp
ở Vai Cày, xã Bản Ngoại năm 1954*



*Nhà sàn Bác Hồ ở và làm việc từ tháng 7 đến tháng 10-1954
tại đồi Thành Trúc, xóm Vai Cày (nay là xóm Đầm Mua)
xã Bản Ngoại*



*Từ đồi Thành Trúc (xã Bản Ngoại), Chủ tịch Hồ Chí Minh
đến đồi Giang (xã Tiên Hội) tiếp nhận Quốc thư đầu tiên do
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Nhân dân Trung
Hoa - La Quý Ba trình ngày 01-9-1954*



Từ trái sang phải: Đại tá Nguyễn Văn Dân; Đại tá Nguyễn Huy Niêm; Thượng tá Bùi Xuân Đường; ông Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thành Kính là những người thuộc Đại đội 272, Đội 36 thanh niên xung phong trực tiếp thi công nhà sàn Bác Hồ, nhà ở làm việc của cơ quan Trung ương năm 1954



Lãnh đạo Đảng bộ và chính quyền xã Bản Ngoại qua các thời kỳ tại lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2005



Di tích lịch sử đồi Thành Trúc - xóm Đầm Mua, xã Bản Ngoại



Chùa Ninh Giang

Chương III

CHI BỘ, ĐẢNG BỘ XÃ HÙNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC THẮNG LỢI (1954-1975)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1960)

1. Tình hình xã Hùng Cường sau năm 1954

Với chiến thắng Điện Biên Phủ, thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo tinh thần của Hiệp định, các cường quốc cam kết tôn trọng độc lập, toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống Mỹ và tay sai ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Nhân dân các dân tộc Bản Ngoại và huyện Đại Từ bước vào giai đoạn mới với nhiều khó khăn, thử thách mới.

Hội nghị Bộ Chính trị (tháng 9-1954) đã xác định nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc là khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu cải tạo quan hệ

sản xuất, thực hiện cải cách ruộng đất. Những nhiệm vụ này đã đáp ứng đòi hỏi của tình hình miền Bắc trong giai đoạn đầu sau khi kết thúc cuộc kháng chiến.

Tuy nhiên, do vừa thoát khỏi chiến tranh nên Bản Ngoại còn gặp rất nhiều khó khăn. Hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề, toàn xã có khoảng 400 mẫu ruộng bị bỏ hoang, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bị hư hại nhiều, trình độ sản xuất, canh tác còn lạc hậu, nhiều gia đình rơi vào cảnh thiếu đói... Sau chiến tranh, toàn xã bị bom đạn của giặc Pháp đốt phá khoảng 30 nóc nhà và 3 ngôi chùa, đình, làm 7 người chết, trong đó có gia đình ông Phở (ở xóm Phở) chết 2 vợ chồng và 1 đứa con. Ngoài ra, trong các vụ càn quét, thực dân Pháp còn bắn chết trên 50 con trâu bò và ngựa. Thêm vào đó, nhiều thế lực phản động, tay sai đế quốc vẫn còn núp bóng dưới các tổ chức khác nhau nhằm chống phá cách mạng nước ta, cản trở công cuộc khôi phục sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân trong xã.

Từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại tiếp tục được đón tiếp nhiều cơ quan của Trung ương Đảng và Nhà nước về đóng tại địa phương. Đặc biệt, tại đồi Thành Trúc¹, xóm Đầm Mua (thuộc địa danh Vai Cày xã Bản Ngoại). Đồi Thành Trúc là khu đồi

1. Ngày 28-9-2006, khu di tích Đầm Mua được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 72.

núi trập trùng, nơi giáp ranh giữa xã Bản Ngoại và 2 xã Hoàng Nông, La Bằng. Thời kỳ kháng chiến, trong con mắt của những nhà quân sự thì địa thế nơi đây rất thuận tiện, từ đây có thể đi sang tỉnh Tuyên Quang, hay vượt dãy Tam Đảo sang tỉnh Vĩnh Phúc hoặc di chuyển lên khu ATK Định Hóa dễ dàng. Do địa hình thuận lợi nên đồi Thành Trúc là nơi Bác đã từng ở, làm việc từ tháng 9-1954 đến tháng 10-1954 để chuẩn bị và chỉ đạo cho công tác tiếp quản Thủ đô. Theo lời kể của người dân địa phương, khoảng tháng 9-1954, tại khu đồi Thành Trúc có một chiếc nhà sàn nhỏ được dựng lên, nhà quay theo hướng tây nam, trước cửa là con suối La Bằng chảy qua Bản Ngoại. Ngôi nhà sàn nhỏ nằm lưng chừng đồi, phía đỉnh đồi là vọng gác cao bằng gỗ. Tại đây thường có một cụ già ở và làm việc, mãi sau này người dân địa phương mới được biết đó chính là vị cha già của dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thời gian hoạt động bí mật ở đây, Bác thường đội mũ cối, đi dép cao su, vai đeo túi dết, mặc bộ đồ màu nâu, thỉnh thoảng gặp người dân thì Bác ân cần hỏi thăm về tình hình đời sống, tăng gia, sản xuất...

Cùng với các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của huyện và tình hình thực tiễn ở địa phương, đồng thời được sự giúp đỡ của cán bộ Trung ương về đóng tại địa phương, Bản Ngoại tích cực thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, tích cực sản xuất nông nghiệp ổn định và cải thiện đời sống. Do đó, chỉ trong một thời gian ngắn nhân dân đã ổn định nơi ăn chốn ở.

2. Công cuộc cải cách ruộng đất ở xã Hùng Cường (1955-1957)

Hòa bình được lập lại trên toàn miền Bắc, đây cũng là lúc Trung ương Đảng thực hiện các chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” và đề ra các nhiệm vụ “đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến... thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công cho dân cày nghèo”. Chủ trương này đã đáp ứng được khát vọng muôn đời của người nông dân Việt Nam là có ruộng đất.

Đầu tháng 4-1953, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, một đợt phát động quần chúng giảm tô và cũng là đợt thí điểm được mở ra trong 25 xã thuộc tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ và Thanh Hóa để rút kinh nghiệm nhằm xây dựng chủ trương, kế hoạch cụ thể. Trên cơ sở đó, một số xã của huyện Đại Từ cũng được chọn làm nơi thí điểm thực hiện cải cách ruộng đất.

Tháng 12-1953, Luật cải cách ruộng đất đã được Quốc hội chính thức thông qua. Với chủ trương “cải cách ruộng đất trước đây đã là khâu chính để ta phát triển lực lượng, đẩy mạnh kháng chiến thì cải cách ruộng đất lại càng cần thiết để phát triển lực lượng, củng cố hòa bình”. Để đạt được mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, mọi công tác đều phải quán triệt đường lối của Đảng là “dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông”.

Ngay từ năm 1953, Đảng chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất và hơn nữa, coi cải cách ruộng đất là nhiệm vụ trung tâm để củng cố miền Bắc. Công cuộc cải cách ruộng đất thu được nhiều kết quả. Trong công cuộc cải cách ruộng đất, 2 trường hợp bị quy là địa chủ, đó là Lý Văn Bảo và Ứng Văn Thịnh. Bên cạnh đó, còn mắc một số sai lầm nhất là việc đánh giá Chi bộ Đảng không đúng. Những sai lầm đó đã làm tổn thất nặng nề đến lực lượng của Đảng, làm cho tinh thần chiến đấu của đảng viên bị giảm sút, nội bộ Đảng mất đoàn kết, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng.

Ngày 20-3-1954, kết thúc đợt cải cách ruộng đất ở 6 xã của huyện Đại Từ là Bình Thuận, An Mỹ, Trần Phú, Độc Lập, Tân Thái, Hùng Sơn.

Ngày 25-5-1954, cải cách ruộng đất đợt I được tiến hành tại 10 xã: An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Hiệp, Bình Tân, Ký Phú, Văn Yên, Phúc Thọ, Lục Bá, Vạn Thọ.

Từ những khó khăn và thuận lợi của xã, Chi bộ Đảng, chính quyền đã đề ra những chủ trương, biện pháp kịp thời, phù hợp với hoàn cảnh của xã, chỉ đạo các ban ngành đoàn thể tích cực hoàn thành những nhiệm vụ sau:

- Làm tốt chính sách đoàn kết dân tộc, xây dựng quê hương và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, làm tốt công tác giảm tô và sửa sai.

- Vận động nhân dân thực hiện tiết kiệm, tích cực lao động sản xuất, chiến thắng giặc đói, vừa sản xuất vừa khai hoang phục hóa.

- Tích cực vận động nhân dân hăng hái làm tốt phong trào bình dân học vụ để thanh toán nạn mù chữ, ổn định đời sống nhân dân.

Ngày 18-12-1956, công tác sửa sai được tiến hành, sau 10 tháng công tác sửa sai đã kết thúc ở 26/29 xã của huyện.

Cùng với chủ trương của cấp trên về công tác sửa sai, xã đã đề nghị với cấp trên hạ mức từ phú nông xuống trung nông là 10 trường hợp. Thắng lợi của cuộc giảm tô, cải cách đã triệt tiêu giai cấp địa chủ, cường hào cả về ưu thế kinh tế và chính trị xã hội. Đồng thời, qua đấu tranh trong giảm tô, cải cách ruộng đất người nông dân đã được giác ngộ, rèn luyện để chuẩn bị cho một giai đoạn đấu tranh mới.

Năm 1957, xã tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ IV (nhiệm kỳ 1957-1959), Đại hội đã nghe tổng kết về công cuộc cải cách ruộng đất, những thành tựu cũng như những thiếu sót được mạnh dạn đưa ra. Đồng thời, đề ra những mục tiêu nhằm phát triển kinh tế sau khi hoàn thành công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất.

Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Chu Văn Bái¹ là Bí thư, đồng chí Nguyễn Bảo Sen² là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

1. Năm 1958, đồng chí Tạ Văn Dụ là Bí thư Chi bộ.

2. Năm 1958, đồng chí Sen mất, đồng chí Triệu Văn Vực là Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Thực hiện chủ trương đưa người nông dân vào con đường làm ăn tập thể của Trung ương Đảng và Huyện ủy Đại Từ, Chi bộ Đảng xã Hùng Cường chỉ đạo việc thành lập tổ đổi công để hỗ trợ cho các hộ cấy kịp thời vụ. Năm 1957, nhân dân các xóm trong xã đã vào tổ đổi công. Tổ đổi công đã làm việc tích cực trong việc hỗ trợ cho các hộ cấy kịp thời vụ, tổ chức thành lập tổ phun thuốc DDT đúng kỳ theo hướng dẫn của cấp trên. Nhờ những biện pháp đồng bộ, năm 1957, tổng diện tích gieo trồng của xã đạt 481,4ha, sản lượng đạt 763,3 tấn¹. Qua hình thức đổi công, nhiều gia đình đã có lương thực dư thừa, giúp xã Hùng Cường hoàn thành nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước.

Công tác y tế được Chi bộ quan tâm chỉ đạo, nhân viên y tế được tăng cường do các ông Tạ Văn Lịch, Hoàng Văn Thêm phụ trách. Mặc dù, đời sống còn gặp nhiều khó khăn nhưng cán bộ y tế đã tổ chức khám, chữa bệnh cho nhân dân trong xã, tổ chức tiêm phòng kịp thời các bệnh như sốt rét, lao, bạch hầu... Trong công tác giáo dục, riêng phổ thông đã có 6 lớp với trên 100 học sinh đi học. Các đội văn nghệ ở các xóm cũng được thành lập, xây dựng các tiết mục tự biên, tự diễn phục vụ nhân dân trong xã.

Những thành quả đạt được trên đây đã thúc đẩy các mặt phát triển không ngừng, nhất là công tác sản xuất và củng cố khối đoàn kết toàn dân. Nhân dân trong xã đã có tư liệu sản xuất như trâu cày, ruộng cấy và đặc biệt là được

1. Theo số liệu của Phòng Thống kê huyện Đại Từ.

làm chủ đồng ruộng. Trong cuộc đấu tranh giai cấp gay go phức tạp này, xã Hùng Cường cũng mắc phải một số vướng mắc, khuyết điểm. Sau đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, xã kiên quyết sửa chữa những sai lầm, nhanh chóng ổn định tư tưởng cho cán bộ cách mạng và nhân dân lao động.

Sau cải cách ruộng đất, Chi bộ Đảng đã được củng cố vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, đa số đảng viên được kết nạp đều được bồi dưỡng, thử thách trong đấu tranh giai cấp, tinh thần cách mạng được nâng lên, thể hiện sự đoàn kết nhất trí trong Chi bộ Đảng cũng như trong nhân dân, đưa phong trào cách mạng tiến lên.

3. Chi bộ Đảng xã Hùng Cường lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958-1960)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng. Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hội nghị đã thông qua kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa (1958-1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông

dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh.

Trong kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp có vị trí trọng tâm, quan trọng nhất. Phương hướng cải tạo là đưa người nông dân vào làm ăn tập thể. Qua nhiều đợt học tập đường lối, chủ trương của Đảng, nhân dân đã nhận thức được muốn đưa cuộc cách mạng tiến lên trước hết phải cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới từ thấp đến cao bằng con đường làm ăn tập thể, nhằm phát triển sản xuất, làm cho cuộc sống của nhân dân lao động trong xã thực sự ấm no hạnh phúc.

Song song với công tác tổ chức, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, các hoạt động thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất cũng diễn ra đồng bộ và đạt kết quả tốt như thi đua làm thủy lợi, làm phân bón, canh tác đúng kỹ thuật đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là lực lượng dân quân du kích, nam nữ thanh niên đã làm thay đổi căn bản lối làm ăn nhỏ lẻ, manh mún... Đặc biệt, trong phong trào thanh niên làm ruộng thí điểm, sử dụng phân bón, giống lúa mới ở huyện Đại Từ, xã Hùng Cường là một trong 3 xã điển hình của huyện (La Bằng, Yên Lãng, Hùng Cường). Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, các đồng chí chủ nhiệm được cử đi học các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức. Nhờ vậy mà phong trào lao động tập thể ở các hợp tác xã liên tục phát triển, năng suất, diện tích lúa không ngừng được nâng cao, mở rộng. Phong trào lao động

tập thể đem lại nhiều hiệu quả càng làm cho xã viên gắn bó với phương thức sản xuất này.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ cấp trên, Chi bộ Đảng đã tích cực vận động nhân dân làm kinh tế và từng bước thực hiện xây dựng “Ba ngọn cờ hồng”. Năm 1958, xã có 65 tổ đổi công sản xuất, thành công đó đã tạo nên một bước phát triển mới cho nền kinh tế xã nhà. Đầu năm 1959, xã đã tổ chức hợp tác xã nông nghiệp và thành lập 2 hợp tác xã ở 2 xóm Khâu Giáo và Lê Lợi. Hợp tác xã Khâu Giáo do đồng chí Triệu Minh Chính làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Lê Lợi do ông Chu Bái làm Chủ nhiệm.

Tháng 6-1959, Đại hội Chi bộ xã Hùng Cường lần thứ V (nhiệm kỳ 1959-1961) được tiến hành. Đại hội đã đánh giá những kết quả bước đầu trong việc thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế, cải tạo văn hóa, xã hội của xã. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Ngô Bằng là Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Văn Mậu là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã¹.

Được sự chỉ đạo của cấp trên cùng với việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp, đến năm 1960, số diện tích ruộng đất bỏ hoang cơ bản đã được khôi phục và đưa vào canh tác. Các hợp tác xã ở Hùng Cường ra đời là kết quả của

1. Năm 1960, đồng chí Triệu Minh Chính làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

việc thi hành những chính sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ về việc cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới trong quan hệ sản xuất nhằm tạo lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp.

Bên cạnh cây lúa, các loại rau màu cũng được các hợp tác xã chú trọng và bắt đầu phát triển mở rộng, đồng ruộng đã được cải tạo, chăm bón kịp thời vụ nên năng suất và sản lượng đều tăng. Năm 1958, tổng diện tích gieo trồng là 478,4ha, sản lượng đạt 783,5 tấn. Đến năm 1960, diện tích là 493,2ha, sản lượng đạt 892,8 tấn¹, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Hệ thống cơ sở vật chất trong xã cũng được xây dựng, tu bổ. Các tuyến đường chính trong xã, các tuyến đường nội đồng được làm mới... tạo điều kiện cho việc chuyên chở bằng xe cải tiến, giải phóng một phần sức lao động của nông dân.

Công tác văn hóa, xã hội được Chi bộ Đảng và chính quyền xã quan tâm. Về công tác giáo dục, cơ sở vật chất đầu tư cho việc dạy và học của thầy, trò trong xã còn gặp nhiều khó khăn nhưng được sự phối, kết hợp của các ban ngành, đoàn thể nên chất lượng học tập của học sinh ở các cấp học đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhà trường tuyên truyền, vận động các gia đình tạo điều kiện để con em đến độ tuổi đi học được cấp sách tới trường. Đồng thời, thông qua phong trào bình dân học vụ, các lớp

1. Theo số liệu của Phòng thống kê huyện Đại Từ.

học nhỏ lẻ trong các thôn xóm được thành lập để nhân dân các dân tộc trong xã đều được học tập. Trong sự nghiệp giáo dục phổ thông, từ năm 1954, xã đã duy trì các lớp học cho các em từ lớp 1, lớp 2 và lớp 3. Đến năm 1959, xã đã có lớp 4 nhưng vẫn là phân hiệu của trường Cấp I Vinh Hòa thuộc xã Phú Thịnh. Năm 1960, trường cấp I xã Hùng Cường được thành lập, con dấu của trường được mang phân hiệu: Trường cấp I xã Hùng Cường do thầy Nguyễn Hồ Thỉ là Hiệu trưởng, trường có khoảng 150 em.

Cũng trong giai đoạn này, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, để đáp ứng công tác giáo dục miền núi, năm 1960, Ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên ra quyết định thành lập trường cấp II Thanh niên dân tộc với mô hình vừa học, vừa làm (trường dân tộc nội trú) do thầy Dương Kỷ làm Hiệu trưởng (trường được xây dựng tại xóm Phú Hạ xã Hùng Cường thuộc xã Bản Ngoại ngày nay). Trường đã được lãnh đạo Đảng ủy và chính quyền xã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, đất đai sản xuất, diện tích xây dựng trường sở. Nhờ đó, đến năm 1960, xã có 90% dân số của địa phương thanh toán được nạn mù chữ và cũng chính tại ngôi trường Thanh niên dân tộc này, nhiều con em xã đã thành đạt trên con đường học vấn.

Phong trào y tế được Chi bộ Đảng thường xuyên chỉ đạo. Đội ngũ y tế được duy trì ở các xóm, công tác phòng bệnh được chú ý. Ban Y tế xã tổ chức thực hiện phong trào “sạch làng, tốt ruộng”, phong trào xây dựng 3 công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà tiêu. Công tác vệ sinh phòng

bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em có nhiều tiến bộ. Ý thức phòng bệnh của người dân được nâng lên rõ rệt. Các dịch cúm, đậu mùa, tiêu chảy đều được dập tắt kịp thời, bệnh sốt rét, sốt xuất huyết được hạn chế.

Phong trào văn hóa, văn nghệ của xã luôn được chính quyền quan tâm chỉ đạo. Ngoài các đội chiếu bóng của huyện về phục vụ nhân dân, các làng cũng thành lập các đội văn nghệ nghiệp dư. Các đội văn nghệ không chỉ diễn các tiết mục truyền thống mà còn xây dựng các tiết mục ca ngợi cuộc sống mới, ca ngợi lao động sản xuất trên con đường làm ăn tập thể, ca ngợi những tấm gương anh dũng đã hy sinh vì đất nước, đồng thời động viên nhân dân đoàn kết xây dựng đời sống mới, tiến bộ hơn.

Công tác quốc phòng - an ninh luôn nhận được sự quan tâm của Chi bộ Đảng. Thanh niên trong xã hăng hái tham gia làm nghĩa vụ quân sự, xã luôn đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao. Bên cạnh đó, lực lượng dân quân du kích được củng cố vững mạnh, thường xuyên luyện tập, tuần tra để bảo vệ an ninh trong thôn xóm và sẵn sàng chiến đấu.

Công tác xây dựng Đảng được Chi bộ Đảng chú trọng. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Đại Từ, Chi bộ xã Hùng Cường đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và các tổ chức quần chúng, thi đua tìm hiểu về chủ nghĩa xã hội, làm gì để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ... Do đó, đã nâng cao tinh thần giác ngộ về chủ nghĩa xã hội và quyết tâm chống Mỹ, cứu nước trong đảng viên và quần chúng. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, tư

tưởng, bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin cho các quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Công tác đoàn thể quần chúng cũng được Chi bộ Đảng quan tâm, đặc biệt là Đoàn Thanh niên. Chi bộ xã cử các đồng chí có năng lực, lãnh đạo phong trào và dìu dắt Đội Thiếu niên tiền phong.

Qua 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, Chi bộ và nhân dân xã đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trên các lĩnh vực, nhất là phong trào xây dựng Ba ngọn cờ hồng, thiết lập quan hệ sản xuất mới, đưa đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lên cao một bước. Tạo điều kiện cho nhân dân trong xã bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, việc lãnh đạo thực hiện kế hoạch 3 năm còn một số tồn tại, khuyết điểm, phong trào chưa thực sự vững chắc, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Những thắng lợi, những thành tích, cũng như những hạn chế, thiếu sót, những kinh nghiệm thành công và thất bại sẽ là cơ sở để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hùng Cường bước vào kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

II. CHI BỘ ĐẢNG XÃ HÙNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)

Đến cuối năm 1960, miền Bắc đã cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tạo dựng được những

điều kiện thuận lợi để tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn vững chắc cho cách mạng miền Nam.

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III họp tại Hà Nội đã xác định 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là “tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội”.

Về nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc, Đại hội đề ra kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), xác định mục tiêu của kế hoạch là hoàn thành bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác lập vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với cách mạng miền Nam.

Nhằm quán triệt nghị quyết của Đảng và Nhà nước về thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 1961, xã tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ VI (nhiệm kỳ 1961-1964). Đại hội đã bầu Ban Chi ủy, đồng chí Nguyễn Đức Mậu được bầu là Bí thư Chi bộ¹, đồng chí Ngô Bằng được giới thiệu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Từ năm 1961, Chi bộ Đảng xã Hùng Cường tiến hành nhiều hội nghị quan trọng tổng kết những kết quả đạt được

1. Đến năm 1962, đồng chí Triệu Minh Chính là Bí thư Chi bộ.

trong giai đoạn đã qua, đồng thời đưa ra những nghị quyết về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đẩy mạnh thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, trọng tâm là vấn đề cải tiến quản lý các hợp tác xã. Tháng 4-1962, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa 3 chủ trương mở cuộc vận động xây dựng Chi bộ “4 tốt” (công tác xây dựng Đảng tốt, lao động, sản xuất, chiến đấu, công tác tốt, chấp hành chính sách tốt, quan tâm đời sống quần chúng tốt). Đến tháng 7-1962, Tỉnh ủy Thái Nguyên chọn Đại Từ là nơi thí điểm thực hiện chủ trương của Đảng. Chi bộ Đảng xã Hùng Cường đưa cuộc vận động đến từng cán bộ, đảng viên. Qua cuộc vận động, nhiều cán bộ, đảng viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhờ đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Từ năm 1960-1963, xã đã thành lập được 7 hợp tác xã gồm: hợp tác xã Khâu Giáo do ông Nguyễn Văn Thu làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Lê Lợi do ông Chu Văn Bái làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Phú Hạ do ông Bế Viết Máy làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Quang Trung do ông Phạm Văn Bắc làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Tân Tiến do ông Ngô Văn Lụa làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Tân Thành do ông Lương Văn Bạo làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Minh Tiến do ông Nguyễn Quang Ngân làm Chủ nhiệm.

Năm 1963, thực hiện chính sách xây dựng vùng kinh tế mới, đồng bào huyện Bình Lục (tỉnh Hà Nam) gồm 66 hộ vào khu Đầm Bàng - La Mặn xây dựng vùng kinh tế mới. Để đảm bảo cho việc quản lý, chính quyền xã Hùng

Cường đã chủ trương cho vùng kinh tế mới thành lập hợp tác xã Đinh Thanh. Thời gian đầu xã viên ở hợp tác xã Đinh Thanh gặp nhiều khó khăn, đất canh tác là vùng đầm sinh lầy, ngập quá ngang thân, đi cấy phải đóng bè. Chính vì vậy, trong 3 năm đầu tích cực lao động nhưng chưa thu được kết quả, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về lương thực và nơi ở. Tuy nhiên, sau 5 năm quyết tâm cải tạo ruộng đồng nhân dân nơi đây đã bắt đầu được thu hoạch, đời sống dần đi vào ổn định. Đặc biệt, nhờ có sự quan tâm của chính quyền và các đoàn thể cùng với nhân dân địa phương đã đồng cam cộng khổ vượt mọi khó khăn để xây dựng vùng kinh tế mới. Được sự hỗ trợ của Nhà nước về công cụ, lương thực và sự quan tâm của chính quyền địa phương, người dân tích cực khai hoang, phục hóa đất đai canh tác. Do đó, diện tích đất canh tác không ngừng được mở rộng, nhân dân ổn định về chỗ ở, đẩy mạnh sản xuất. Trong quá trình khai hoang, phục hóa cũng như trong lao động sản xuất, nhiều quần chúng ưu tú của hợp tác xã đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Tính đến cuối năm 1963, số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp là 95%, số còn lại vẫn làm ăn theo lối nhỏ lẻ.

Thực hiện phong trào “*Ba ngọn cờ hồng*”, cũng trong thời gian này, hợp tác xã mua bán được thành lập, nơi giao dịch mua bán được đặt tại Ba Giăng (xóm Ba Giăng) do ông Tạ Văn Lịch làm Chủ nhiệm; hợp tác xã tín dụng do ông Nguyễn Thọ Thuần phụ trách. Kể từ ngày thành lập,

hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng hoạt động đều đặn, làm tốt nhiệm vụ mua bán, trao đổi hàng hóa với nhân dân.

Cùng với việc phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, công tác y tế ở xã Hùng Cường được Chi bộ, chính quyền quan tâm chú trọng. Trong công tác giáo dục, xã tích cực động viên con em đến tuổi đi học, đồng thời tăng cường công tác xóa nạn mù chữ bằng các lớp bình dân học vụ. Trạm y tế xã được thành lập từ năm 1954, tuy còn khó khăn về cơ sở vật chất nhưng đội ngũ cán bộ y tế đã tận tình chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Công tác thông tin, văn hóa, văn nghệ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chi bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong công tác quốc phòng - an ninh, Chi bộ đã lãnh đạo thi hành Luật nghĩa vụ quân sự đi vào nền nếp. Hàng năm, thanh niên trong độ tuổi đều đi khám tuyển đạt tỷ lệ cao. Mỗi đợt giao quân, từ Chi ủy, Ủy ban đến các ban ngành, đoàn thể, các hợp tác xã đều tổ chức chu đáo, có tặng phẩm cho người đi làm nghĩa vụ. Từ năm 1961-1965, có gần một trăm thanh niên lên đường nhập ngũ. Ở địa phương, phong trào bảo vệ trật tự trị an các thôn xóm được duy trì và phát triển, góp phần làm cho nhân dân yên tâm lao động sản xuất.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng cũng đạt được nhiều thành tựu. Chi bộ thường xuyên chăm lo bồi dưỡng tư tưởng chính trị cho các cán bộ, đảng viên.

Năm 1964, xã Hùng Cường tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ VII (nhiệm kỳ 1964-1966). Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Lương Văn Mậu là Bí thư Chi bộ, đồng chí Ngô Bằng¹ là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Trong hơn 10 năm kể từ khi hòa bình lập lại (1954-1965), đứng trước muôn vàn khó khăn, phức tạp, Chi bộ xã Hùng Cường đã lãnh đạo nhân dân tiến hành giảm tô và cải cách ruộng đất, hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, từng bước xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất mới và một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Cải cách ruộng đất thắng lợi đã đưa nông dân toàn xã lên làm chủ ruộng đồng, làm chủ cuộc sống của mình. Thắng lợi trong công tác sửa sai và hợp tác hóa nông nghiệp đã tạo nên một sức mạnh mới để Hùng Cường bắt tay vào xây dựng các công trình thủy lợi và bước đầu xây dựng được những cơ sở vật chất cơ bản cho chủ nghĩa xã hội. Đến cuối kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, gần 100% hộ nông dân trong toàn xã đã tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp. Kỹ thuật canh tác đạt được nhiều tiến bộ từ khâu giống đến khâu nông cụ. Nhờ đó, năng suất và sản

1. Đến năm 1965, đồng chí Chu Văn Bái là Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

lượng cây trồng tăng đều hàng năm. Năm 1961, tổng diện tích gieo trồng của xã là 496,1ha, sản lượng đạt 963,8 tấn.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân Hùng Cường cũng được cải thiện rõ rệt. Con em các gia đình trong xã hầu hết đều được đến trường. Trường học và trạm y tế xã bước đầu đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật. Công tác vệ sinh phòng bệnh phát triển thành phong trào sâu rộng trong quần chúng.

Công tác bảo vệ trị an và quốc phòng - an ninh được đảm bảo. Lực lượng dân quân và công an xã luôn làm tròn nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự thôn xóm, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, đồng thời là nòng cốt trong phong trào lao động sản xuất của hợp tác xã.

Chi bộ Đảng xã không ngừng lớn mạnh cả về tư tưởng và tổ chức, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng lên. Từ lãnh đạo kháng chiến chuyển sang lãnh đạo khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Chi bộ Hùng Cường phát triển cả về số lượng, nâng cao chất lượng và năng lực lãnh đạo, đã thu được những kết quả tốt đẹp, đáp ứng được với yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân Hùng Cường đã đoàn kết, thi đua lập nhiều thành tích trong cải cách ruộng đất và sửa sai, trong hợp tác hóa nông nghiệp và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

III. ĐẢNG BỘ XÃ HÙNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU VÀ CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Nhân dân các dân tộc xã Hùng Cường vừa sản xuất, vừa chiến đấu, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện sôi nổi và thu được nhiều thành tựu khả quan thì phải dừng lại do Mỹ đánh phá ra miền Bắc. Với âm mưu mở rộng chiến tranh ra khắp đất nước, ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc bộ”¹ vu khống tàu của ta tấn công tàu của Mỹ ở ngoài vùng biển nước ta. Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần này, đế quốc Mỹ muốn ngăn chặn nguồn hàng tiếp tế từ các nước xã hội chủ nghĩa vào miền Bắc, từ miền Bắc vào miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm lung lay ý chí chống Mỹ cứu nước của cả dân tộc Việt Nam.

Ngay từ cuối năm 1964, đầu năm 1965, máy bay địch đã bắn phá và ném bom xuống nhiều nơi trên miền Bắc nước ta, làm cho làn sóng căm thù đế quốc Mỹ xâm lược ngày càng dâng cao. Trong phiên họp ngày 8-4-

1. Sự kiện Vịnh Bắc bộ là sự kiện (được cho) là 2 cuộc tấn công của Hải quân Nhân dân Việt Nam chống lại hai tàu khu trục USS Maddox và USS Turner Joy của Hải quân Mỹ. Hai cuộc tấn công (được cho) là đã xảy ra vào các ngày 2-8 và ngày 4-8-1964 ở vịnh Bắc bộ.

1965 của Quốc hội (khóa III), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: *“Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”*. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đại Từ, Chi bộ Hùng Cường khẩn trương chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, tổ chức nhiều đợt học tập cho cán bộ, đảng viên, thanh niên nam nữ.

Thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ và chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, từ giữa tháng 4-1964, Huyện ủy Đại Từ đã chỉ đạo và thành lập Ban Chỉ huy phòng không nhân dân huyện. Trước tình hình đó, quân và dân xã Hùng Cường đã khẩn trương vận động nhân dân, học sinh đào hầm hào phòng tránh máy bay của địch.

Thực hiện chủ trương của cấp trên và sự hướng dẫn, chỉ đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân xã Hùng Cường tích cực sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Lực lượng dân quân được biên chế tổ chức, Ban Chỉ huy Xã đội do ông Chu Văn Lường là Xã đội trưởng. Toàn xã có 3 trung đội chiến đấu, trong đó có 21 tiểu đội nằm ở 21 đội sản xuất thường xuyên đảm bảo chiến đấu, 1 tiểu đội súng 12,7 ly trực tiếp bắn máy bay tầm thấp. Lực lượng dân quân được tổ chức canh gác ngày đêm, trực chiến đảm bảo an ninh để nhân dân yên tâm sản xuất.

Ngoài nhiệm vụ trực chiến, lực lượng dân quân còn huy động hàng nghìn ngày công phục vụ chiến đấu như động viên thanh niên tham gia đắp ụ pháo và tên lửa ở xã

Tiên Hội, làm doanh trại cho bộ đội ở xã La Bằng, sửa chữa đường ngầm ở cầu Điệp... Bên cạnh đó, lực lượng dân quân du kích còn tích cực phục vụ sản xuất như tham gia hàng trăm ngày công đào đắp bờ vùng, bờ thửa, mục đích là để động viên toàn quân, toàn dân phát triển vững mạnh về kinh tế - xã hội ở địa phương, phục vụ chiến đấu và chiến đấu.

Ngày 5-9-1965, đế quốc Mỹ đã huy động hàng trăm chiếc máy bay đánh phá ác liệt nhiều khu vực Bắc Kạn thuộc tỉnh Bắc Thái¹. Tiếp sau đó, ngày 17-10-1965, cuộc phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt tại nhiều khu vực ở Thái Nguyên và Đại Từ.

Tháng 12-1965, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12 xác định nhiệm vụ của miền Bắc là: *“Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến miền Nam...”*.

Trong suốt quá trình lãnh đạo kể từ khi thành lập Chi bộ Đảng năm 1946, Chi bộ Đảng xã Hùng Cường đã không ngừng nỗ lực trong công tác chỉ đạo và tích cực củng cố về lực lượng. Đặc biệt, trong quá trình lao động sản xuất, nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, đến tháng 5-1966, Đảng bộ hai cấp xã Hùng Cường chính

1. Từ năm 1965, theo chủ trương của Quốc hội, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

thức được thành lập. Đồng thời, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1966-1969). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, đồng chí Lương Văn Mậu được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Đình Trang được bầu làm Phó Bí thư, phụ trách công tác chính quyền.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, mọi hoạt động của xã chuyển sang thời chiến. Trong thời gian này, máy bay Mỹ tăng cường bắn phá ác liệt hơn trên vùng trời huyện Đại Từ. Vào đầu giờ chiều ngày 6-6-1966 (âm lịch), một tốp máy bay Mỹ bay dọc theo Quốc lộ 13A (đường 379) ném bom xuống ngã ba Ba Giăng của xã, làm 3 người chết (ông Nguyễn Văn Nhâm...) và 3 người bị thương (ông Nguyễn Minh Lập - cán bộ phụ trách cửa hàng, 1 cháu nhỏ...). Trước sự kiện này, Đảng bộ đã kịp thời đề ra phương hướng, biện pháp cụ thể, khắc phục khó khăn, động viên nhân dân nhằm chấn chỉnh và lấy lại lòng tin trong nhân dân với Đảng, chấn chỉnh lề lối làm việc của các ban ngành, đoàn thể, đồng thời khơi dậy trong nhân dân lòng căm thù giặc Mỹ, định hướng các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với thời chiến của địa phương. Trước hết là công tác phòng tránh nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất về người và của. Đồng thời phải đảm bảo mọi yêu cầu quốc phòng, tự lực cánh sinh, tin tưởng vào khả năng của mình, trong bất kỳ tình huống nào cũng phải chắc tay súng, vững tay cày; đảm bảo chiến đấu thắng lợi, bảo vệ mọi sinh hoạt của nhân dân, bảo vệ kinh tế - xã hội chủ nghĩa tại địa phương.

Tháng 7-1966, thực hiện chủ trương xây dựng vùng kinh tế mới của Nhà nước, 8 hộ dân từ Kiến Xương - Thái Bình lên xã Hùng Cường xây dựng kinh tế mới. Do số lượng gia đình từ tỉnh Thái Bình ít nên được bố trí ở tại 3 đội sản xuất 7, 8, 9 của Hợp tác xã Trung Phú (thuộc 3 xóm Đầm Mua, Khâu Giáo 1, Khâu Giáo 2). Đồng bào lên xây dựng vùng kinh tế mới được nhân dân trong xã đùm bọc, giúp đỡ nơi ăn chốn ở. Bên cạnh đó, chính quyền xã cũng tạo mọi điều kiện cho các hộ về đất canh tác, công cụ, lương thực... để đồng bào yên tâm sản xuất, sớm hòa nhập với cuộc sống vùng trung du.

Trong những năm 1966-1968, mặc dù chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt song các hợp tác xã với quy mô nhỏ và vừa được đảm bảo hoạt động phù hợp với tình hình của địa phương. Phong trào làm thủy lợi kết hợp với giao thông nội đồng, đắp bờ vùng, bờ thửa được Đảng bộ chỉ đạo, phát động mạnh mẽ, sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Ngoài ra, Đảng bộ xã chỉ đạo nhân dân thực hiện tốt các phong trào do Huyện ủy phát động. Đó là chiến dịch *“Rục lửa đêm đông, kiến thiết đồng ruộng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ cứu nước”*. Với tinh thần ngày tham gia sản xuất, đêm đốt đèn, đốt đuốc tham gia làm ruộng, đắp bờ vùng, bờ thửa, làm thủy lợi nhất là Đoàn Thanh niên là lực lượng chính trong những phong trào này.

Bên cạnh đó, xã có một đội chuyên về công tác thủy lợi, có khoảng 35-40 thanh niên do ông Nguyễn Minh Lập làm Đội trưởng, đội vừa làm nhiệm vụ thủy lợi vừa hoàn thành

nhiệm vụ tham gia huấn luyện dân quân sẵn sàng chiến đấu. Trong suốt những năm 1966-1972, được sự chỉ đạo của Phòng Thủy lợi huyện Đại Từ, đội ngũ cán bộ thủy lợi đã cùng với nhân dân địa phương xây dựng được 1 cầu tràn trên đường đi vào xóm Khâu Giáo và đập ngăn nước Vực Giang phục vụ cho hàng trăm hecta, đảm bảo cho sản xuất¹.

Năm 1968, hợp tác xã Thanh Giang đã có 2 nhà ủ giống, hợp tác xã Trung Phú có 1 nhà ủ giống. Nhờ những biện pháp tích cực trong khâu ủ giống nên đã góp phần đảm bảo năng suất cây trồng. Hàng năm, đội ngũ kỹ thuật gieo trồng được cử đi học các lớp bồi dưỡng, hội thao về cây đúng kỹ thuật, cấy cấy dây thẳng hàng, sau đó về hướng dẫn bà con xã viên và triển khai trong toàn xã.

Đảng bộ đã phân công các đồng chí đảng viên vừa tham gia công tác lãnh đạo quản lý, vừa trực tiếp chỉ đạo lực lượng dân quân du kích tại địa phương. Các đồng chí trong Đảng ủy và Ủy ban thường xuyên trực tại văn phòng để kịp thời chỉ đạo chiến đấu bắn máy bay địch. Các hợp tác xã đảm bảo về thời gian, tiêu chuẩn và thu nhập cho những xã viên tham gia trực chiến.

Trong năm 1967-1968, xã chính thức có trường cấp II, lớp 5 có hai lớp, lớp 6 có một lớp, lớp 7 có một lớp. Số học sinh có khoảng 160 em. Do chiến tranh, nhà trường phải sơ tán vào khu Đầm Trình, trường vẫn chung Ban Giám hiệu gọi là trường Cấp I, II xã Hùng Cường.

1. Năm 1978, hai công trình bị hỏng hoàn toàn.

Cũng trong năm này, Huyện ủy Đại Từ phát động các chi bộ thực hiện “3 ôn, 4 kiểm, 5 đảng”. Trong đó:

3 ôn là: ôn lại nỗi khổ sở, nghèo đói trước đây; nhớ công lao của cách mạng; ôn lại truyền thống yêu nước cách mạng của quê hương hun đúc niềm tự hào.

4 kiểm là: vì sao năng suất không tăng; sản xuất thiếu toàn diện; vì sao việc chấp hành chính sách chưa tốt; vì sao đoàn kết nội bộ chưa tốt; vì sao công tác xây dựng Đảng còn trì trệ.

5 đảng: đảng viên đăng ký với chi bộ phân công lao động tập thể, quản lý đồng ruộng, bảo vệ sản xuất; làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước; sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu; quan tâm tới đời sống quần chúng và xây dựng nông thôn mới; chấp hành kỷ luật Đảng và đoàn kết nội bộ.

Hưởng ứng cuộc vận động của Huyện ủy, Đảng bộ xã Hùng Cường đã tích cực chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh và đạt được kết quả, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, toàn xã đẩy lên phong trào thi đua yêu nước hết sức sôi nổi với tinh thần “*Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt*”. Đoàn Thanh niên phát động phong trào “*Ba sẵn sàng*” sâu rộng trong đoàn viên. Hàng trăm thanh niên xã đã đăng ký tình nguyện tham gia phong trào “*Ba sẵn sàng*” hăng hái lên đường đi đánh Mỹ, cứu nước. Ngoài ra, còn có nhiều thanh

niên nam nữ tình nguyện tham gia lực lượng thanh niên xung phong đi phục vụ các công trình và phục vụ chiến trường. Điển hình như các phong trào dân công hỏa tuyến đi mở đường Nam Lào, mở đường mòn Hồ Chí Minh; đi dân công làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược qua các trọng điểm địch thường tăng cường đánh phá ác liệt với khẩu hiệu: *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*.

Phong trào “Ba sẵn sàng” còn động viên được đoàn viên thanh niên hăng hái tham gia khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, học tập trong bất cứ tình huống nào, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

Hưởng ứng chủ trương của tỉnh và huyện, Hội Phụ nữ xã đã phát động phong trào “Ba đảm đang”, đảm đang việc nhà cho chồng con yên tâm chiến đấu, khuyến khích động viên chồng con tòng quân giết giặc, tích cực tham gia sản xuất xây dựng đời sống mới và đảm đang phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương.

Thực hiện chủ trương của Đảng với quyết tâm “vững tay cày, chắc tay súng”, bám ruộng để sản xuất và chiến đấu, Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là: Sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đảng bộ tuyên truyền, vận động nhân dân tăng cường cảnh giác, chiến đấu và đẩy mạnh sản xuất. Đây là giai đoạn đặc biệt khó khăn của nhân dân miền Bắc nói chung và nhân dân xã Hùng Cường nói riêng khi cùng một lúc phải thực hiện hai nhiệm vụ: vừa sản xuất, vừa

chiến đấu, đồng thời phải chi viện cho chiến trường miền Nam. Nhận thức rõ điều này, Đảng bộ xã cùng toàn thể nhân dân bằng sự phấn đấu và nỗ lực phi thường đã hoàn thành được các chỉ tiêu lương thực đề ra. Mặc dù gặp phải những khó khăn do thiên tai, sâu bệnh phá hoại mùa màng, nguồn nhân lực địa phương giảm (lực lượng trẻ, khỏe đã tham gia thanh niên xung phong, đi bộ đội phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ) nhưng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, tình hình sản xuất ở Hùng Cường vẫn tiếp tục phát triển và có những thành tựu đáng ghi nhận.

2. Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - văn hóa, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, cùng nhân dân cả nước đánh đuổi đế quốc Mỹ (1969-1975)

Đầu năm 1969, vừa trúng cử tổng thống và chính thức bước vào nhà Trắng, Ních-xơn cho áp dụng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, tiếp tục gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân ta. Ở miền Bắc, dù tuyên bố ngừng ném bom nhưng Mỹ vẫn ngày đêm dùng máy bay trinh sát và khiêu khích, chuẩn bị cho những bước phiêu lưu quân sự mới.

Tranh thủ thời gian miền Bắc không bị đánh phá, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt đối với miền Bắc là phải tranh thủ tận dụng điều kiện thuận lợi để khôi phục và phát triển sản xuất, đẩy mạnh tốc độ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc

phòng; đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu phá hoại mới.

Năm 1969, Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ đặt ra vấn đề “3 xây”. Đó là: xây dựng ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược; xây dựng tinh thần cách mạng triệt để tiến công vào đói nghèo, lạc hậu, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học - kỹ thuật; xây dựng phong cách đạo đức của người đảng viên trong sáng, tiết kiệm, giản dị. Đảng bộ xã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Cuộc vận động đã được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng, nhờ đó tinh thần chiến đấu, sản xuất được củng cố thêm một bước. Nhân dân tăng cường công tác an ninh thời chiến và nhiệt tình tham gia sản xuất, tất cả để quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ.

Trong tình hình mới, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 1969, Đảng bộ xã Hùng Cường tiến hành Đại hội lần thứ IX (nhiệm kỳ 1969-1971). Đại hội đã nghe báo cáo về công cuộc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Đảng bộ và nhân dân xã cũng như những thành tích đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực trong điều kiện chiến tranh bắn phá. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của xã.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, đồng chí Chu Văn Lường được bầu làm Bí thư, đồng chí Lương Văn Bạo là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra, hòa trong không khí thi đua sản xuất sôi nổi. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, với lực lượng thanh niên làm nòng cốt, các hợp tác xã thi đua phục hồi ruộng đất canh tác. Các khu đồng đa số đều có bờ vùng thuận tiện cho xe cải tiến, xe trâu chở phân bón phục vụ cho sản xuất. Hợp tác xã nông nghiệp thường xuyên coi trọng công tác thủy lợi. Trong đó đập nước Vực Giang là nguồn nước chính cung cấp nước cho ruộng đồng của xã, phục vụ cho 180ha diện tích lúa và hoa màu. Bên cạnh nguồn nước chính, ở những nơi xa nguồn nước, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, các hợp tác xã còn vận động xã viên đắp đập chứa nước để đảm bảo tưới tiêu cho đồng ruộng. Đồng thời, huy động nhân dân góp ngày công xây dựng được nhiều đập như đập Đầm Mua (ở xóm Đầm Mua), đập đầm Khải Hữu (ở xóm Quang Trung), đập Đồng Ninh (xóm Đồng Ninh), Đầm Xim (Đồng Ngõ), đầm Trinh (xóm Rừng Lâm).

Trong lúc Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường đang phấn khởi trước những thành tựu cách mạng đạt được, ra sức thi đua chào mừng kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9 thì được tin Bác Hồ - vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của chúng ta qua đời. Đây là một tổn thất vô cùng lớn lao đối với dân tộc. Đảng bộ và nhân dân Hùng Cường đã tổ chức lễ truy điệu Bác trong niềm tiếc thương vô hạn. Toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong xã nguyện thể sẽ noi theo tấm gương vĩ đại và quyết tâm ra sức thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người.

Trong những năm 1969-1970, xã đã tiếp nhận nhiều đơn vị bộ đội đến đóng quân tại địa phương như Tiểu đoàn 4 thuộc Trung đoàn 246 đóng ở xóm Khâu Giáo, Phú Hạ, Xóm Phổ và Rừng Lâm, đơn vị thuộc Cục Quân giới đóng ở Đồng Ninh. Trong thời gian những đơn vị bộ đội đóng quân ở địa phương đã được nhân dân trong xã giúp đỡ về chỗ ở, lương thực để bộ đội yên tâm làm nhiệm vụ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã Hùng Cường, các xã viên tích cực tham gia phong trào làm phân bón. Ngoài nguồn phân bón của Nhà nước, bà con xã viên còn tận dụng nguồn phân chuồng, động viên thanh niên tham gia và làm tốt phong trào làm phân xanh, làm bèo hoa dâu...

Công tác giao thông được chú trọng để đảm bảo đi lại và sản xuất của nhân dân. Toàn xã đã khai thông được các tuyến đường trọng yếu trong xã như tuyến đường Khâu Giang đi Khâu Giáo, Đàm Mua, Khâu Giang đi La Dạ, Ninh Giang, Phú Hạ đi La Bằng... dài hàng chục km, đảm bảo xe tải có thể đi lại thuận lợi.

Năm 1969, theo nhu cầu phát triển của nông nghiệp, Ty Nông nghiệp Bắc Thái đã thành lập trại nhân giống (cá, lúa, lợn) ở xã Hùng Cường do ông Lâm Văn Hùng làm Trại trưởng. Được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, trại đã không ngừng phát triển, nhân được nhiều giống mới phục vụ cho nhân dân trong xã nói riêng và tỉnh Bắc Thái nói chung.

Bên cạnh đó, các loại lúa giống mới cũng được Đảng bộ chỉ đạo đưa vào gieo cấy dần thay thế những giống lúa

cũ như Nông nghiệp 8, Mộc tuyền... Năm 1969, tổng diện tích gieo cấy của xã là 336,7ha, tổng sản lượng đạt 696 tấn¹. Trong đó có 2 hợp tác Thanh Giang và Trung Phú đi đầu trong khâu ủ giống. Hợp tác xã Thanh Giang tổng diện tích cấy 2 vụ là 102ha, năng suất lúa chiêm xuân trung bình đạt 20,55 tạ/ha, năng suất lúa mùa muộn đạt 22,91 tạ/ha, năng suất lúa trên ruộng 2 vụ đạt 43,46 tạ/ha. Hợp tác xã Trung Phú diện tích cấy 2 vụ lúa là 137,4ha, năng suất lúa chiêm xuân đạt 19,77 tạ/ha, năng suất lúa trên ruộng 2 vụ đạt 39,40 tạ/ha do vậy năng suất, sản lượng tăng lên, năm 1969 đạt 21 tạ/ha². Hàng năm, xã đã đóng góp đầy đủ nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước.

Chăn nuôi cũng thường xuyên được Đảng ủy và chi bộ các hợp tác xã chú trọng phát triển. Từ năm 1968, hợp tác xã Thanh Giang đã có trại chăn nuôi, sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom bắn phá thì các hợp tác xã đã tích cực chỉ đạo công tác chăn nuôi. Trại chăn nuôi chủ yếu sản xuất lợn con bán cho xã viên và lợn thịt. Ngoài ra, Đảng ủy còn khuyến khích các hộ gia đình nuôi lợn, đảm bảo đóng góp đủ cho Nhà nước, mặt khác phát triển chăn nuôi còn nhằm tăng cường phân bón cho đồng ruộng.

Bên cạnh việc phát triển nông nghiệp, cây chè cũng được Đảng bộ chỉ đạo nhằm đảm bảo về diện tích và sản lượng. Hợp tác xã đã thành lập các tổ sản xuất cây chè do các cụ cao tuổi phụ trách như Tổ chè của các cụ ở hợp tác

1, 2. Theo số liệu từ Phòng Thống kê huyện Đại Từ.

xã Thanh Giang gồm Tổ chè Xóm Phở, Đồng Ninh, Rừng Lâm, hợp tác xã Trung Phú gồm Tổ chè Đầm Mua, Quang Trung, Đồng Ngõ, hợp tác Đình Thanh gồm Tổ chè xóm Đầm Bàng, La Mận...

Tiểu thủ công nghiệp cũng có nhiều bước phát triển. Hợp tác xã Thanh Giang và hợp tác xã Trung Phú đều có lò sản xuất gạch. Lò gạch của hợp tác xã Trung Phú đặt ở xóm Khâu Giáo, lò gạch của hợp tác xã Thanh Giang đặt ở khu Rừng Lâm. Hàng năm mỗi lò sản xuất được khoảng 24 vạn viên gạch, trong đó chủ yếu dùng cho xây dựng công trình phúc lợi, nhà kho, sân phơi và bán cho các hộ xã viên để xây dựng các công trình chăn nuôi ở quy mô hộ gia đình.

Hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán luôn được Đảng ủy và chính quyền quan tâm. Qua đó, động viên nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm. Cửa hàng của hợp tác xã mua bán được đặt ở xóm Ba Giăng. Đây là trung tâm giao dịch của xã, thuận tiện cho quan hệ trao đổi hàng hóa. Do vậy, hợp tác xã đã làm tốt nhiệm vụ phục vụ nhu yếu phẩm, phục vụ đời sống của nhân dân và phục vụ cho kháng chiến.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế, công tác văn hóa, xã hội cũng được Đảng bộ xã Hùng Cường quan tâm chỉ đạo. Sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom bắn phá miền Bắc, các đoàn thể tích cực vận động và cùng nhân dân khắc phục những thiệt hại về trường lớp do chiến tranh phá hoại gây ra, đảm bảo điều kiện tốt về cơ sở vật chất cho con em đến học tập. Từ năm 1972, xã đã có trạm y tế

đặt ở xóm Chùa do hai ông Hoàng Văn Thêm và Chu Sinh phụ trách, trong đó ông Chu Sinh làm Trạm trưởng. Trạm y tế tích cực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng dẫn và vận động nhân dân thực hiện công tác vệ sinh, phòng ngừa dịch bệnh.

Năm 1971, xã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ X (nhiệm kỳ 1971-1973). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới, đồng chí Tạ Việt Cường là Bí thư, đồng chí Lương Văn Bạo là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Đầu năm 1972, sau một thời gian tạm ngừng đánh phá, Mỹ lại cho không quân, tàu chiến đánh phá miền Bắc lần thứ hai với mức độ ngày càng gay go và ác liệt.

Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ đã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất cả về quy mô và cường độ bắn phá, nhất là chúng đã sử dụng một cách phổ biến và tập trung các loại máy bay hiện đại nhất là B52 và F111. Ngày 24-5-1972, máy bay Mỹ ném 12 quả bom và bắn một loạt đạn rốc két xuống nhà máy điện Cao Ngạn, cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ đã lan rộng đến địa bàn tỉnh Bắc Thái. Xã Hùng Cường cùng với các xã khác trong toàn huyện Đại Từ tiếp tục bước vào thử thách mới với quyết tâm cao.

Công tác quốc phòng - an ninh được Đảng ủy đặc biệt chú trọng. Thời gian đế quốc Mỹ thực hiện ném bom phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc và huyện Đại Từ nói riêng, xã Hùng Cường thực hiện hai nhiệm vụ bao gồm chống chiến

tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời tiếp tục cùng quân dân miền Bắc chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, hoàn thành tốt nghĩa vụ của hậu phương lớn với tiền tuyến lớn.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng tích cực hướng dẫn, phân tích về mức độ ác liệt của đợt phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, các tổ chức cùng với nhân dân chuyển tất cả các mặt hoạt động sang thời chiến, sẵn sàng ứng phó và quyết tâm cùng với cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ. Trong 12 ngày đêm từ 18-12-1972 đến 29-12-1972, quân dân Hà Nội và các tỉnh thành phía Bắc đã lập nên một kỳ tích lịch sử: bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 máy bay B52, đặc biệt, quân dân Hà Nội đã bắn rơi 23 máy bay B52. Đây là một “Điện Biên Phủ trên không” tại Hà Nội.

Ngày 30-12-1972, Mỹ phải tuyên bố ngừng hoạt động bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và đến ngày 15-1-1973 thì ngừng mọi hoạt động quân sự ở miền Bắc. Tiếp đó, ngày 27-1-1973 đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pa-ri, cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam.

Từ sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết (ngày 27-1-1973), hòa bình được lập lại trên toàn miền Bắc, nhân dân chung vui bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không từ bỏ dã tâm phá hoại nền độc lập, tự do của nước ta. Ngày 28-1-1973, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi nhân dân cả nước “tăng

cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà". Bước vào thời kỳ cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường có nhiều thuận lợi. Sau bao năm chiến tranh, hòa bình được lập lại. Toàn Đảng, toàn dân phấn khởi trước những thắng lợi đã giành được. Xã đã xây dựng được một số nhân tố mới trong công cuộc phát triển kinh tế - văn hóa. Nhưng khó khăn, thử thách vẫn nhiều. Nền sản xuất của xã chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Đứng trước những thuận lợi và khó khăn đó, ngay sau khi hòa bình lập lại, Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân từng bước khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất, ổn định đời sống cho nhân dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 1973, Đảng bộ xã Hùng Cường tiến hành Đại hội lần thứ XI¹ (nhiệm kỳ 1973-1974). Đại hội đã tổng kết những thành tích đã đạt được cũng như các mặt hạn chế cần khắc phục. Đồng thời, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới, đồng chí Nguyễn Văn Khuyên là Bí thư, đồng chí Lương Văn Bạo là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

1. Năm 1974, xã tiến hành Đại hội lần thứ XII (nhiệm kỳ 1974-1977). Đồng chí Hoàng Văn Thường được bầu làm Bí thư, đồng chí Lương Văn Bạo là Phó Bí thư, Chủ tịch UBHC. Đến năm 1976, đồng chí Phạm Văn Bắc là Chủ tịch UBHC.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội, Đảng ủy chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể và quần chúng nhân dân tích cực tham gia sản xuất nhằm phát triển kinh tế, tham gia các phong trào văn hóa, xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được duy trì, củng cố và tiến bộ rõ nét. Đây là khoảng thời gian mà Đảng bộ tập trung vào công tác quản lý lao động, quản lý kinh tế làm sao có hiệu quả sản xuất cao hơn, đi sâu vào thâm canh tăng năng suất, đưa đời sống của nhân dân đi vào ổn định. Công cụ sản xuất được cải tiến nhiều hơn so với trước. Năm 1973, diện tích gieo trồng cả năm là 536,2ha, tổng sản lượng cả năm đạt 1.440,1 tấn, năm 1975, tổng diện tích gieo trồng là 568,7ha, tổng sản lượng đạt 1.255,1 tấn.

Đời sống của nhân dân được ổn định, các hoạt động văn hóa, xã hội và chính trị do Đảng bộ phát động được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Giáo dục thời kỳ này gặp nhiều khó khăn nhưng thầy cô và học sinh cố gắng bám trường bám lớp để tiếp tục dạy và học. Đến năm 1975, xã đã có trường cấp II. Những năm 1972-1973, hoạt động của trạm y tế xã gặp nhiều khó khăn, đồng chí Tạ Việt Cường đã trích lương hưu của mình để mua thuốc, góp phần phục vụ công tác chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân.

Các đoàn thể quần chúng ngày càng phát huy được vai trò của mình trong đời sống xã hội. Đoàn Thanh niên, Hội

Phụ nữ, Hội Phụ lão đã tổ chức các đợt sinh hoạt để thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông qua các hoạt động quần chúng đã nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, ra sức thi đua, thực hành tiết kiệm, xây dựng đời sống mới, đảm bảo hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh Niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão còn tích cực tham gia các phong trào của địa phương, góp phần cùng với nhân dân làm tốt công tác hậu phương.

Về quốc phòng - an ninh, lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động của cấp trên. Đảng ủy đã chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên, lực lượng dân quân thấy rõ tình hình, nhiệm vụ cách mạng, bản chất âm mưu của đế quốc Mỹ cùng với bọn tay sai, luôn luôn cảnh giác với các thế lực phản động, tăng cường xây dựng lực lượng tự vệ dân quân cả về số lượng và chất lượng.

Đảng ủy tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân trong xã, kết hợp giáo dục nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc với ý thức chấp hành Luật nghĩa vụ với Nhà nước. Tính đến năm 1975, Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường đã động viên được 318 thanh niên nhập ngũ, 22 thanh niên đi thanh niên xung phong.

Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong thời kỳ này tập trung vào các đợt sinh hoạt chính trị, học tập, triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Sau mỗi đợt sinh hoạt chính trị, từng cán bộ,

đảng viên đều liên hệ, kiểm điểm gắn với nhiệm vụ chính trị của mình. Trong đó, Nghị quyết số 195-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa III (ngày 6-3-1970) mở Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Nghị quyết yêu cầu: “Tất cả các đảng viên phải tham gia lớp nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chủ tịch...”. Đây là lần đầu tiên trong nghị quyết của mình, Đảng ta yêu cầu mọi đảng viên phải nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh, coi đây là biện pháp có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao năng lực nhận thức, tư duy, là phẩm chất đạo đức của người đảng viên. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã thấy được tình hình, nhiệm vụ cách mạng mới, đánh giá đúng thắng lợi, thấy được khó khăn, khuyết điểm, nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Hiệp định Pa-ri được kí kết, quân đội viễn chinh Mỹ buộc phải cuốn cờ rút về nước. Đây cũng là lúc cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên các chiến trường miền Nam bước vào giai đoạn quyết định, đòi hỏi cần phải có sự chi viện sức người, sức của ngày càng lớn của hậu phương miền Bắc.

Cách mạng chuyển biến mau lẹ theo chiều hướng có lợi cho ta, ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng. Thành phố Sài Gòn và miền Nam được hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc thắng lợi. Niềm vui miền Nam giải phóng, Bắc - Nam sum họp một nhà đã

tràn ngập khắp các thôn xóm, vào từng gia đình ở xã Hùng Cường.

Chặng đường 10 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975) của Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường tuy ngắn ngủi nhưng lại vô cùng vẻ vang, oanh liệt. Trong 10 năm ấy, phong trào cách mạng của xã nhà gặp không ít khó khăn, thử thách hết sức gay go, ác liệt. Thế nhưng, Đảng bộ và quân dân toàn xã vẫn tuyệt đối tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, luôn nêu cao ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ quê hương. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân kịp thời chuyển hướng mọi hoạt động của xã từ thời bình sang thời chiến, chỉ đạo có hiệu quả hoạt động phòng không sơ tán. Chính vì thế, Hùng Cường đã chủ động đảm bảo an toàn ở mức cao nhất tính mạng và tài sản của nhân dân, đồng thời giáng trả đích đáng kẻ thù xâm lược.

Nhìn lại chặng đường từ năm 1954 đến ngày 30-4-1975, trên mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh kiên cường, Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử với những nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhưng đều nhất quán thực hiện hai mục tiêu cách mạng là: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, mặc dù khó khăn chồng chất, nhiều năm phải đương đầu với chiến tranh phá hoại, với thiên tai nhưng nhân dân xã Hùng Cường dưới sự lãnh đạo của

Đảng bộ xã vẫn vững vàng đi lên và gặt hái được nhiều thành tựu, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước. Trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xã Hùng Cường đã làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hợp tác xã nông nghiệp đã làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc, bảo vệ hậu phương, phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống đế quốc Mỹ, nhân dân xã Hùng Cường đã đoàn kết một lòng vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Trong khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta diễn ra ngày càng ác liệt, lớp lớp thanh niên xã Hùng Cường đã tình nguyện lên đường nhập ngũ, thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự do Quốc hội ban hành (năm 1960). Thanh niên xã Hùng Cường đã tự nguyện nhập ngũ với tinh thần:

Ra đi nguyện một lời thề

Chưa thắng giặc Mỹ, chưa về quê hương

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, xã đã có 318 người con của quê hương lên đường chiến đấu, trong đó có 25 đồng chí là thương binh, 49 đồng chí đã hy sinh, những đóng góp đó làm vẻ vang truyền thống yêu nước của nhân dân xã Hùng Cường và được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý: 506 Huân, Huy chương chống Mỹ, cứu nước, 298 Huân, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang, 85 Huân chương Chiến công giải phóng, 8 Huân, Huy chương làm nhiệm vụ quốc tế.

Bên cạnh việc chi viện tối đa sức người, sức của cho công cuộc kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Hùng Cường đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, tạo nên sự phát triển vượt bậc trong tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn của xã. Đảng bộ và nhân dân đã tích cực vừa sản xuất, vừa chiến đấu, bảo vệ những thành quả trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ và sau này là Đảng bộ, nhân dân Hùng Cường đã từng bước xây dựng một đời sống kinh tế - xã hội mới, trong đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí chủ đạo, cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội và một số giá trị xã hội đã phát huy được tính ưu việt của nó.

Hơn 20 năm lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Chi bộ và sau này là Đảng bộ xã Hùng Cường luôn lấy công tác xây dựng Đảng làm then chốt. Qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ Hùng Cường đã vững vàng và ngày càng có sự trưởng thành vượt bậc. Tổ chức Đảng bộ đã không ngừng lớn mạnh, số lượng đảng viên ngày càng tăng, chất lượng không ngừng được nâng cao. Tuyệt đại bộ phận đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong mọi hoàn cảnh. Từ thực tiễn cách mạng, Đảng bộ đã trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, là cầu nối giữa Đảng và quần chúng, từ đó đã huy động được sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng do Trung ương Đảng và Bác Hồ đề ra.

Những thành công và bài học kinh nghiệm rút ra từ sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào cách mạng trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ của xã vừa là niềm tự hào, vừa là cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường tiếp tục tiến lên cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chương IV

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ BẢN NGOẠI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP (1976-1985)

I. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC XÃ BẢN NGOẠI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ HAI (1976-1980)

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành thắng lợi đã kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Thắng lợi vĩ đại đó đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử xã Hùng Cường nói riêng. Đó là nguồn cổ vũ lớn lao, là động lực quan trọng để Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường bước vào thời kỳ mới, thời kỳ cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, với hai nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt, gắn bó khăng khít là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình nhiệm vụ mới, Đảng bộ xã Hùng Cường có nhiều thuận lợi cơ bản để lãnh đạo nhân dân xây dựng lại mọi mặt đời sống. Đó là đất nước hòa bình, thống nhất, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ xã được rèn luyện trong chiến đấu, đoàn kết thống nhất về tổ chức, đồng tâm hiệp lực trong công tác, có ý chí phấn đấu, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu. Xã Hùng Cường có nhiều tiềm năng phát triển một nền kinh tế đa dạng, địa phương lại có nguồn lao động dồi dào, nhân dân cần cù, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có tinh thần xây dựng quê hương. Cùng với đó là tinh thần, nghị lực lao động sản xuất của nhân dân Hùng Cường trên vùng quê giàu truyền thống văn hóa cách mạng, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, đưa phong trào sản xuất và đời sống từng bước đi lên. Đội ngũ cán bộ đảng viên được rèn luyện, trưởng thành trong 10 năm “vừa chiến đấu - vừa sản xuất” có những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất. Khí thế chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần và tư tưởng của cán bộ, nhân dân trong xã, lực lượng lao động ở hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được bổ sung thêm nhiều quân nhân hoàn thành nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nay trở về tham gia lao động sản xuất, xây dựng quê hương.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường cũng đứng trước nhiều khó khăn, thử thách lớn như cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu lại bị tàn phá nhiều trong chiến tranh, trình độ sản xuất còn hạn chế,

sản xuất tiêu thủ công nghiệp tuy có phát triển nhưng chưa mạnh, một số vấn đề an ninh trật tự chưa được giải quyết triệt để.

Tiếp tục công việc từ sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết, Đảng bộ và nhân dân xã tập trung giải quyết hậu quả và hàn gắn vết thương do chiến tranh gây ra. Hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng, hệ thống tưới tiêu... bị hư hỏng nặng trong chiến tranh, một số công trình công cộng phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người dân bị tàn phá. Tất cả những điều đó đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân xã Hùng Cường cần có biện pháp khắc phục.

Ngày 25-4-1976, hàng triệu cử tri cả nước nô nức tham gia bầu cử Quốc hội khóa VI (1976-1981). Quốc hội quyết định đổi tên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp. Đây là một điểm khởi đầu để dân tộc ta nói chung, nhân dân xã Hùng Cường nói riêng viết nên trang sử mới về truyền thống quê nhà.

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại hội nhấn mạnh đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta trong giai đoạn lịch sử mới là: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: Cách mạng

quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Vừa xây dựng kinh tế Trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980) nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, các chi bộ và hợp tác xã tổ chức đón tiếp chu đáo những người con của quê hương thắng trận trở về, tạo điều kiện về vật chất, giúp đỡ về tinh thần, vận động các đồng chí tham gia công tác của địa phương, tiếp tục sát cánh cùng đồng chí, đồng bào trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ đạo các hợp tác xã điều chỉnh lao động, thực hiện các chế độ ưu đãi, vận động nhân dân giúp đỡ các gia đình chính sách vượt qua khó khăn, thiếu thốn tiến tới tự lực cánh sinh. Tình hình kinh tế, đời sống cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhanh chóng ổn định, tạo ra động lực mới để phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân cả nước đang đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi, nhằm phục hồi kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh do bom đạn Mỹ để lại, đưa đời sống của nhân dân trong xã nâng cao lên một bước.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, xã Hùng Cường được đổi tên thành xã Bản Ngoại. Cũng trong năm này xã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII (nhiệm kỳ 1977-1979). Đại hội đã bầu đồng chí Bế Viết Máy là Bí thư, đồng chí Phạm Văn Bắc là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Hòa chung không khí thi đua sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh trong cả nước đồng thời thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ xã, nhân dân xã Bản Ngoại tích cực sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai công tác sản xuất trong nông nghiệp, nhiều xã viên của các hợp tác xã tích cực lao động, sản xuất thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng đội và nghị quyết của Đảng bộ. Hợp tác xã tổ chức cho xã viên khai hoang, phục hóa nhiều diện tích đất còn chưa sử dụng, đất bị hoang hóa trong chiến tranh nhằm mở rộng diện tích gieo trồng, tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Các khâu trong mỗi mùa vụ đều được Đảng ủy, chính quyền xã quán triệt đến từng hợp tác xã và từ đó xuống từng đội để đảm bảo đúng thời vụ, từ khâu chuẩn bị giống, làm đất, làm cỏ, chuẩn bị sức kéo đến khâu chăm bón, đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thu hoạch và bảo quản sản phẩm.

Đảng bộ xã tập trung chỉ đạo công tác củng cố hợp tác xã nhằm phát triển sản xuất. Các hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng tiến hành kiểm kê tài sản, ruộng đất, ngân quỹ và xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh, bám sát Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị về quản lý kinh tế, Chỉ thị số 208 và 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức lại sản xuất, quản lý nông nghiệp, chống tham ô, lãng phí... Riêng trong các hợp tác xã nông nghiệp, bước đầu thực hiện mô hình đội, nhóm chuyên khâu sản xuất và chế độ "*ba khoán*" (khoán việc, khoán sản lượng, khoán công điểm). Hiệu quả sản xuất kinh doanh được nâng lên rõ rệt, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nền kinh tế không ngừng được tăng cường. Trong nông nghiệp, được sự quan tâm của Ban Thường vụ Huyện ủy và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, xã đã đạt được nhiều thành tựu.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ xã Bản Ngoại thường xuyên chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất. Công tác đào tạo cán bộ quản lý được chú trọng, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý được sắp xếp lại cho phù hợp với tình hình mới của địa phương.

Tháng 5-1978, được sự chỉ đạo của cấp trên, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, hợp tác xã toàn xã được thành lập.

Ngày 30-5-1978, xã tổ chức Đại hội xã viên toàn xã. Đại hội đã thống nhất lấy tên là Hợp tác xã Bản Ngoại,

sau đó đổi tên là Hợp tác xã Hùng Cường. Đại hội đã bầu Ban quản lý hợp tác xã toàn xã, đồng chí Mai Trọng Tuyển được bầu làm Chủ nhiệm.

Thời gian đầu sau khi hợp nhất thành hợp tác xã toàn xã, Hợp tác xã Hùng Cường gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong quản lý đất đai và ăn chia phân phối sản phẩm. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã và sự nỗ lực của quần chúng nhân dân, hợp tác xã hợp nhất đã dần đi vào ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã, nhân dân đã tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế - văn hóa, đảm bảo ổn định đời sống.

Bằng những biện pháp đồng bộ tích cực nên trong sản xuất nông nghiệp xã đã bước đầu đạt được những thành quả. Tuy nhiên, từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cán bộ và nhân dân không tránh khỏi những khó khăn bước đầu, lại thêm thiên tai liên tiếp xảy ra như úng lụt kéo dài, hạn hán gay gắt, rét đậm... Năm 1978, hợp tác xã gieo cấy được 464,3ha, tổng sản lượng đạt 1.003,1 tấn¹, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại đã hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao.

Cây công nghiệp đặc biệt là cây chè được mở rộng. Tận dụng đất đồi bãi, hợp tác xã tổ chức được 3 đội trồng chè. Đó là đội Trung Phú, Thanh Giang, Đình Thanh. Đặc

1. Theo số liệu của Phòng Thống kê huyện Đại Từ.

biệt trong những năm 1978-1979, xã đã tiếp nhận hơn 40 gia đình của xã Tân Thái từ hồ Núi Cốc chuyển về, đa số bà con làm nghề trồng chè nên diện tích chè của xã đã được mở rộng.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng không ngừng được duy trì và mở rộng về quy mô. Năm 1978, hợp tác xã phát triển thêm 1 lò nung ở xóm Đồng Ninh, với công suất 10 vạn viên/năm.

Ngày 14-8-1979, xã Bản Ngoại tiến hành Đại hội lần thứ XIV (nhiệm kỳ 1979-1982). Đồng chí Triệu Văn Hưng là Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Khuyên là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, song song với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, công tác văn hóa, xã hội cũng được Đảng bộ quan tâm chú trọng. Dù trong hoàn cảnh chiến tranh biên giới đang diễn ra ác liệt, trường làm bằng tre nứa, phải học 2 ca trong một ngày nhưng xã vẫn đảm bảo trường lớp, tạo điều kiện tốt nhất cho giảng dạy và học tập. Năm 1980, xã có 38 lớp học, trong đó có 8 lớp học sinh lớp vỡ lòng và 30 lớp học sinh cấp I, II với tổng số học sinh là 1.300 em (trong đó lớp học vỡ lòng là 200 em).

Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, trạm y tế không ngừng nâng cao, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là trẻ em thường xuyên được quan tâm.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền, thể dục, thể thao được đẩy mạnh. Những hoạt động này

có tác dụng thiết thực phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Nhiều gia đình thực hiện nếp sống văn hóa mới, tệ nạn trộm cắp, cờ bạc, hủ tục ma chay, cưới hỏi dần dần được khắc phục. Công tác văn hóa thông tin của xã hoạt động đều đặn, cán bộ của trạm luôn nắm bắt tình hình thời sự trong nước, thế giới để tuyên truyền, giới thiệu cho nhân dân.

Đất nước đã hòa bình, chiến tranh kết thúc nhưng những vết thương mà chiến tranh để lại vẫn chưa thể xóa đi trong cuộc sống của nhân dân. Với truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*”, ghi ơn những người đã khuất, bù đắp những mất mát, thiệt thòi cho những người phải để lại một phần xương thịt nơi chiến trường. Hàng năm, vào các dịp lễ tết, ngày thương binh, liệt sỹ 27-7, Đảng ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc xã đều có quà thăm hỏi, động viên các thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ có công với cách mạng. Bên cạnh đó, con em các gia đình thương binh, liệt sỹ luôn được ưu tiên trong học hành, lao động sản xuất, tạo công ăn việc làm.

Cuối năm 1978, tình hình biên giới nước ta càng thêm căng thẳng. Tại Cam-pu-chia, bè lũ Pôn-pốt - Iêng-xari không chỉ gây ra họa diệt chủng đối với 3 triệu đồng bào trong nước mà chúng còn phát động chiến tranh xâm lược biên giới phía Tây Nam của Việt Nam. Để bảo vệ quyền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc và giúp nhân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng, với tinh thần quốc tế cao cả, cuối năm 1978, quân tình nguyện Việt Nam đã lên

đường giúp nhân dân Cam-pu-chia giải phóng dân tộc, tiêu diệt chế độ diệt chủng Pôn-pốt. Chiến tranh biên giới phía tây nam vừa yên tiếng súng, tháng 2-1979, nước ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới phía bắc với Trung Quốc. Thực hiện Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, đông đảo thanh niên cả nước nói chung, 300 thanh niên xã Bản Ngoại nói riêng đã hăng hái lên đường bảo vệ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Kết thúc hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam, xã Bản Ngoại có 4 đồng chí đã hy sinh anh dũng, 5 đồng chí đã để lại một phần xương máu nơi chiến trường.

Công tác quân sự địa phương, Đảng ủy đã chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhận thức rõ tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong thời đại mới để có tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của bọn phản động, đồng thời ra sức củng cố lực lượng tự vệ, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán trong lực lượng tự vệ địa phương. Những năm 1979-1980, lực lượng dân quân được biên chế làm 3 đại đội với tổng số 452 chiến sỹ, trong đó có 2 đại đội chiến đấu tại chỗ, 1 đại đội cơ động gồm 90 đồng chí (được trang bị vũ khí là 50 khẩu súng, trong đó có AK - CKC - K44, đạn được là 5.988 viên, ngoài ra còn được trang bị lựu đạn). Hàng năm, Ban Chỉ huy xã đội tuyển đủ chỉ tiêu cấp trên giao, có nhiều thanh niên tình nguyện nhập ngũ như các đồng chí Đinh Văn Chuyên là con liệt sỹ Đinh Văn Cẩn, trước khi lên đường nhập ngũ được chi bộ tổ chức kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngành văn hóa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong xã thực hiện nếp sống văn hóa mới, được nhân dân hưởng ứng đông đảo, nhất là trong các việc ma chay, cưới hỏi.

Công tác đời sống xã viên được Đảng ủy rất coi trọng, thể hiện quan điểm của Đảng đối với quần chúng nhân dân. Đảng ủy chỉ đạo các ban ngành phân phối đúng đối tượng, đúng chính sách và phục vụ kịp thời.

Công tác đoàn thể quần chúng trong xã được Đảng bộ chú trọng. Mặt trận Tổ quốc xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện mục tiêu kinh tế của Nhà nước và xây dựng nếp sống mới. Đoàn Thanh niên đã có nhiều cố gắng trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, là lực lượng tích cực trong việc tham gia các phong trào cách mạng, các hoạt động quần chúng. Ngoài ra, thanh niên luôn là lực lượng tiên phong trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội Phụ nữ có nhiều hoạt động tích cực, phát huy truyền thống “Đảm việc nhà, giỏi việc nước”, động viên chồng con đi làm nhiệm vụ, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Từ thực tiễn lãnh đạo chiến đấu và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tại địa phương, Đảng bộ có bước trưởng thành về số lượng và chất lượng. Từ tháng 6-1977, đến hết khóa XIV (nhiệm kỳ 1979-1982), Đảng bộ xã có 96 đảng viên. Quán triệt Nghị quyết số 32 của Bộ

Chính trị và Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV, Đảng bộ xã Bản Ngoại thông qua việc học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng để xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và quần chúng, tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân; tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tinh thần cảnh giác cách mạng đối với âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của kẻ thù, chống biểu hiện dao động, bi quan, hoài nghi, tự do, vô kỷ luật... Nhiệm vụ công tác tổ chức và cán bộ là củng cố tổ chức của cả hệ thống chính trị, xây dựng về quy chế, lề lối làm việc, bố trí nhân sự một cách hợp lý từ cơ sở đến huyện, tỉnh...

Chất lượng đảng viên luôn được Đảng bộ quan tâm. Thông qua việc rèn luyện đảng viên từ thực tiễn, qua các lớp học bồi dưỡng lý luận và chuyên môn tại xã, huyện. Nhiều cán bộ chủ chốt của xã được nâng cao trình độ và năng lực công tác. Công tác kiểm tra Đảng được coi trọng và tiến hành nghiêm túc, thường xuyên đối với từng chi bộ, đảng viên. Đảng ủy đã phát động phong trào đấu tranh tự phê bình và phê bình, kiên quyết xử lý kỷ luật đối với những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm trong công tác, lệch lạc về tư tưởng.

Như vậy, sau ngày đất nước thống nhất, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân xã Bản Ngoại tích cực tham gia các phong trào về kinh tế, văn hóa - xã hội do Đảng và Nhà nước phát động. Trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai, Đảng bộ xã đã phát huy sức mạnh

của nhân dân các dân tộc, hoàn thành mục tiêu kế hoạch Nhà nước đề ra, để nâng cao đời sống cho nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Trong 5 năm đầu, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại đã sát cánh cùng nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Đảng là: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong những năm đầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn, thử thách nhưng Đảng bộ và nhân dân trong xã đoàn kết một lòng, chung sức vượt qua những khó khăn và đạt được những thành tựu nhất định, đó là một thành công lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại.

II. ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI (1980-1985)

Năm 1980, xã Bản Ngoại kết thúc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai. Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trên nhiều phương diện nhưng nhìn chung các chỉ tiêu đạt được còn thấp, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng còn thiếu; vật tư, tài chính còn mất cân đối; đời sống cán bộ, nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình đó đặt ra cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành, các cấp nhiệm vụ cần phải phát huy tinh thần trách nhiệm, ý chí tự chủ sáng tạo để tạo ra bước chuyển mới trên mặt trận kinh tế - văn hóa, xã hội.

Bước vào cuối những năm 70, nền kinh tế nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng, sản xuất, phân phối và lưu thông đình trệ. Cơ chế quản lý kinh tế mang tính chất hành chính, quan liêu, bao cấp tồn tại quá lâu. Trong khi nguồn viện trợ nước ngoài không còn nữa, chiến tranh lại xảy ra ở hai đầu biên giới đã đẩy đất nước lâm vào khủng hoảng. Để khắc phục khó khăn về sản xuất, từng bước giải phóng sức lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV (8-1979) đã họp bàn nhiệm vụ phát triển kinh tế trước mắt.

Ngày 10-12-1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV cùng phương hướng, nhiệm vụ và các mặt công tác trong giai đoạn tiếp theo; thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 3 (1981-1985).

Tiếp đó, nhằm tháo gỡ những khó khăn của nền kinh tế, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW (còn gọi là Khoán 100) về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Mục đích của công tác khoán theo Chỉ thị số 100 là đảm bảo phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đối với hợp tác xã nông nghiệp, phải quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, tổ chức tốt việc quản lý, điều hành

lao động; nắm và chủ động được sản phẩm nhằm phát huy quyền làm chủ của hợp tác xã, quyền làm chủ tập thể của xã viên; ngăn chặn tình trạng khoán trắng, buông trôi cho lãnh đạo. Đây là một chủ trương mới, một mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển hướng chỉ đạo quản lý sản xuất nông nghiệp của Đảng và Nhà nước.

Triển khai những nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Bản Ngoại đã chủ động tổ chức cho nhân dân nắm bắt được nội dung cơ bản của chế độ khoán sẽ được thực hiện trong nông nghiệp của xã cũng như trên phạm vi cả nước.

Thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sản xuất nông nghiệp của xã Bản Ngoại trong những năm 1981-1985 được tổ chức theo cơ chế khoán đến nhóm và người lao động, gọi là khoán 5 khâu 3 việc. Theo đó, ruộng đất khoán cho từng lao động, mỗi lao động nhận được 2-3 sào (tùy theo bình quân của đội sản xuất) và đảm nhiệm 3 khâu: cấy, chăm sóc, thu hoạch và giao nộp sản phẩm; còn hợp tác xã thực hiện 5 khâu: giống, điều hành nước, làm đất, phân bón, phòng trừ sâu bệnh. Theo cơ chế khoán này, nếu vượt khoán thì xã viên được hưởng, hụt khoán thì xã viên chịu phạt. Do đó, đã phát huy được tính tích cực lao động của người xã viên, thúc đẩy họ tăng thêm sức, tận dụng đất đai, đầu tư phân bón, cải tiến kỹ thuật, tận thu mùa màng để có năng suất và sản lượng cao.

Trước tình hình đất nước còn gặp nhiều khó khăn về các mặt kinh tế - xã hội, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ V (từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982) được tiến hành. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba (1981-1985) là: Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đẩy mạnh sản xuất, tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề khác.

Để lãnh đạo nhân dân xã Bản Ngoại hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ mà Chỉ thị số 100-CT/TW và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đề ra, ngày 30-11-1982, xã Bản Ngoại tiến hành Đại hội Đảng bộ khóa XV (nhiệm kỳ 1982-1986). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ. Đồng chí Triệu Văn Hưng được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Đình Trang là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Tạ Đăng Cát là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.

Trong nông nghiệp, xã đã tích cực thực hiện theo Chỉ thị Khoán 100, đảm bảo phát triển sản xuất. Do cơ chế thay đổi nhất là trong khoán quản của hợp tác xã với xã viên càng đòi hỏi năng lực lãnh đạo của cán bộ không ngừng được nâng cao. Được sự chỉ đạo của cấp trên, theo đề nghị của Ban quản lý hợp tác xã, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và đáp ứng nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân. Tháng 3-1982, được sự chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy xã đã ra nghị quyết về

việc tách Hợp tác xã Hùng Cường thành 3 hợp tác xã gồm: Hợp tác xã Trung Phú do ông Chu Lường làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Thanh Giang do ông Lương Văn Bạo làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Đình Thanh do ông Vũ Văn Sang làm Chủ nhiệm. Ngay sau khi tách hợp tác xã, công tác kiện toàn 3 chi bộ hợp tác xã cũng được tiến hành. Trong đó, Chi bộ Hợp tác xã Trung Phú do ông Bùi Đình Đoán làm Bí thư, Chi bộ Hợp tác xã Thanh Giang do ông Triệu Minh Lê làm Bí thư, Chi bộ Hợp tác xã Đình Thanh do ông Tạ Đăng Cát làm Bí thư.

Cùng với việc thay đổi quy mô hợp tác xã, Đảng ủy chỉ đạo nhân dân tích cực lao động sản xuất, không ngừng ổn định đời sống.

Trong sản xuất nông nghiệp, phong trào thi đua lao động trong hợp tác xã diễn ra sôi nổi, năng suất, sản lượng hàng năm được giữ vững. Năm 1982, tổng diện tích gieo trồng là 783,6ha, sản lượng đạt 806,2 tấn. Năm 1984, Hợp tác xã Trung Phú sản lượng đạt 546,9 tấn, hợp tác xã Thanh Giang sản lượng đạt 399,28 tấn, hợp tác xã Đình Thanh đạt 65,7 tấn¹. Trong những năm này, bình quân lương thực đầu người đạt 8 kg/tháng. Bên cạnh đó, Đảng ủy chú trọng công tác chăn nuôi, phát động chăn nuôi rộng rãi trong nhân dân, được nhân dân hưởng ứng vì mang lại lợi ích thiết thực. Đặc biệt là chăn nuôi lợn, đàn trâu, bò

1. Theo số liệu của Phòng Thống kê huyện Đại Từ.

góp phần giải quyết nhu cầu thực phẩm và sức kéo cho nhân dân.

Bên cạnh đó, cây chè cũng được quan tâm phát triển về quy mô. Năm 1982, toàn xã có 80 mẫu chủ yếu tập trung nhiều ở Trung Phú với tổng diện tích chè toàn xã cho thu hái là 34,5ha.

Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, ngành tiểu thủ công nghiệp được Đảng bộ quan tâm phát triển theo hướng tận dụng các nguồn nguyên liệu nông nghiệp phục vụ đời sống nhân dân. Sản xuất không ngừng tăng trưởng, đặc biệt là sản xuất gạch.

Công tác giáo dục ở Bản Ngoại có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực. Vượt qua những khó khăn, thiếu thốn cơ sở vật chất, xã đã không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, nhờ đó số học sinh đến trường ngày càng tăng lên. Tính đến tháng 12-1983, bằng phong trào bổ túc văn hóa, xã đã hoàn thành phổ cập bổ túc văn hóa.

Công tác khám chữa bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân tại Trạm y tế được chú trọng. Nhờ hoạt động tích cực của đội ngũ y tế xã và tinh thần phòng chống của nhân dân mà các loại bệnh dịch được khống chế. Bên cạnh đó, công tác vệ sinh đạt nhiều tiến bộ, trong xã đã phát động phong trào vệ sinh sạch đẹp ở các xóm, nhiều gia đình đã xây dựng được nhà tiêu hợp vệ sinh, hộ nào cũng có giếng nước để phục vụ sinh hoạt.

Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là mục tiêu Đảng bộ tiến tới trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần

thứ ba. Thực hiện Chỉ thị số 214 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xã Bản Ngoại bước đầu có những tiến bộ mới trong việc cưới, việc tang, ngày giỗ, lễ tết.

Trong nếp sống mới, đám cưới được tổ chức đơn giản nhưng long trọng, lịch thiệp, đảm bảo quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân. Từ đó, tạo được niềm tin, phấn khởi và sự đồng thuận của nhân dân trong công cuộc xây dựng đời sống mới.

Công tác tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức hoạt động phù hợp với tình hình địa phương. Ban Thông tin văn hóa thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền phục vụ nhân dân thông qua nhiều hình thức.

Qua những hoạt động có ý nghĩa này, nhân dân Bản Ngoại có điều kiện gắn chặt thêm mối quan hệ giữa mọi người với nhau, xây dựng truyền thống văn hóa đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong khó khăn, hoạn nạn. Từ đó mỗi cán bộ, đảng viên đều có ý thức trong giai đoạn này là phấn đấu vượt qua khó khăn trong sản xuất, thiếu thốn về vật chất của mỗi nhà, mỗi người.

Cùng với việc phát triển sản xuất, văn hóa - xã hội và xây dựng đời sống nhân dân, công tác quốc phòng - an ninh cũng được Đảng bộ quan tâm, tăng cường. Trong bối cảnh khó khăn về kinh tế - xã hội, các thế lực thù địch luôn tăng cường chống phá bằng nhiều hình thức, thủ đoạn tinh vi, Đảng bộ xã Bản Ngoại đã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác vận động quần chúng phát huy quyền làm chủ được quan tâm đúng mức. Mỗi đoàn thể đều thể hiện vị trí, vai trò của mình trong phát động phong trào đưa quần chúng vượt qua khó khăn. Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò chủ chốt trong động viên quần chúng đoàn kết thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hăng hái trong lao động sản xuất, thực hiện nếp sống mới. Hội Nông dân¹ được thành lập tháng 10-1983 đã tích cực vận động nhân dân thâm canh tăng năng suất cây trồng, đảm bảo thời vụ... Hội Phụ lão 3 giỏi với phong trào “Gửi tiết kiệm ích nước lợi nhà”. Hội Phụ nữ với phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” đã động viên các hội viên làm tốt nghĩa vụ công dân và thực hiện làm mẹ, xây dựng chế độ nam nữ bình đẳng trong lao động sản xuất. Đoàn Thanh niên phát động phong trào “Ba xung kích” động viên thanh niên đi đầu trong các hoạt động lao động sản xuất, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó, Đội Thiếu niên nhi đồng Hồ Chí Minh được củng cố, kiện toàn về tổ chức, phương thức hoạt động. Tổ chức theo khối, lớp ở nhà trường và từng chi đội cơ sở với phong trào thi đua “Tuổi nhỏ làm nghìn việc tốt, học tập chăm ngoan, siêng năng lao động”, nhiều em đạt được danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ”. Thông qua các phong trào hoạt động và học tập, các đoàn thể đã phát huy tinh

1. Ông Tạ Đăng Cát là Chủ tịch Hội Nông dân.

thần làm chủ, giác ngộ chính trị quần chúng từ đó tạo sự đoàn kết rộng rãi trong nhân dân.

Công tác xây dựng cơ sở Đảng trong sạch về chính trị, vững mạnh về tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên về mọi mặt luôn được Đảng bộ quan tâm. Tính đến tháng 6-1985, Đảng bộ xã có 133 đảng viên, sinh hoạt ở 4 chi bộ (Chi bộ Trung Phú, Thanh Giang, Đình Thanh và Chi bộ nhà trường). Tiếp thu, vận dụng và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị vào cuộc sống góp phần xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, vận động nhân dân. Thực hiện theo tinh thần Chỉ thị số 192 và Chỉ thị số 83 về việc phát triển đảng viên, thực hiện Chỉ thị số 6 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh (ngày 19-12-1983). Đảng bộ đã làm tốt công tác đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Đảng bộ đã tích cực quán triệt Nghị quyết Trung ương 6, Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị nhằm giáo dục, xây dựng lập trường kiên định, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thông qua các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về đường lối của Đảng không ngừng được củng cố, làm chuyển biến nhận thức của các tầng lớp nhân dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Đảng bộ đã tổ chức các lớp tập huấn về lãnh đạo, quản lý kinh tế, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận, trình độ văn hóa. Bằng

nhiều hình thức và biện pháp giáo dục, đội ngũ cán bộ chủ chốt về cơ bản được nâng cao năng lực chiến đấu và năng lực lãnh đạo.

Cùng với công tác đào tạo cán bộ, công tác chi bộ, công tác kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng được tiến hành thường xuyên. Thông qua các hoạt động kiểm tra, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ cũng như ý thức kỷ luật được nâng lên. Kết quả là 4 chi bộ đạt vững mạnh, khai trừ và xóa tên khỏi Đảng 6 đồng chí. Đảng bộ xã Bản Ngoại khóa XV (nhiệm kỳ 1982-1986) có tổng số 127 đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tiến bộ. Tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vững vàng, tổ chức được kiện toàn góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ trong giai đoạn tiếp theo.

Có thể nhận thấy những năm 1980-1985, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn do nằm trong bối cảnh kinh tế đất nước khủng hoảng nhưng Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại luôn đoàn kết một lòng vượt qua những khó khăn, thử thách để thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra, hoàn thành các kế hoạch huyệen giao.

Bên cạnh những thành tựu đạt được từ năm 1981-1985, xã Bản Ngoại còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn nhất định: Bộ máy quản lý công kênh, hoạt động thiếu hiệu quả. Một số bất cập trong xã hội nảy sinh, sản phẩm tồn

động ngày một nhiều, tiêu cực trong bộ máy quản lý hợp tác xã vẫn tồn tại. Hoạt động xã hội còn mang tính bao cấp, sức sáng tạo và tinh thần làm chủ của xã viên bị hạn chế. Những tồn tại trên cần được Đảng ủy và các cấp chính quyền nhận thức rõ để tiếp tục hoàn thiện trong công tác chỉ đạo sau này.

Vượt qua những khó khăn về cơ chế quản lý, khó khăn trong điều kiện sản xuất, trong cơ chế giá - lương - tiền, Đảng bộ xã Bản Ngoại đã nỗ lực vận dụng một cách chủ động các chủ trương, nghị quyết của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương, lãnh đạo nhân dân từng bước hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa đã đề ra. Những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 1975-1985 về sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Bản Ngoại là một quá trình tích lũy kinh nghiệm, là quá trình khắc phục tư duy cũ trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chính từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Chặng đường 10 năm phấn đấu đầy gian nan, thử thách nhưng cũng rất đổi tự hào để Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là: cần phải cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế sát với những yêu cầu và khả năng của nhân dân trong từng chặng đường; phải luôn giữ gìn và phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và sự đồng thuận trong nhân

dân; xây dựng, củng cố tổ chức Đảng thành một khối thống nhất về tư tưởng và hành động, tạo niềm tin của quần chúng vào Đảng. Từ đó phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đưa đường lối, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Mười năm sau ngày đất nước thống nhất, khắc phục những khó khăn chung của một nước nghèo vừa ra khỏi chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại phát huy cao độ truyền thống anh hùng cách mạng, tinh thần yêu quê hương, đất nước, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Chương V

XÃ BẢN NGOẠI CÙNG CẢ NƯỚC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986-2010)

I. ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1986-1995)

Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại đã cùng nhân dân cả nước bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với ý chí tự lực, tự cường, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, nhân dân xã Bản Ngoại đã vươn lên khắc phục mọi khó khăn sau chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục kinh tế. Các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội được duy trì và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, bước sang những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp không còn phù hợp với những biến đổi của tình hình kinh tế, đã trở thành lực cản trên con đường phát triển của đất nước. Ở nông thôn nói chung và địa bàn xã Bản Ngoại nói riêng, Khoán 100 đã bộc lộ nhiều nhược điểm, dẫn đến tình trạng

xã viên bỏ ruộng khoán ngày càng nhiều, việc nợ đọng sản phẩm diễn ra, giá cả trên thị trường tăng nhanh và cao hơn so với giá Nhà nước quy định. Thêm vào đó, do ảnh hưởng của thời tiết, mưa lụt kéo dài (tháng 9-1985), giá cả leo thang khiến đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nảy sinh tâm lý tiêu cực.

Ngày 7-9-1986, xã tiến hành Đại hội Đảng bộ khóa XVI (nhiệm kỳ 1986-1988). Trên tinh thần xây dựng và thẳng thắn, Đại hội đã phân tích đúng đắn những khó khăn, thuận lợi của Đảng bộ, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo.

Đại hội bầu 13 đồng chí vào Ban Chấp hành, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 4 đồng chí. Đồng chí Triệu Văn Hưng được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Đình Trang¹ là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Tạ Đăng Cát là Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Trần Xuân Độ là Thường vụ, được phân công làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và đánh giá đúng sự thật, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tiến hành kiểm điểm sâu sắc tình hình phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước

1. Tháng 5-1987, đồng chí Trần Xuân Độ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay cho đồng chí Phạm Đình Trang.

sau hơn 10 năm thống nhất, đồng thời khẳng định những thành tựu đã đạt được trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, khó khăn, phải trải qua nhiều chặng đường và hiện chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên. Có thể nói, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã thể hiện bước đột phá mới về cả tư duy và thực tiễn của Đảng ta, mở ra thời kỳ phát triển mới trong tiến trình phát triển chung của đất nước. Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã từng bước đi vào cuộc sống, phát huy tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong những năm tiếp theo.

Trên tinh thần đổi mới toàn diện đất nước, Đảng bộ xã Bản Ngoại đã chủ động triển khai công cuộc đổi mới đến toàn thể nhân dân trong xã, bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tích cực tháo gỡ khó khăn, từng bước đưa địa phương thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đồng thời, Đảng bộ chỉ đạo đề ra các giải pháp đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tập trung mọi nguồn lực nhằm thực hiện thành công ba chương trình kinh tế: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tiếp tục đổi mới cơ chế khoán theo Chỉ thị 100-CT/TW trong nông nghiệp, ổn định quy mô hợp tác xã và tổ chức lại sản xuất cho phù hợp, chú trọng giống cây trồng thích hợp, củng cố các đội chuyên thủy lợi, bảo vệ thực vật, thú y... ưu tiên đầu tư vốn cho sản xuất nông nghiệp.

Từ những khó khăn bước đầu trong thực hiện công cuộc đổi mới, Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ xã nêu rõ: Bản Ngoại coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, mọi phong trào cơ bản được giữ vững, ổn định đời sống nhân dân, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Đảng bộ xã đã chỉ đạo phát động phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, dựa vào tiềm năng sẵn có về đất đai và nguồn lao động dồi dào của địa phương, tập trung dứt điểm từng khâu công việc. Động viên nhân dân khắc phục hậu quả của thiên tai, phát huy tính tích cực trong lao động, tự lực, tự cường, chủ động vượt qua mọi khó khăn về đời sống kinh tế, vật tư hàng hóa giành thắng lợi lớn trong sản xuất nông nghiệp.

Tháng 4-1987, 3 hợp tác xã đã tiến hành Đại hội. Sau khi nghe đánh giá về những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại của các hợp tác xã, đồng thời đề ra những mục tiêu, biện pháp thúc đẩy sản xuất. Đại hội đã thống nhất và đi đến quyết định về việc bầu các chủ nhiệm hợp tác xã: hợp tác xã Trung Phú do đồng chí Mai Trọng Tuyển làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Thanh Giang do đồng chí Nguyễn Hữu Thụ làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Đình Thanh do đồng chí Trịnh Quang Đàm làm Chủ nhiệm.

Tuy nhiên, thời gian này việc thực hiện khoán 100 ở xã Bản Ngoại tiếp tục bộc lộ những khó khăn: cơ chế quản lý hợp tác xã còn bất hợp lý, bộ máy quản lý cồng kềnh, kém hiệu quả; sản xuất tăng chậm, bình quân lương thực đầu người giảm sút. Xuất phát từ thực tiễn đó, để khắc phục

những hạn chế của Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW “Về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp” (gọi tắt là Khoán 10), giao ruộng đất lâu dài cho bà con xã viên. Nghị quyết chỉ rõ: trong nhiều năm nông nghiệp phát triển chậm, nhiều vùng chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, chia cắt và sản xuất độc canh. Từ đó, nghị quyết nhấn mạnh chủ trương đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, giải phóng sức sản xuất, chuyển mạnh nền sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa kết hợp với kinh doanh tổng hợp, giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, thực phẩm, tăng thêm nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Tỉnh ủy Bắc Thái chọn Đại Từ chỉ đạo thí điểm Khoán 10. Bước vào thực hiện Khoán 10 theo chủ trương của Nhà nước, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại có những thuận lợi và khó khăn sau:

Về thuận lợi: sau một thời gian thực hiện, cơ chế Khoán 100 bộc lộ nhiều hạn chế nên khi Bộ Chính trị ra Khoán 10 phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên được xã viên nhiệt tình ủng hộ. Được sự quan tâm sâu sát của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và các ngành liên quan của huyện, xã Bản Ngoại tổ chức các kỳ họp, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 10-NQ/TW đến toàn thể nhân dân và nhận được sự hưởng ứng nhiệt liệt. Sự đồng thuận này là yếu tố tích cực để Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại bắt tay vào thực hiện Khoán 10.

Về khó khăn: Xã Bản Ngoại có địa hình không bằng phẳng, kinh phí phục vụ cho sản xuất còn thiếu thốn do sản phẩm còn tồn đọng trong xã viên quá lớn, năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ xã còn hạn chế.

Phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, quán triệt Nghị quyết số 10-NQ/TW, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại đã tiến hành đưa Nghị quyết số 10 vào cuộc sống. Sau học tập Nghị quyết số 10, Đảng bộ và nhân dân xã hết sức tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và chính quyền đã lãnh đạo hợp tác xã giao ruộng đất lâu dài cho nông dân, trâu bò được giao cho các hộ xã viên lấy sức kéo, diện tích đồi cũng được giao cho các hộ gia đình trồng cây chè và trồng cây lấy gỗ theo chương trình PAM... những biện pháp này đã tạo ra một đợt thi đua sản xuất sôi nổi đẩy lên trong toàn xã.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII và để thực hiện thắng lợi Khoán 10 của Đảng và Chính phủ, Ban quản lý hợp tác xã xác định lại phương hướng sản xuất, bố trí sản xuất, bố trí lại cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện đất đai, điều kiện canh tác của từng đội sản xuất, đưa giống mới vào gieo cấy nhằm đem lại năng suất cao như giống CR203, bao thái lùn, mộc tuyền... nhờ những biện pháp đồng bộ mà năng suất và mức ăn của xã viên ở 3 hợp tác xã không ngừng tăng. Năm 1986, mức ăn hợp tác xã Trung Phú đạt 15 kg/người/tháng, hợp tác xã Thanh Giang là 13 kg/người/tháng, hợp tác xã Đinh Thanh là 14,5 kg/người/tháng/ Đến cuối năm 1989, mức ăn bình quân đầu người đạt 19,6 kg/tháng, tổng sản

lượng lương thực đạt được 1.144,27 tấn, tổng diện tích canh tác hàng năm đạt 356ha, trong đó diện tích cây màu vụ đông đã được duy trì từ 70ha trở lên.

Bên cạnh việc đầu tư cho nông nghiệp, Đảng bộ xã cũng hết sức quan tâm đến các ngành nghề thủ công nghiệp và dịch vụ. Tuy có nhiều khó khăn về nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng cán bộ và xã viên đã phát huy được nguồn lao động sẵn có ở địa phương, triển khai những nghề truyền thống như làm gạch, ngói... Cuối năm 1988, hợp tác xã Thanh Giang còn duy trì 1 lò ngói, hàng năm cho ra lò 2 vạn viên, 1 lò gạch hàng năm cho 20 vạn viên.

Công tác tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống cơ sở vật chất như thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, giao thông liên thôn, liên xã, giao thông nội đồng phục vụ cơ giới hóa, xây dựng các công trình công cộng cũng được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các hợp tác xã quan tâm, các đập, vai chứa nước được tu bổ, các mương máng phục vụ cho sản xuất. Đặc biệt là con đập chứa nước Vực Giang do bị lũ quét năm 1978 đã bị phá hủy hoàn toàn. Tháng 2-1990, được sự hỗ trợ của Sở Thủy lợi tỉnh Bắc Thái, đập đã được xây dựng kiên cố với trị giá 137 triệu đồng và được sử dụng cho đến ngày nay (với thiết kế ban đầu của đập chính).

Diện tích chè của xã cũng có nhiều thay đổi, diện tích đồi chè và đồi cây trong chương trình PAM được thanh lý cho các hợp tác xã và được giao cho các hộ gia đình

quản lý. Trong đó có 9,58ha rừng phân tán, 73,39ha rừng tập trung.

Trong chăn nuôi, xã Bản Ngoại chú trọng phát triển chăn nuôi gia đình, giữ vững đàn gia súc lớn, khuyến khích hộ gia đình xã viên mua thêm nhiều trâu bò, tăng thêm nguồn sức kéo cho tập thể, có chế độ khuyến khích công điểm. Ủy ban nhân dân xã có hướng dẫn cụ thể để hợp tác xã tín dụng cho nhân dân vay tiền để phát triển chăn nuôi. Đến cuối năm 1989, đàn trâu cả xã có gần 650 con, đàn lợn hơn 2.000 con, trong đó có khoảng trên 100 con lợn nái, đàn gia cầm có trên 10.000 con.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế, công tác giáo dục, y tế cũng được sự chỉ đạo của Đảng ủy. Mặc dù giai đoạn này, xã còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất, nhà trường chủ yếu được làm bằng nứa lá, ngân sách đầu tư cho trường lớp còn hạn hẹp nhưng được sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền, hợp tác xã và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại, tạo mọi điều kiện cho các thầy cô yên tâm giảng dạy. Bên cạnh đó, động viên con em trong xã hàng năm đến trường đầy đủ. Từ năm 1986-1990, các thầy cô giữ chức Hiệu trưởng trường cấp I, II là thầy Triệu Sơn, Phạm Văn Sứng, Nguyễn Văn Kim. Ngày 1-9-1990, trường mẫu giáo xã được đổi tên thành Trường Mầm non xã Bản Ngoại do cô Triệu Thị Liên làm Hiệu trưởng. Tháng 9-1986, trường cấp I, II có tổng số học sinh là 1.244 em, đến tháng 9-1990, trường cấp I, II có 1.021 em, tổng số học sinh giảm do kết quả của quá trình vận động sinh đẻ có kế hoạch. Tỷ lệ lên lớp và thi hết cấp đạt từ 90-95%,

trường có 56 thầy cô. Hệ thống trường mầm non, tháng 9-1986 có 21 lớp với tổng số 414 cháu và 25 cô, tỷ lệ vào lớp 1 hàng năm đạt từ 85-90%. Trong giai đoạn từ năm 1986-1990, các trường chung Ban Giám hiệu gọi là Trường Cấp I, II xã Bản Ngoại.

Công tác y tế, từ năm 1986-1990, đội ngũ cán bộ y tế của xã được chú trọng hơn, Trạm trường là ông Chu Văn Sinh. Hàng năm, được sự quan tâm của Phòng Y tế huyện, xã thường xuyên làm tốt công tác phòng bệnh, chữa bệnh thông thường cho nhân dân. Nhờ những biện pháp tích cực mà trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra. Bên cạnh đó, xã làm tốt phong trào 3 dứt điểm, tiêm phòng 6 loại bệnh cho trẻ theo đúng độ tuổi đạt 80%.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình luôn được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo. Xã đã thành lập Ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là Trưởng ban. Các thành viên là trưởng các ngành, tổ chức quần chúng có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân, những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai, vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ không sinh con thứ 3.

Công tác quốc phòng - an ninh thường xuyên được củng cố, quán triệt Nghị quyết số 7-NQ/TW, ngày 30-11-1987 của Bộ Chính trị “Về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới”, chấp hành pháp lệnh dân quân tự vệ, dự bị động, viên công tác an ninh chính trị - trật tự an

toàn xã hội có sự đổi mới. Ban Chỉ huy xã hội hàng năm tổ chức rà soát công dân trong độ tuổi sẵn sàng tổ chức khám tuyển và gọi công dân nhập ngũ.

Công tác xây dựng dân quân tự vệ: Lực lượng dân quân tự vệ có 246 người (bằng 3,5% dân số), được chia thành 2 bộ phận. Trong đó, 123 người được biên chế lực lượng chiến đấu và 123 người trong lực lượng nông cốt, biên chế gồm 1 đại đội, 3 trung đội, 9 tiểu đội, 27 tổ (trong đó có 1 trung đội cơ động, 1 tiểu đội trinh sát, 1 tiểu đội bắn máy bay tầm thấp, 1 tiểu đội cứu thương, 1 tổ công binh, 1 tổ thông tin và 7 tiểu đội chiến đấu tại chỗ). Hàng năm, tổ chức huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu tốt, vũ khí được trang bị gồm 7 khẩu súng k44, 175 viên đạn.

Công tác đăng ký và quản lý nguồn dự bị động viên hàng năm được Ban Chỉ huy quân sự xã làm tốt với tổng số 390 người.

Mạng lưới công an viên đi vào hoạt động nề nếp, thường xuyên duy trì quản lý đối tượng, nắm tình hình. Những sự việc xảy ra trong xã được giải quyết, phối hợp với công an huyện làm tốt công tác chống tiêu cực, ngăn ngừa kịp thời những hành vi phạm pháp, gây rối trật tự ở địa phương... Với phương thức làm việc tích cực, hợp lý, công an xã được huyện công nhận là đơn vị tiên tiến. Đảng ủy và chính quyền địa phương thường xuyên chăm lo, củng cố, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng như: Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận, Nông dân.

Công tác xây dựng Đảng cũng có nhiều chuyển biến. Mặc dù những năm 1986-1990, nằm trong tình hình chung của cả nước, xã Bản Ngoại cũng gặp nhiều khó khăn. Thực hiện Nghị quyết số 4 và Thông tri số 11 của Ban Bí thư Trung ương, ngày 23-11-1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Kế hoạch số 74-KH/BTV về triển khai thực hiện Nghị quyết số 4 về cuộc vận động xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, làm lành mạnh các quan hệ sản xuất. Đồng thời, coi cuộc vận động là cuộc đấu tranh gay go, rất quyết liệt, có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ. Đảng bộ xã Bản Ngoại khóa XVI (nhiệm kỳ 1986-1989) có 133 đảng viên.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 1989, xã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII (nhiệm kỳ 1989-1992). Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 13 đồng chí, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 4 đồng chí. Đồng chí Triệu Văn Hưng là Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lương Xuân Hỷ là Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Mai Trọng Tuyển là Ủy viên Thường vụ, được giới thiệu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Nguyễn Hữu Thụ là Ủy viên Thường vụ.

Ngày 22-8-1989, Ban kinh tế Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Khoán 10 và Nghị quyết số 5 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Hội nghị đã nghe báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của huyện nói chung và việc thực hiện khoán 10 trong nông nghiệp nói riêng. Theo đó, công tác khoán đã thực hiện ở các xã của huyện đạt 100%.

Cuối năm 1989, huyện Đại Từ tổ chức cuộc hội thảo với sự tham dự của đại biểu các huyện, thành thuộc tỉnh Bắc Thái. Hội thảo đã tổng kết 2 năm thực hiện Khoán 10 tại Đại Từ. Sau khi đánh giá về những kết quả đã đạt được và những tồn tại hạn chế, hội nghị rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện

Căn cứ vào Quyết định số 100 của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 17-8-1990 về việc thành lập trưởng xóm ở các xã. Lúc này, xã Bản Ngoại có 16 xóm là các xóm: Lê Lợi, Khâu Giang, Quang Trung, Khâu Giáo, Đàm Mua, Đồng Ngõ, Phú Hạ, Đồng Ninh, Rừng Lâm, La Dạ, Xóm Phố, Ninh Giang, Rừng Vằn, Cao Khản, Đàm Bàng, La Mận. Các xóm này dưới sự lãnh đạo của 14 chi bộ cơ sở.

Cũng trong thời gian này, trại nhân giống của tỉnh đặt tại xã Bản Ngoại cũng có quyết định giải thể. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ huyện Đại Từ, Đảng bộ xã đã tiếp nhận một phần cơ sở vật chất của trại như 23 hộ gia đình, 102 nhân khẩu có nguyện vọng ở lại sinh sống tại địa phương và toàn bộ đất đai nông nghiệp, đất đầm hồ ao, đất xây dựng cơ bản của trại.

Năm 1992, xã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII (1992-1994). Đại hội đã bầu đồng chí Triệu Văn Hưng làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Mai Trọng Tuyển làm Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Lương Xuân Hỷ là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.

Năm 1994, xã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 1994-1995). Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Hưng làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Mai Trọng Tuyển là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Trong những năm 1990-1995, Đảng bộ xã Bản Ngoại thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo giữ vững phong trào hợp tác xã do vậy nông nghiệp của xã có nhiều chuyển biến tốt. Quán triệt nghị quyết Trung ương 5 về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn mới và định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp. Đảng bộ xã Bản Ngoại xác định rõ địa phương là một xã thuần nông nên Đảng bộ xã căn cứ vào từng hoàn cảnh cụ thể ra nghị quyết phát triển nông nghiệp cho phù hợp. Từ sau khoán 10, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch, ruộng đất được giao khoán ổn định đến từng hộ gia đình, đây là nguồn động viên lớn đối với người lao động. Năm 1990, tổng diện tích cây lúa là 378,08ha, cây màu 50ha, tổng sản lượng màu quy ra thóc là 1.439,43 tấn, bình quân lương thực là 19,6 kg/người/tháng. Đến năm 1995, tổng diện tích lúa của xã là 378,84ha, năng suất đạt 32 tạ/ha, tổng diện tích cây màu diện tích là 123,54ha, năng suất đạt 54,3 tạ/ha, tổng sản lượng màu quy ra thóc là 2.140,1 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 27 kg/tháng.

Bên cạnh phát triển trồng trọt, chăn nuôi cũng được đầu tư. Năm 1995, đàn gà, vịt có trên 10.000 con, đàn lợn có 2.900 con, đàn trâu có 710 con.

Các ngành nghề khác của các hợp tác xã sau Khoán 10 ngừng hoạt động. Đồi chè năm 1990 thanh lý cho các hộ gia đình, có hộ duy trì trồng chè, có hộ trồng cây keo, bạch đàn theo chương trình PAM.

Về chương trình điện khí hóa nông thôn, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVIII đã đề ra, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân huyện và sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân địa phương, Đảng bộ xã đã ra nghị quyết quy hoạch khu dân cư, chủ yếu xây dựng khu thị tứ Ba Giăng, sau đó xây dựng ở khu dân cư ngã ba xóm Khâu Giang và khu dân cư ngã ba xóm Phú Hạ đường đi La Bằng. Đồng thời, xã làm thủ tục trình lên huyện xin hạ thế 1 trạm điện tại xóm Lê Lợi và xây dựng mạng lưới điện nông thôn. Tháng 9-1993, công trình hạ thế điện được khởi công, cuối năm 1993 đầu năm 1994, xã đã hoàn thành công trình, đến cuối năm 1995, xã có 85% số hộ gia đình được sử dụng mạng lưới điện Quốc gia.

Công tác giáo dục được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể chú trọng. Năm 1992, số học sinh cấp II được chuyển về trường Phổ thông Trung học Kỹ thuật Đại Từ (xóm Phú Hạ), với tổng số học sinh là 308 em. Đến tháng 8-1994, số học sinh của trường cấp III huyện chuyển về trường cấp III Đại Từ, đến tháng 9-1994, trường chính thức được mang tên trường Trung học cơ sở xã Bản Ngoại. Năm học 1994-1995, trường có tổng số học sinh là 308 em, trong có 3 lớp 6, 3 lớp 7, 2 lớp 8 và 2 lớp 9. Hiệu trưởng là thầy Hoàng Bi, kết thúc năm học 1994-1995, tỷ lệ lên lớp đạt 96%. Trường tiểu học có tổng

số học sinh là hơn 1.000 em, năm học 1993-1994, cô Nguyễn Thị Phương Oanh là Hiệu trưởng, tỷ lệ lên lớp luôn đạt 95%, hàng năm trường luôn đạt danh hiệu Trường tiên tiến.

Bên cạnh công tác giáo dục, công tác y tế có nhiều tiến bộ. Năm 1994, trạm y tế được chuyển đến xóm Ba Giăng, đến năm 1996, do quỹ đất đai không đủ để xây dựng trạm y tế nên trạm lại được chuyển lên xóm Khâu Giang. Tuy có sự chuyển dịch nhiều nơi nhưng được sự quan tâm của Đảng ủy, trạm thường xuyên có 4 cán bộ y tế, trong đó có 2 y sỹ luôn thường trực, đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Hàng năm, trạm y tế tổ chức các đợt tiêm phòng cho trẻ em theo đúng quy định của cấp trên.

Thực hiện chủ trương về kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước, được sự quan tâm của Đảng bộ và được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong xã. Đặc biệt, vai trò của phụ nữ và những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Do vậy, đã góp phần làm giảm tỷ lệ sinh con tự nhiên rõ rệt. Trong khoảng những năm 1988-1989, tỷ lệ sinh tự nhiên có năm là 100 cháu, đến năm 1995 chỉ còn dưới 75 cháu.

Công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện tốt, các chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng kịp thời đến với nhân dân, tuyên truyền giáo dục xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Động viên phong trào thi đua lao động, sản xuất xây dựng quê hương, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương, xây dựng nếp sống

văn hóa mới, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện tiêu cực, lạc hậu trong nhân dân, bài trừ mê tín dị đoan.

Hàng năm, việc thực hiện chính sách xã hội được Đảng bộ và chính quyền kết hợp với các ban ngành, đoàn thể quần chúng làm tốt công tác thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào những ngày lễ tết, làm tốt công tác chính sách đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ.

Mặt trận Tổ quốc là lực lượng nòng cốt trong vận động nhân dân xây dựng Đảng, chính quyền các cấp, giúp nhau làm kinh tế gia đình, vận động nhân dân tham gia phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm lo đối tượng chính sách, xây dựng nông thôn mới.

Đoàn Thanh niên, các chi đoàn cơ sở luôn bám sát nhiệm vụ chính trị địa phương. Trong những năm 1992-1995, hoạt động của Đoàn phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng. Với phong trào “thanh niên xung kích”, Đoàn đã vận động đoàn viên, thanh niên tham gia xây dựng Đảng, giới thiệu những đoàn viên ưu tú vào Đảng, mở các lớp tập huấn khoa học - kỹ thuật, ủng hộ thanh thiếu niên Cu-ba... Nhờ đó, công tác Đoàn được nâng cao về chất lượng, năng lực chiến đấu của đoàn viên, được đoàn cấp trên đánh giá là cơ sở đoàn vững mạnh.

Hội Phụ nữ đã trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện nếp sống văn hóa mới, tích cực tuyên truyền vận động chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, chống tình trạng suy dinh dưỡng của

trẻ em, thực hiện quyền bình đẳng giới. Hội nông dân đã làm tốt công tác tuyên truyền hội viên tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, là lực lượng đi đầu trong phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện thâm canh tăng vụ, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, phát triển chăn nuôi. Tháng 1-1991, Hội Cựu chiến binh xã được thành lập, đồng chí Tạ Đăng Cát là Chủ tịch lâm thời. Đến tháng 4-1991, Đại hội lần thứ nhất của Hội được tiến hành, đồng chí Tạ Đăng Cát là Chủ tịch. Hội Cựu chiến binh đã dần dần ổn định tổ chức, tuy mới thành lập nhưng thu hút đông đảo hội viên tham gia, hoạt động của Hội tại địa phương đã góp phần cho sự phát triển chung của xã.

Công tác quốc phòng - an ninh cũng được Đảng ủy chú trọng. Năm 1994, do tình hình an ninh trật tự ngày càng phức tạp, các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc có chiều hướng gia tăng. Được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã quyết định tăng cường đội ngũ công an viên cơ sở ở 16 xóm do trưởng xóm kiêm công an viên. Do vậy công tác an ninh thôn xóm ngày càng được củng cố, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa phương.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể từ năm 1990-1995, công tác nắm quân, tuyển quân được đảm bảo, với tổng số là 119 đồng chí lên đường nhập ngũ. Công tác tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được chú trọng tốt hơn. Năm 1995 lực lượng dân quân tự vệ theo pháp lệnh chỉ

được xây dựng 1,2% so với tổng dân số, trong đó lực lượng nòng cốt là 92 đồng chí, biên chế lực lượng chiến đấu 1 trung đội cơ động gồm 28 đồng chí, 1 tổ trinh sát gồm 3 đồng chí, 1 tổ cứu thương gồm 3 đồng chí, 1 tổ thông tin gồm 3 đồng chí, 1 tổ công binh là 3 đồng chí và 4 tiểu đội chiến đấu tại chỗ là 44 đồng chí. Vũ khí được trang bị gồm 7 khẩu súng K63 và 175 viên đạn, hàng năm Ban Chỉ huy xã đội được tổ chức huấn luyện theo chương trình đạt kết quả tốt. Bên cạnh công tác huấn luyện hàng năm, từ năm 1989 đến 1995 xã đều tổ chức diễn tập quân sự, kết hợp làm kinh tế, làm đường giao thông nông thôn.

Như vậy, cùng với sự đổi mới, phát triển về kinh tế, sự nghiệp văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh cũng từng bước được đổi mới và có những tiến bộ vượt bậc, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Mặc dù còn có mặt yếu trong quá trình thực hiện, song những kết quả đã đạt được trên các lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để xã Bản Ngoại ổn định tình hình tiếp tục đi lên trong giai đoạn tiếp theo.

Trong thời gian này, tình hình đất nước nói chung có những diễn biến hết sức phức tạp. Kẻ địch bên ngoài không ngừng tuyên truyền về sự “sụp đổ” của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, tuyên truyền về “đa nguyên đa đảng” để từng bước làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng và niềm tin của quần chúng nhân dân. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội thì mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động rất lớn tới tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Điều này gây ảnh hưởng đến công tác

xây dựng Đảng của Đảng bộ xã, do đó, công tác tư tưởng, chính trị luôn được Đảng bộ hết sức quan tâm và có nhiều biện pháp chỉ đạo thực hiện.

Đảng bộ xã thường xuyên tổ chức các đợt học tập, sinh hoạt chính trị nhằm đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Tỉnh ủy, Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị và truyền thống cách mạng với các hình thức thiết thực, hiệu quả. Các kênh thông tin như báo Đảng, bản tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Huyện ủy phục vụ các đợt sinh hoạt của chi bộ được phát đến từng chi bộ, cán bộ, đảng viên. Hệ thống đài truyền thanh xã được nâng cấp, công tác tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Thông qua các đợt sinh hoạt chi bộ, học tập nghị quyết của Đảng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn những thành tựu, khó khăn, thời cơ và thách thức, khơi dậy truyền thống cách mạng đoàn kết, tự lực, tự cường. Phát huy tốt nguyên tắc “tập trung dân chủ” trong Đảng, trong dân, đẩy mạnh công tác “tự phê bình và phê bình”. Qua đó, các cán bộ, đảng viên cần ý thức được việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức và ý chí của mình trong tình hình cách mạng mới.

Công tác xây dựng và phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến. Công tác tự đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ III (ngày 29-6-1992) của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII mà trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được Đảng bộ xem là công tác trọng tâm. Thực hiện Chỉ thị số 59-

CT/TW của Trung ương về nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đảng viên. Qua tiến hành phân loại đảng viên đã phát huy được tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên một bước. Qua đó, sinh hoạt của tổ chức Đảng và các tổ chức thuộc hệ thống chính trị của Đảng được nâng lên một bước. Đồng thời, khẳng định sức mạnh của Đảng bộ qua từng thời kỳ. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng được tăng cường, khắc phục được những hạn chế trước đây, các cấp ủy Đảng đã từng bước thực hiện tốt nguyên tắc *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”*, phát huy quyền chủ động, sáng tạo của cấp ủy cơ sở và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế hàng hóa. Chất lượng đảng viên được nâng cao. Đảng bộ xã Bản Ngoại khóa XVIII (nhiệm kỳ 1992-1994) có 135 đảng viên đến khóa XIX (nhiệm kỳ 1994-1995) có 132 đảng viên.

Như vậy, bằng sự nỗ lực và sự đoàn kết của toàn thể Đảng bộ và nhân dân, xã Bản Ngoại đã ra sức phấn đấu thi đua xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo giữ vững an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị.

Sau gần 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-1995) do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại đã nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, vươn lên phát triển kinh tế, hoàn thành thắng lợi kế

hoạch các năm đã đề ra. Đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, bước đầu phát huy hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp có bước tăng trưởng khá. Nền kinh tế nhiều thành phần đã và đang được khuyến khích phát triển. Trong xây dựng cơ bản đã huy động được sức lao động, đóng góp của nhân dân và tranh thủ sự hỗ trợ của các cấp, các ngành đầu tư cho các công trình phúc lợi. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và xã hội. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã tạo ra những điều kiện cần thiết giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường lành mạnh cho Đảng bộ, nhân dân trong xã xây dựng quê hương trong điều kiện mới. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân có nhiều tiến bộ quan trọng, trình độ, phẩm chất của đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng cao.

Bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại còn gặp phải những khó khăn và thử thách không nhỏ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Từ những thành tích đã đạt được cùng những bài học kinh nghiệm rút ra qua thực tiễn 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới đã và đang tạo nên thế và lực giúp Đảng ủy, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và nhân dân toàn xã quyết tâm giành thắng lợi lớn trong giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn cùng cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996-2010)

1. Bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không ngừng phát triển kinh tế - xã hội (1996-2000)

Ngày 31-12-1995, xã Bản Ngoại đã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XX (nhiệm kỳ 1996-2000). Đại hội tổng kết những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ trước, đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 13 đồng chí, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Triệu Minh Khoa được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Triệu Văn Hưng làm Phó Bí thư, được phân công phụ trách công tác chính quyền, đồng chí Nguyễn Văn Quý là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Vũ Quang Thông, Nguyễn Kim là Ủy viên Thường vụ.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XX, Đảng ủy tích cực lãnh đạo nhân dân thực hiện những mục tiêu đã đề ra và thu được nhiều kết quả trên các lĩnh vực.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ luôn bám sát chỉ tiêu nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã đề ra, lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các chỉ tiêu kinh tế về cả diện tích và năng suất. Vụ chiêm năm 1996, tổng diện tích gieo trồng là 711ha, năng suất bình quân lương thực hàng năm là 28 tạ/ha, bình quân lương thực đạt 27 kg/người/tháng.

Năm 2000, tổng sản lượng lương thực là 3.396,8 tấn, năng suất đạt 41,2 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 40 kg/tháng (tính cả màu quy ra thóc).

Trong 5 năm (1996-2000), sản xuất trồng trọt luôn phát triển, thường xuyên áp dụng cơ cấu mùa vụ trên toàn địa bàn xã, đưa giống cây con có năng suất cao vào sản xuất, năng suất và bình quân lương thực đầu người năm sau cao hơn năm trước, đã đáp ứng được một phần nhu cầu lương thực của nhân dân. Hàng năm, Đảng bộ đã tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, đề ra phương hướng sát thực, phù hợp cho những năm tiếp theo, luôn phấn đấu hoàn thành kế hoạch vụ đông với diện tích là 120ha, chủ yếu là trồng ngô, khoai tây, khoai lang.

Cây chè được chú trọng phát triển, năm 1996, xã có diện tích là 31,5ha, đến năm 2000 có 41,5ha chè đang độ thu hái, năng suất đạt từ 30 - 35 tạ/ha, sản lượng hàng năm từ 1.300-1.400 tấn. Đối với cây ăn quả, trong những năm 1996-2000, xã có 12ha và trồng mới được 5ha là vải, nhãn, hồng... chủ yếu là hộ gia đình, đã cho thu hoạch, góp phần tăng thêm thu nhập cho người nông dân.

Trong chăn nuôi, mô hình V.A.C.R phát triển tương đối tốt. Những năm gần đây, trong đã xuất hiện nhiều gia đình làm kinh tế theo mô hình V.A.C.R giỏi, chăn nuôi gà, lợn, nuôi thả cá và trồng các loại cây ăn quả đã trở thành phong trào. Đây là một nguồn thu nhập đáng kể, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Tháng 6-2000, tổng đàn trâu, bò của xã có 750 con,

đàn lợn có khoảng 3.000 con(trong đó có 200 con lợn nái), đàn gia cầm có 30.000 con.

Hàng năm, xã làm tốt công tác tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo sự chỉ đạo của cấp trên. Do vậy, trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn nào xảy ra.

Sản xuất lương thực, chăn nuôi và trồng trọt, đặc biệt là cây chè đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Có những kết quả đó là nhờ Đảng ủy đã tích cực chỉ đạo đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là việc quán triệt lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và Nghị quyết số 02 của Huyện ủy năm 1997, mùa vụ đã chuyển dịch theo hướng tích cực và diện tích cây trồng hàng năm đều tăng.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ đã chỉ đạo làm tốt công tác giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình. Diện tích rừng của địa phương chủ yếu là rừng trồng khi thực hiện chương trình PAM, với tổng diện tích là 82ha, chủ yếu là bạch đàn, cây keo. Ủy ban nhân dân đã phối hợp với Ban kiểm lâm giao rừng cho các hộ chăm sóc và bảo vệ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã chưa được quan tâm, chưa có biện pháp khuyến khích phát triển sản xuất như sản xuất vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng, chưa có mô hình và cơ sở nào phát triển.

Công tác quản lý, sử dụng điện về cơ bản đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của nhân dân trong địa phương. Song công tác quản lý làm chưa tốt, hệ thống

dây tải điện qua nhiều năm sử dụng xuống cấp nghiêm trọng gây nên tổn thất điện lớn, dẫn đến giá điện tăng, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân.

Trong thương nghiệp dịch vụ, do tác động của cơ chế thị trường, thương nghiệp dịch vụ của xã có bước phát triển. Thông qua hoạt động này, một lượng hàng hóa đã được lưu thông trong địa phương, góp phần làm giảm khó khăn trong giao lưu kinh tế, tạo cho kinh tế địa phương phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

Công tác tài chính, tín dụng được Đảng ủy quan tâm, thu chi ngân sách thực hiện theo đúng quy định, hàng năm đạt 8-10%. Chi ngân sách luôn đảm bảo đúng quy tắc, góp phần ổn định các hoạt động của địa phương. Hàng năm, xã đã phối hợp với các cơ quan ngân hàng và các tổ chức giải quyết tốt việc cho nhân dân vay và trả vốn vay ngân hàng thông qua các chương trình dự án và vay ngắn hạn. Việc này đã có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Về giao thông thủy lợi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, giao thông được chú trọng, chiến dịch làm đường liên thôn, liên xã kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, đã huy động được hàng chục nghìn ngày công. Đến năm 2000, những tuyến đường liên thôn, liên xã cơ bản đã được mở rộng đúng quy định, các cầu, cống thường xuyên được tu sửa, tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa tại địa phương thuận lợi.

Công tác thủy lợi đã được Đảng ủy chỉ đạo làm tốt. Đây là tiền đề cho việc phát triển kinh tế của địa phương, các tuyến mương chính và tuyến mương nội đồng thường xuyên được củng cố, tu sửa, đảm bảo cung cấp nước kịp thời cho việc sản xuất. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhiều tuyến kênh mương được xây dựng với tổng chiều dài là 5.000m, đồng thời xã cũng tiến hành xây dựng một số đập, kè chính với tổng giá trị 500 triệu đồng.

Công tác xây dựng cơ bản được Đảng ủy quan tâm thường xuyên. Địa phương đã xây dựng đủ phòng học cho 3 trường, không còn trường hợp học sinh phải học 3 ca. Riêng trường trung học cơ sở học 1 ca, các lớp khu lẻ đã được xây dựng tương đối ổn định đúng với quy định. Ngoài ra, được sự quan tâm của cấp trên, thực hiện chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, xã đã xây dựng được nhà cao tầng gồm 8 phòng học trường trung học cơ sở, xây dựng thêm 7 phòng làm việc của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể... đã đảm bảo tốt cho việc sinh hoạt và hoạt động trên địa bàn.

Công tác văn hóa, xã hội luôn được sự quan tâm của Đảng ủy. Chương trình thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học được Đảng ủy chú trọng. Để đảm bảo cho công tác dạy và học, Đảng ủy và chính quyền xã đã luôn coi trọng việc xây dựng cơ sở vật chất như trường tiểu học, trường trung học... Năm học 1999-2000, trường đã có học sinh giỏi và giáo viên giỏi cấp tỉnh. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên, trường tiểu học năm học 1994-1995,

tỷ lệ thi hết cấp đạt 95%, đến năm học 1999-2000, đạt 98%. Trường trung học cơ sở năm 1994-1995, thi tốt nghiệp đạt 85%, năm học 1999-2000, đạt 92%. Trường mầm non cũng được xây dựng với các lớp học cấp 4, đội ngũ giáo viên luôn được nâng cao trình độ, chất lượng giảng dạy đã có nhiều tiến bộ so với năm trước.

Công tác y tế, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đảm bảo. Trạm y tế xã luôn nhận được sự quan tâm của trung tâm y tế huyện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ bản đã đáp ứng được công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân như khám chữa bệnh thông thường, tiêm chủng định kỳ cho trẻ em. Hàng năm, trạm y tế phục vụ từ 1.000-1.500 lượt khám bệnh, thực hiện tốt công tác tiêm chủng vắc xin cho 3.440 lượt trẻ em và kiểm tra định kỳ trẻ em suy dinh dưỡng.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em cũng được thường xuyên quan tâm, Đảng ủy chỉ đạo Đoàn Thanh niên phối hợp với các trường tổ chức quản lý, giáo dục các cháu thông qua các chương trình hoạt động hè. Phối hợp với y tế làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em như tiêm chủng và uống vitamin theo định kỳ.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Ban Dân số làm tốt công tác dân số nên tỷ lệ sinh thô giảm nhiều so với những năm trước (tỷ lệ sinh thô từ 2,5% giảm xuống còn 1,7%), tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm, xã có 19 nhân viên y tế ở 19 thôn, xóm.

Các hoạt động văn hóa thông tin đã kịp thời phổ biến những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân. Triển khai quy chế dân chủ, hương ước, quy ước đến từng cơ sở xóm đạt kết quả 100%. Đến năm 2000, xã có 2/19 xóm đạt danh hiệu làng văn hóa cấp tỉnh và huyện, 2 cơ quan văn hóa cấp huyện, 40% hộ dân đạt gia đình văn hóa.

Công tác đoàn thể quần chúng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã là trung tâm khối đại đoàn kết toàn dân, phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ của mình, vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng. Tham gia tích cực công tác củng cố chính quyền địa phương, vận động và hướng dẫn các hoạt động tôn giáo, đi vào nề nếp, đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, năm 1996, Hội Người cao tuổi tổ chức Đại hội lần thứ nhất, ông Lương Xuân Hỷ là Chủ tịch.

Công tác quốc phòng - an ninh được chú trọng. Đội ngũ cán bộ làm công tác an ninh được xây dựng, Đảng ủy thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ tình hình an ninh, chính trị, xã hội trên địa bàn. Trong 5 năm, Ban Công an xã đã giải quyết được 75 vụ việc, giải quyết tại địa phương 47 vụ, chuyển lên huyện 29 vụ, số tiền thu phạt nộp ngân sách là 4.150.000 đồng (tính đến tháng 7-2000).

Đảng ủy cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ quân sự hàng năm như khám tuyển quân, huấn luyện dân quân. Huy động lao động kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng trong các đợt diễn tập hàng năm và huy động

quân dự bị động viên theo yêu cầu nhiệm vụ đã hoàn thành tốt.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hoạt động của các đoàn thể nhân dân cũng được sự quan tâm của Đảng. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm trên tất cả các mặt như chính trị, tư tưởng, phát triển Đảng, công tác tổ chức cán bộ và công tác kiểm tra.

Công tác chính trị, tư tưởng được thực hiện tốt, tạo được sự nhất trí trong Đảng bộ, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên địa bàn xã. Đảng bộ đã được cấp trên đánh giá là đơn vị có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, trong công tác chính trị, tư tưởng còn một số hạn chế, nhất là công tác rèn luyện và quản lý đảng viên, quán triệt một số chủ trương, nghị quyết của cấp trên chưa kịp thời, việc duy trì chế độ sinh hoạt Đảng chưa thường xuyên, nghiêm túc nên hiệu quả lãnh đạo và chỉ đạo một số nhiệm vụ còn thấp.

Công tác phát triển Đảng, trong 5 năm, Đảng bộ đã kết nạp được 18 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên từ 124 đồng chí năm 1996 lên 147 đồng chí năm 2000. Song công tác phát triển Đảng chưa thật sự chú trọng đến đối tượng là nữ, công tác chỉ đạo, hướng dẫn bồi dưỡng chưa thật sự tích cực.

Về công tác tổ chức cán bộ, Thường vụ Đảng ủy đã xác định ngay từ đầu đây là nhiệm vụ quan trọng. Vì vậy, đội ngũ cán bộ luôn được phân công nhiệm vụ tương đối

phù hợp. Hàng năm luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ tại chỗ cũng như gửi đi học các lớp bồi dưỡng tập trung do cấp trên mở, 100% cán bộ các đoàn thể, bí thư chi bộ, trưởng xóm đã được bồi dưỡng. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có những cán bộ yếu kém, có những trường hợp vi phạm kỷ luật chưa được xử lý kịp thời.

Công tác kiểm tra Đảng, Thường vụ Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo Ủy ban kiểm tra làm tốt chức năng, nhiệm vụ nên đã phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc. Trong 5 năm, đã giải quyết 5 vụ kỷ luật, trong đó xóa tên 2 đảng viên, cảnh cáo 3 đảng viên.

Công tác xây dựng chính quyền được chú trọng. Hoạt động của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1994-1999 và những đại biểu Hội đồng nhân dân đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hàng năm đều hoàn thành nghĩa vụ và đã có nhiều tiến bộ. Đến năm 2000, kinh tế - xã hội của địa phương đã có nhiều phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 30% năm 1996 xuống còn 20% năm 2000.

Tuy nhiên, hoạt động của Ủy ban nhân dân cũng gặp phải một số khó khăn, hạn chế như tổ chức bộ máy quản lý điều hành theo yêu cầu nhiệm vụ chưa khoa học và chưa

chặt chẽ, tình trạng yếu kém, có những nhiệm vụ còn trì trệ, kéo dài nhất là trong công tác quản lý đất đai và quản lý điện.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể luôn được chăm lo, kiện toàn về mọi mặt. Các đoàn thể hoạt động đi vào nề nếp, đã có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Bên cạnh những ưu điểm và thành tích đã đạt được còn tồn tại một số khuyết điểm như việc phối hợp giữa các đoàn thể và chính quyền hiệu quả chưa cao, công tác dân vận trong các cuộc vận động lớn còn hạn chế.

Tóm lại, trong những năm 1996-2000, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc địa phương thực hiện, hoàn thành tốt những nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Kinh tế hàng năm tăng trưởng từ 7-8%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ xã khóa XX đã đề ra. Đời sống nhân dân ổn định, cơ bản đã xóa được đói giảm nghèo, cơ sở vật chất bước đầu được xây dựng đáp ứng nhu cầu hoạt động xã hội, nhất là các trường phổ thông, trụ sở, trạm y tế, giao thông, hệ thống kênh mương. Tất cả những thành tích đó đã làm cho bộ mặt của địa phương có nhiều đổi mới, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ.

2. Đảng bộ xã Bản Ngoại lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2000-2005

Chấp hành Chỉ thị số 54 của Bộ Chính trị ngày 22-5-2000 và các hướng dẫn của Tỉnh ủy, Huyện ủy, ngày 5-

10-2000, Đại hội Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2000-2005) được tiến hành. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XX. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2000-2005, xây dựng địa phương trở thành một đơn vị vững về kinh tế, ổn định về chính trị xã hội.

Để đạt được những mục tiêu đó, Đảng bộ phấn đấu lãnh đạo hoàn thành một số chỉ tiêu cụ thể về một số lĩnh vực chủ yếu sau: Phần đầu tăng trưởng kinh tế từ 8-10%; về sản xuất lương thực đến năm 2005, phần đầu tổng sản lượng lương thực từ 3.800-4.000 tấn (cả màu quy ra thóc), hàng năm tăng 3%; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo mô hình V.A.C; về cây chè: tập trung chăm sóc diện tích chè đang thu hái và cải tạo số diện tích bị hỏng, đưa năng suất 35 tạ/ha lên 41,5 tạ/ha; thu ngân sách hàng năm tăng 10%, tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm cố gắng ở mức 1,7%; thường xuyên tu bổ, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn trong địa phương. Phần đầu đến năm 2005, các trục đường chính phải được bê tông hóa bằng nguồn vốn trên hỗ trợ và nhân dân đóng góp. Đến năm 2005 xã không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 15% xuống còn 8%.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng đề ra mục tiêu phát triển văn hóa, xã hội. Về giáo dục, nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học. Thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục, tập trung mọi cố gắng để xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cả 3 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

Về y tế, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện tốt chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình.

Về thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình có công với nước.

Về công tác văn hóa, thông tin, tăng cường tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền cổ động, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa.

Về công tác quốc phòng - an ninh, Đảng bộ tập trung lãnh đạo làm tốt công tác an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, xác định đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Để đảm bảo tốt nhiệm vụ này cần phải tăng cường công tác lãnh đạo, thường xuyên kiện toàn, củng cố mạng lưới an ninh, tiếp tục đẩy mạnh truy quét các tội phạm, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn xã; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm; thường xuyên kiện toàn, nâng cao hiệu lực quản lý bộ máy chính quyền; thực hiện làm việc theo quy chế một cách nghiêm túc và điều hành công việc theo kế hoạch, đưa mọi hoạt động vào nề nếp.

Về công tác xây dựng các đoàn thể quần chúng, Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ

các đoàn thể quần chúng nhằm tạo sức mạnh đoàn kết, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của địa phương; thường xuyên quan tâm kiện toàn tổ chức đảm bảo đủ sức hoạt động với yêu cầu, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc, tăng cường sự phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể và chính quyền trên mọi lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của địa phương; lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ, thực hiện tốt phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 13 đồng chí, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Triệu Văn Hưng được bầu là Bí thư Đảng ủy, đồng chí Vũ Quang Thông là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Nguyễn Văn Quý là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, các đồng chí Nguyễn Kim, Lê Đức Minh là Thường vụ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã Bản Ngoại, trong những năm 1996-2000, xã đã thu được kết quả trong nhiều lĩnh vực, những thành tựu đó tạo đà cho sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - quốc phòng - an ninh trong những năm tiếp theo.

Trong sản xuất nông nghiệp, Bản Ngoại là một xã thuần nông, độc canh cây lúa, 90-95% hộ làm sản xuất nông nghiệp, ngành nghề chậm phát triển, dân trí không đồng đều. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân khắc phục khó khăn đưa các giống mới năng suất cao, áp dụng khoa

học - kỹ thuật trong canh tác, thâm canh tăng vụ. Đồng thời, tranh thủ sự giúp đỡ của Huyện ủy và các phòng, ban chuyên môn của huyện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế mùa vụ hợp lý, đạt hiệu quả. Năng suất bình quân diện tích gieo cấy năm 2004 so với năm 2001 tăng 4,3%, diện tích cây vụ đông năm 2004 tăng so với năm 2001 là 115ha, bằng 291% (trong đó diện tích cây ngô tăng 91ha bằng 464%. Tổng sản lượng lương thực năm 2004 là 3.835,3 tấn, so với nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đạt 100,92%). Lương thực bình quân tăng lên 53 kg/người/tháng (tăng 10kg so với Nghị quyết Đại hội đề ra).

Bên cạnh đó, cây công nghiệp cũng phát triển mạnh, tổng diện tích chè của xã cho thu hoạch là 41,5ha, năng suất bình quân là 65-68 tạ/ha. Hàng năm đạt 269 - 282 tấn chè búp tươi, chè cải tạo là 30ha, chè trồng mới là 25ha, so với nghị quyết tăng 5ha, bằng 25% (chè cảnh là 5ha).

Cây ăn quả đến năm 2005 có 17ha, cây lâm nghiệp có 87ha theo chương trình PAM, đã giao đến cho từng hộ gia đình chăm sóc và quản lý. Thực hiện kế hoạch hàng năm cũng như nhu cầu của từng hộ dân đã trồng được 15.000 cây keo các loại ở các công sở, từng hộ nhân dân trong xóm trồng xen kẽ.

Về chăn nuôi, mô hình V.A.C.R ngày càng được phát triển, nhiều hộ gia đình xây dựng được mô hình kinh tế trang trại, bước đầu đã có hiệu quả. Tính đến năm 2005, tổng đàn gia súc, gia cầm của địa phương là: đàn trâu 774 con, so với năm 2001 tăng 4,65%, so với nghị quyết Đại

hội đạt 100% kế hoạch, đàn bò có 25 con, so với năm 2001 tăng 100%, so với nghị quyết đạt 100% kế hoạch. Đàn lợn có 3.125 con, so với năm 2000 tăng 14%, so với nghị quyết tăng 7%, đàn mèo 1.200 con, so với năm 2002 tăng 76%, so với nghị quyết đạt 20% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 11ha đầm, hồ ao, đã giao cho các xóm và các hộ gia đình quản lý, sử dụng.

Chăn nuôi của xã từng bước phát triển và đi vào quy mô theo mô hình kinh tế. Hàng năm, xã tổ chức các đợt tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm kịp thời, đạt 80-85%, không để có dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

Hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, công tác phát triển đa dạng với các ngành nghề như hàn, xì, sửa chữa động cơ, dịch vụ hàng hóa tạp phẩm, vật tư phân bón... tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt hàng ngày cho nhân dân địa phương thuận lợi. Trên địa bàn xã có 2 nhà máy chè xuất khẩu, 25 cơ sở tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, có 66 dịch vụ kinh doanh và bán hàng, có 18 chiếc máy cày, bừa bằng động cơ, 13 máy động cơ tuốt lúa, 68 máy xay xát, 85 xe trâu, 5 đầu xe đầu ngang và 2 ô tô, đã tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động.

Công tác xây dựng cơ bản và quản lý điện được chú trọng, thực hiện theo đúng tinh thần nghị quyết. Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng như kênh, mương, nhà đoàn thể, các công trình khu trung tâm, xây dựng trường mầm non, phòng học, tường rào trường tiểu học, giải phóng mặt bằng trường cấp I và trường mầm non... với tổng giá trị là 774.886.800 đồng.

Công tác giao thông thủy lợi hàng năm đều được sự quan tâm của Đảng ủy và chính quyền. Xã đầu tư kinh phí tu sửa, nâng cấp đường giao thông liên thôn, liên xã, nạo vét kênh mương, thường xuyên đảm bảo cho nhân dân đi lại thuận lợi và nước tưới tiêu phục vụ cho sản xuất kịp thời. Từ đó, đã góp phần đưa năng suất, tổng sản lượng lương thực ngày càng tăng cao, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Thực hiện nghị quyết của cấp trên và nghị quyết của Đảng ủy, xã đã tiến hành Đại hội thành lập hợp tác xã dịch vụ điện, hoạt động và đi vào nền nếp, đủ cơ cấu, đủ số lượng, có trình độ chuyên môn, sắp xếp nâng cấp hệ thống mạng lưới điện khoa học, giá cả ổn định. Toàn xã tính đến năm 2005, có 3 trạm biến áp cung cấp điện sinh hoạt cho nhân dân tương đối ổn định. Tuy nhiên, ở một số vùng sâu giá điện còn cao, đường dây không đảm bảo, giờ cao điểm không đủ điện cho sinh hoạt.

Công tác địa chính đã có nhiều tiến bộ, việc quản lý đất đai đi vào nền nếp, kiểm tra, giải quyết những vấn đề tranh chấp kịp thời. Công tác giải phóng mặt bằng, quy hoạch khu dân cư, tạo điều kiện cho đoàn công tác của xí nghiệp đo đạc Nông nghiệp I Hà Nội nhanh chóng, thuận lợi. Lập bản đồ địa chính các xóm phân loại hiện có, tiến hành làm thủ tục cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

Công tác tài chính, thu chi đảm bảo đúng quy định. Do có nhiều khó khăn về nguồn thu trên địa bàn đã ảnh hưởng một phần đến việc chi cho các hoạt động của địa phương.

Trước tình hình đó Đảng ủy, chính quyền địa phương đã chỉ đạo chặt chẽ, tận dụng các nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo kế hoạch giao. Kết quả việc thu ngân sách năm 2004 so với năm 2001 tăng 17%, trong đó thu cân đối là 3.079.208.072 đồng, thu quản lý qua ngân sách là 724.392.000 đồng. Phần chi luôn đảm bảo chặt chẽ, đúng nguyên tắc luật quản lý ngân sách Nhà nước, đảm bảo ngân sách, chi cho các hoạt động của Đảng, chính quyền, các đoàn thể, chi lương cho cán bộ nghỉ hưu và cán bộ công tác, chi cho xây dựng cơ bản, tổng số tiền đền bù hơn 2 tỷ đồng.

Trong công tác tín dụng, hàng năm, Ủy ban nhân dân phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, ngân hàng Chính sách lập dự án tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn các loại, các dự án để phát triển kinh tế. Tính đến tháng 4-2004, tổng dư nợ trong toàn xã là 3.611.320.000 đồng.

Giáo dục luôn nhận được sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể. Cơ sở vật chất được đầu tư, đảm bảo cho việc dạy và học, số học sinh bỏ học giảm. Công tác phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đã hoàn thành vào năm 2004. Hàng năm, ở các trường đều có học sinh và giáo viên đạt danh hiệu giỏi cấp tỉnh, huyện, cấp trường. Cả 3 trường đều đạt tiên tiến cấp huyện và đạt cơ quan văn hóa. Năm học 2003-2004, tỷ lệ lên lớp đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 98-100%, học sinh đến trường đúng độ tuổi, không có học sinh bỏ học.

Công tác y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình cũng được chú trọng. Trạm y tế có đội ngũ y, bác sĩ có trình độ chuyên môn, tâm huyết với nghề, 19/19 xóm đã có y tá, cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối ổn định, đảm bảo khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Hàng năm, thực hiện tốt các chương trình do ngành chỉ đạo. Ngoài ra còn tổ chức khám miễn phí cho người cao tuổi, các gia đình chính sách. Năm 2000, số lượng đến khám tại trạm y tế là 2.045 lượt người, đến năm 2004 là 3.955 lượt người.

Trạm y tế đã phối hợp với Ban Dân số kế hoạch hóa gia đình làm tốt công tác tuyên truyền, truyền thông dân số, áp dụng các biện pháp tránh thai. Nhờ đó, tỷ suất sinh thô tính đến năm 2005 là 13,7% (so với năm 2001 giảm 0,5%), tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm xuống còn 3,9%.

Công tác văn hóa thông tin luôn được quan tâm chỉ đạo nhằm tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân. Ban văn hóa thường xuyên phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể, tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao trong những dịp lễ, tết với nhiều hình thức đa dạng phong phú. Toàn xã có 11 cụm loa truyền thanh, 9/19 xóm có nhà văn hóa, chiếm 47,4%. Công tác văn hóa thông tin được thực hiện tốt, góp phần tuyên truyền kịp thời sâu rộng các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, các văn bản, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các quy chế dân chủ cơ sở, dân chủ công khai. Bên cạnh đó, xã cũng thường xuyên đẩy mạnh công

cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào văn hóa văn nghệ, công tác thông tin tuyên truyền được cấp trên đánh giá cao, được nhân dân các dân tộc trong xã tin tưởng, đồng tình ủng hộ. Kết quả, năm 2004, xã có 504 gia đình 4 năm liền đạt gia đình văn hóa.

Công tác chính sách xã hội được coi là nhiệm vụ quan trọng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, Ban Thương binh - xã hội xã kết hợp chặt chẽ với Hội Cựu chiến binh, các đoàn thể quần chúng nhân dân làm tốt công tác chi, trả chế độ, thăm hỏi tặng quà hàng năm cho các đối tượng chính sách. Xã có 64 gia đình thương binh liệt sỹ, có 8 cán bộ tiền khởi nghĩa, 44 trường hợp được hưởng chế độ chất độc màu da cam... Bên cạnh đó, xã cũng tạo điều kiện cho 9 lao động đi xuất khẩu.

Công tác an ninh - quốc phòng được chú trọng. Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo chặt chẽ theo đúng tinh thần nghị quyết của ngành, của Đảng ủy, chính quyền địa phương về công tác an ninh. Lực lượng an ninh có Ban Công an xã và công an viên đủ về số lượng, nắm vững nghiệp vụ. Hàng tháng duy trì tốt công tác giao ban, nắm tình hình, giải quyết kịp thời những vụ việc xảy ra. Trên địa bàn xã không xảy ra vụ việc nghiêm trọng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh thôn được giữ vững và ổn định. Tuy nhiên, tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy, trộm cắp vặt chưa được đẩy lùi, năng lực của một số cán bộ công an viên còn hạn chế, chưa năng động, sự phối hợp

với ban mặt trận, tổ hòa giải cơ sở chưa đồng bộ. Đến năm 2004, trên địa bàn xã có 23 người nghiện ma túy, xảy ra 45 vụ việc xã hội, so với năm 2001 giảm 9 vụ.

Công tác quốc phòng hoạt động đi vào nền nếp. Hàng năm thực hiện tốt công tác tuyển quân, huấn luyện dân quân tự vệ, công tác diễn tập đảm bảo chất lượng và đạt kết quả cao. Từ năm 2001-2005, xã có 58 thanh niên lên đường nhập ngũ (đạt 100% kế hoạch). Ngoài ra, xã còn làm tốt công tác chuẩn bị đầy đủ phương tiện, cơ sở vật chất, kế hoạch, sơ đồ huấn luyện, tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ dân quân tự vệ, quân dự bị động viên, xây dựng bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai. Hàng năm, được cơ quan quân sự huyện đánh giá là đơn vị hoàn thành khá trở lên.

Ban tư pháp, là bộ phận giải quyết các công việc hàng ngày, tiếp công dân, tổ chức tuyên truyền pháp luật, thực hiện đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước, phối kết hợp với các bộ phận chuyên môn, giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở. Công tác tư pháp được thực hiện tốt, không gây phiền hà cho nhân dân, không để xảy ra các vụ khiếu kiện nào, luôn được nhân dân tin tưởng và được cơ quan cấp trên đánh giá cao.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm trên các mặt tư tưởng, tổ chức, kiểm tra và dân vận. Về chính trị tư tưởng, hàng năm, Đảng bộ tổng kết đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại cần khắc phục. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra những phương hướng cụ

thể sát hợp với tình hình thực tế của địa phương. Triển khai kịp thời các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, xây dựng kế hoạch và chương trình hành động, thực hiện chấp hành nghiêm túc. Tổng kết một số nghị quyết của Bộ Chính trị như Nghị quyết số 8B, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3, 7 (khóa VIII), tổng kết 22 năm phát thể, kiểm tra đất đai, luật khiếu nại tố cáo, suy thoái về đạo đức lối sống một cách nghiêm túc, số lượng đảng viên tham gia sinh hoạt từ 80-85%. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên được tiến hành thường xuyên. Nhờ đó nhận thức của đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được nâng cao. Trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, cán bộ, đảng viên tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Khóa XXI (nhiệm kỳ 2000-2005), xã có 145 đảng viên.

Về công tác tổ chức, Đảng ủy đã xác định rõ đây là nhiệm vụ quan trọng, công tác kiện toàn, sắp xếp cán bộ có tác động lớn đến mức độ hoàn thành các mục tiêu đề ra. Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo thành công các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, nhất là cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009 thành công tốt đẹp. Hàng năm, được sự quan tâm của cấp trên, xã đã cử các đồng chí trong chi ủy các chi bộ, các đồng chí hội trưởng, các đồng chí trong Ban Chấp hành, các đoàn thể đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Đồng thời, cử 4 đồng chí tham gia lớp sơ cấp chính trị, 6 đồng chí đi học lớp trung cấp huyện, 46 quần

chúng ưu tú bồi dưỡng phát triển đảng viên mới, kết nạp được 44 đồng chí đảng viên mới, tăng so với chỉ tiêu là 19 đồng chí (bằng 76%). Tách và thành lập chi bộ mới được 5 chi bộ, xây dựng, quy hoạch cán bộ cho những năm tiếp theo. Nhiệm kỳ 2000-2005, Đảng bộ có 01 đồng chí được trao tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, 13 đồng chí đảng viên được trao tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Về công tác kiểm tra, Ủy ban kiểm tra đã làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình, xây dựng quy chế thực hiện công tác của các cấp giao, kiểm tra chuyên đề, thực hiện tốt các cuộc kiểm tra của cấp trên, xây dựng chương trình kiểm tra các chi bộ, đánh giá phân loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Qua công tác kiểm tra hàng năm, cho thấy chất lượng càng được nâng lên, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không có đảng viên yếu kém. Năm 2004, tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh đạt 66,7%, tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành nhiệm vụ đạt 65,3%, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ đạt 19,4%, còn lại là đảng viên miễn sinh hoạt. Đồng thời, thông qua kiểm tra cũng đã phát hiện và xử lý kỷ luật 4 đồng chí (trong đó cách chức chi ủy 1 đồng chí, cảnh cáo 3 đồng chí), xóa tên 4 đồng chí, nhận và xử lý giải quyết 5 đơn thư đúng quy trình, Đảng bộ hoàn thành công tác đối thủ trong năm 2004.

Trong công tác dân vận, Đảng bộ xã chỉ đạo tốt việc tuyên truyền, vận động nắm bắt những tâm tư nguyện vọng của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã, đoàn thể giải quyết kịp thời những vướng mắc nảy sinh ở cơ sở. Xây dựng khối đại

đoàn kết toàn dân, tập hợp quần chúng, vận động nhân dân tích cực tham gia hoạt động các phong trào của địa phương, thực hiện nghiêm túc Đề án số 304 của Tỉnh ủy. Từ đó, nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, đổi mới phương thức lãnh đạo, nội dung kỳ họp phong phú, chất lượng. Bám sát nghị quyết của Đảng bộ để xây dựng các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, thực hiện tốt vai trò giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Ủy ban nhân dân. Đồng thời, phối kết hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc để tổ chức tiếp xúc cử tri, tổ chức các kỳ họp kịp thời, đúng luật, lãnh đạo thực hiện tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân đi vào nề nếp, có khoa học, duy trì giao ban hàng tháng, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, từng chương trình, thời gian quản lý và điều hành theo hiến pháp, pháp luật. Cụ thể hóa từng chỉ tiêu, đồng thời chú trọng kiểm tra lãnh đạo công tác an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, xây dựng cơ chế củng cố tổ chức. Đồng thời, thực hiện tốt công tác dân vận, đoàn kết nội bộ, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân

dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, tham gia tích cực vào các phong trào của địa phương, góp phần hoàn thành các mục tiêu mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã đề ra.

Những hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã đi sâu vào công tác tuyên truyền, vận động thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, làm cho các tầng lớp nhân dân tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, nhất là Hội Người cao tuổi hoạt động tích cực, tham gia phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, các đoàn thể còn phát triển hội viên, đoàn viên mới đạt 20-25%, xây dựng các mô hình, các câu lạc bộ, các cơ quan văn hóa, xóm văn hóa, giữ tốt mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của xã được đánh giá là đơn vị khá của huyện.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trên các lĩnh vực, Đảng bộ xã Bản Ngoại còn một số hạn chế như trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Việc tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên chưa được thường xuyên, liên tục dẫn đến nhận thức chính trị và tư tưởng, quan điểm của một số bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nêu cao được vai trò, vị trí, thái độ trách nhiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm

vụ được phân công của một số đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Chấp hành các đoàn thể, có lúc chưa đi sâu, đi sát cơ sở, giải quyết một số công việc thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể nhân dân chưa được đồng bộ, thiếu chặt chẽ, trình độ năng lực của lãnh đạo một số ngành còn yếu, hoạt động thiếu tích cực dẫn đến hoàn thành nhiệm vụ chưa cao. Công tác quản lý điều hành bộ máy, các tổ chức cơ sở, chi ủy, chi bộ cơ sở chưa phát huy được vai trò lãnh đạo, chưa có tính thuyết phục.

Từ những thành tựu đã đạt được cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại, Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện thắng lợi những mục tiêu cho những năm tiếp theo.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền, tổ chức các đoàn thể vững mạnh, đảm bảo chất lượng, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng đến cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân, nhất là ở các cơ sở đồng thời tổng kết kịp thời để rút ra những ưu điểm, khắc phục yếu điểm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quy hoạch cán bộ, sắp xếp cán bộ, phân công giao nhiệm vụ cụ thể, kiểm tra phân loại, đánh giá kịp thời phục vụ cho công tác củng cố kiện toàn tổ chức hệ thống chính trị - xã hội.

Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, động viên biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, đồng thời cũng phải xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật ở các lĩnh vực.

Những kết quả đạt được là sự đoàn kết, ý chí và quyết tâm cao của Đảng bộ và nhân dân trong xã. Đồng thời, cũng là cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại viết tiếp những trang sử vẻ vang của truyền thống quê nhà trên con đường đổi mới và phát triển vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Đảng bộ xã Bản Ngoại lãnh đạo nhân dân tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2005-2010)

Ngày 17-6-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXII được tiến hành. Đại hội đã thông qua báo cáo tổng kết về những kết quả đã đạt được và đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Vũ Quang Thông là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Nguyễn Hữu Viên là Thường trực Đảng ủy.

Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh

hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tập trung phát huy cao độ mọi nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã, nhân dân Bản Ngoại tích cực sản xuất, hăng hái tham gia các phong trào đã thu được nhiều thành tích trên các lĩnh vực.

Về sản xuất nông - lâm nghiệp, năm 2009, tổng diện tích gieo trồng cây lúa là 694,2ha, năng suất đạt 55,99 tạ/ha, sản lượng đạt 3.887 tấn. Cây ngô có tổng diện tích gieo trồng là 53,5ha, năng suất đạt 39,68 tạ/ha, sản lượng là 2.123 tấn. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc là 4.099,3 tấn, so với kế hoạch huyện giao đạt 106,17%, so với nghị quyết của Đảng ủy đạt 100,7%.

Từ năm 2005-2009, tổng diện tích gieo cấy cây lúa là 3.401ha, năng suất trung bình đạt 53,76 tạ/ha, sản lượng 18.284 tấn, tổng sản lượng quy ra thóc là 20.509 tấn, so với nghị quyết đạt 105%.

Đảng bộ tích cực chỉ đạo áp dụng khoa học - kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa giống cây trồng có năng suất cao vào trồng tại địa phương như củ đậu, dưa hấu, khoai tây... Năm 2009, tổng giá trị trên một đơn vị diện tích trồng trọt là 23.550.000 đồng, tăng 148,55% (trong đó giá trị cây màu là 14.277.000 đồng, so với năm 2005 là 5.616,9 đồng, đạt 254,18%). Từ đó, đưa giá trị bình quân trên một diện tích trồng trọt năm 2009 là 72 triệu đồng/ha/năm, so với năm 2005 là 48,47 triệu/ha/năm (tăng 148,55%).

Cây chè năm 2009, tổng diện tích là 235,7ha (trong đó diện tích cây chè thâm canh 20ha, diện tích cải tạo 16ha, diện tích trồng chè mới là 10ha (đạt 166,6% kế hoạch), tổng sản lượng chè búp tươi đạt 1.650 tấn (đạt 100,3% kế hoạch). Tổng sản lượng chè từ năm 2005-2010 đạt 7.984,25 tấn, so với nghị quyết Đại hội đạt 144%.

Bên cạnh đó, chăn nuôi cũng thu được nhiều kết quả. Từ năm 2005-2010, mô hình kinh tế VACR phát triển mạnh, nhiều hộ gia đình xây dựng mô hình kinh tế trang trại chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao như ở xóm Ninh Giang. Năm 2005, đàn trâu là 764 con, đàn lợn có 2.557 con, đàn gia cầm là 28.000 con. Đến năm 2009, đàn trâu là 587 con, so với kế hoạch đàn gia súc, gia cầm đạt 90,3%, so với nghị quyết đạt 97,8%.

Nuôi trồng thủy sản bước đầu thu được nhiều kết quả. Tổng diện tích mặt nước là 54,8ha, trong đó diện tích nuôi cá là 16,3ha, chăn nuôi với quy mô hộ gia đình và tập trung nuôi nhiều ở đầm Ninh Giang và đầm Trình chiếm 14,8% (bằng 5,3ha), sản lượng tăng 6 tấn (chiếm 17,5%).

Về lâm nghiệp và công tác bảo vệ rừng, tổng diện tích đất lâm nghiệp của xã là 149,11ha, số diện tích trên đã giao cho các hộ gia đình quản lý, bảo vệ, chăm sóc, khai thác, trồng mới chủ yếu là giống cây keo lai, bạch đàn... Năm 2009, toàn xã trồng mới được 41ha, tập trung chủ yếu ở xóm Đồng Ninh, Rừng Lâm, Cao Khản, Vải Cây, Đầm Bàng.

Hoạt động của ngành công nghiệp, dịch vụ đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, các cơ sở sản xuất tăng lên chủ yếu là

xay xát, gò hàn, đóng gạch, làm mộc. Tính đến năm 2009, toàn xã có 38 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động.

Hoạt động của các ngành thương mại, dịch vụ đang phát triển phục vụ nhu cầu của nhân dân trong và ngoài xã. Toàn xã có 65 cơ sở buôn bán dịch vụ chủ yếu nằm dọc theo Quốc lộ 37, hàng năm, doanh thu bán hàng đạt hàng chục tỷ đồng.

Cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi được Đảng bộ quan tâm chú trọng. Được sự quan tâm giúp đỡ của Huyện ủy cùng với sự cố gắng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong xã, nguồn vốn Nhà nước cho xã ATK hưởng chương trình 135, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng từng bước được xây dựng kiên cố hóa. Tổng số tiền chi xây dựng từ năm 2005-2010 là 5.125.849.000 đồng.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng đạt được nhiều thành tích. Về giáo dục, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXII, công tác giáo dục luôn được quan tâm đầu tư về chiều sâu. Kết quả giáo dục năm sau cao hơn năm trước, công tác văn hóa - xã hội, giáo dục, khuyến học, khuyến tài được phát huy tốt.

Về đội ngũ giáo viên giảng dạy ở các nhà trường đều có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác giảng dạy. Hàng năm, trường đều tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp, chất lượng dạy và học ngày càng được

nâng cao, cơ sở trường lớp khang trang, sạch đẹp, đảm bảo tiêu chuẩn của ngành. Cả 3 trường đều đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I vào năm 2006.

Công tác y tế, kế hoạch hóa gia đình được Đảng bộ quan tâm. Trạm y tế xã có 1 bác sỹ, 3 y tá, 2 y sỹ và có 18 đồng chí y tế thôn tâm huyết với nghề, thái độ phục vụ tận tình, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc khám và điều trị ban đầu cho nhân dân. Trạm y tế xã đã thực hiện khám và cấp thuốc miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi và nhân dân thuộc diện 135. Từ năm 2005-2010, trạm y tế đã khám và điều trị cho 27.524 lượt bệnh nhân (đạt 100% kế hoạch).

Bên cạnh đó, Ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình cũng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể trong xã. Ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều cố gắng, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho các chị em phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, tuyên truyền về dân số đến các xóm nhằm giảm tỷ suất sinh thô, sinh con thứ 3. Năm 2005, tỷ suất sinh thô là 14,1‰, so với kế hoạch giảm 1,7‰, đến năm 2009, tỷ suất sinh thô là 14,2‰, so với kế hoạch tăng.

Công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thường xuyên được Đảng ủy quan tâm. Ban Văn hóa - xã hội xã đã phối hợp với Phòng Văn hóa huyện và các đội văn nghệ lưu động tổ chức được 50 buổi văn nghệ với đông đảo người dân tham dự, tổ chức các trò chơi trong dịp tết Nguyên đán như kéo co, bóng đá, cờ tướng, cầu lông, chơi

gà... những hoạt động này đã tạo thành một phong trào văn hóa sôi nổi ở địa phương. Xã đã tổ chức thành công 2 lần Đại hội văn hóa thể thao với nhiều môn thể thao văn hóa, văn nghệ được tổ chức từ cấp cơ sở với hàng ngàn lượt người tham dự, cử đoàn tham gia Đại hội văn hóa thể thao huyện đều được giải thưởng.

Ban Văn hóa - xã hội phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể, đẩy mạnh công cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*. Công tác văn hóa xã hội dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, đồng thời sự phối hợp của các cơ quan ban ngành, đoàn thể trong xã, công tác văn hóa xã hội đạt được nhiều thành tích. Tại Đại hội Văn hóa thể dục - thể thao, xã được huyện tặng giấy khen, Sở Văn hóa thể dục thể thao tỉnh tặng cờ, xã đạt giải ba huyện về cuộc thi tìm hiểu luật giao thông đường bộ. Trung tâm học tập cộng đồng được Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ tặng Giấy khen lập thành tích xuất sắc trong thi đua khuyến học, khuyến tài. Xã duy trì và giữ vững 3 trường đạt Chuẩn Quốc gia, xây dựng được 9 nhà văn hóa xóm và lắp đặt hoàn chỉnh 3 cụm loa truyền thanh xóm Khâu Giáo 2, xóm Rừng Vần và xóm Cao Khản.

Công tác chính sách xã hội được chú trọng. Ban Thương binh xã hội đã kết hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể làm tốt công tác chi trả chế độ, công tác thăm hỏi hàng năm đối với những gia đình chính sách, gia đình có công với nước, gia đình thương binh, liệt sỹ, cán bộ tiền khởi nghĩa, nhiễm chất độc da cam, chế độ cho hộ nghèo là dân tộc thiểu số. Xã có 9 cán bộ tiền khởi nghĩa, người

tham gia kháng chiến và có con đẻ bị nhiễm chất độc da cam là 99 người. Đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên hàng tháng là 164 người là người cao tuổi từ 85 tuổi trở lên, người tàn tật, trẻ bỏ rơi, trẻ mồ côi và đơn thuần nuôi con.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm mới cho 450 lao động, phối hợp rà soát tăng giảm hộ nghèo hàng năm theo quy định, bình quân giảm từ 5-7%. Cuối năm 2009, tổng số hộ nghèo là 454 hộ, bằng 25%, giảm 7% so với năm 2008. Theo thống kê, số hộ nghèo có nhà tranh tre dột nát theo Quyết định số 167/QĐ-TTg là 119 hộ. Năm 2009, đã triển khai xây dựng nhà cho 63 hộ với tổng số vốn được hỗ trợ theo quyết định là 529.200.000 đồng.

Triển khai Quyết định số 142/2008/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chi trả chế độ cho quân nhân kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Xã đã tiến hành hoàn tất đợt 1 được 40 hồ sơ, tổ chức triển khai hồ sơ đợt cuối cho người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là 30 hồ sơ.

Triển khai Quyết định số 112 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ học sinh nghèo, tổng toàn xã được 568 em (trong đó trung học cơ sở là 151 em, tiểu học 232 em, mầm non 227 cháu, học sinh ngoài xã là 58 em), hỗ trợ tiền ăn tết của Chính phủ nhân dịp tết Nguyên đán Kỷ Sửu cho 700 hộ với tổng số tiền là 533.600.000 đồng. Cấp gạo cho hộ nghèo đặc biệt khó khăn trong dịp tết Nguyên đán và thời kỳ giáp hạt là 154 hộ với tổng là 6.010kg.

Bên cạnh đó, công tác quốc phòng - an ninh cũng được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền địa phương, hoạt động của Ban Công an đi vào nền nếp, duy trì thường xuyên công tác giao ban, giải quyết nhanh các vụ việc xảy ra, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, an ninh nông thôn được ổn định. Không có cá nhân, tập thể khiếu kiện vượt cấp xảy ra, quản lý tốt các đối tượng nghiện ma túy, tệ nạn xã hội, tổ chức tuyên truyền quần chúng nhân dân phòng chống tệ nạn xã hội.

Công tác quốc phòng đã triển khai tổ chức, thực hiện nhiệm vụ công tác huấn luyện dân quân tự vệ, công tác diễn tập hàng năm và công tác giáo dục kiến thức quốc phòng, công tác tuyển quân, công tác xây dựng bổ sung các phương án phòng chống lụt bão đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao. Hàng năm, Đảng ủy đều có nghị quyết chuyên đề về công tác lãnh đạo, chỉ đạo quân sự địa phương, kết quả, từ năm 2005-2010, xã có 45 tân binh lên đường nhập ngũ, đảm bảo về số lượng và chất lượng. Công tác huấn luyện hàng năm theo tỷ lệ 1,2% dân số đều hoàn thành và đảm bảo chất lượng, kết quả huấn luyện hàng năm đều đạt loại khá trở lên.

Hoạt động tư pháp, thực hiện cải cách hành chính Nhà nước, vận hành theo cơ chế “một cửa” nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân, luôn thường trực tiếp công dân theo cơ chế “một cửa”, do vậy đề nghị của nhân dân được giải quyết nhanh gọn trong ngày. Tổ chức tuyên

truyền phổ biến pháp luật như luật hôn nhân và gia đình, phòng chống ma túy, luật dân sự, luật nghĩa vụ quân sự được 76 buổi với tổng số người tham dự là 7.220 lượt người (đạt 95% kế hoạch).

Công tác địa chính đã có nhiều tiến bộ, việc quản lý đất đai đã dần đi vào nề nếp, cán bộ địa chính nắm chắc chuyên môn, giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Xã đã cấp chứng nhận quyền sử dụng đất được 620 hộ, hoàn chỉnh khu quy hoạch xóm Lê Lợi và xóm Phố, Rừng Lâm, mở rộng khuôn viên trường mầm non, xây dựng xong phương án sử dụng đất năm 2006-2010. Ngoài ra, còn giải quyết kịp thời các đơn thư đề nghị trong lĩnh vực đất đai của các hộ dân, giao mặt bằng cho các nhà văn hóa xóm, các cơ quan xí nghiệp đóng địa bàn.

Công tác tài chính luôn đảm bảo thu chi đúng nguyên tắc. Năm 2005, tổng thu ngân sách trên địa bàn là 989.865.035 đồng (đạt 182,8% kế hoạch), trong đó thu cân đối là 86.223.200 đồng. Năm 2009, tổng thu ngân sách là 1.959.742.473 đồng (đạt 196,2%), trong đó thu cân đối là 75.350.000 đồng (đạt 107,1%).

Công tác tín dụng từng bước được cải thiện, đáp ứng được nhu cầu vay vốn kinh doanh, sản xuất của người dân, tổng dư nợ toàn xã tính đến tháng 12-2009 là 12.379.600.000 đồng, trong đó vay vốn Nhà nước 5.900.300.000 đồng, vay vốn ngân hàng chính sách là 6.479.300.000 đồng, tổng số lượt hộ vay là 670 hộ. Đối tượng được cho vay là các hộ nghèo, các hộ gia đình vay vốn để phát triển sản xuất.

Công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy trên cả 4 mặt công tác tư tưởng, tổ chức, kiểm tra và dân vận. Khóa XXII (nhiệm kỳ 2005-2010), Đảng bộ xã Bản Ngoại có 179 đảng viên.

Về công tác tư tưởng, Đại hội Đảng bộ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2005-2010), đã xây dựng các nghị quyết về phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh của cả nhiệm kỳ. Với những chỉ tiêu cụ thể Đảng bộ tổ chức tuyên truyền học tập đến mọi đảng viên thống nhất ý chí, hành động, từ việc nhận thức sâu sắc đó, mọi cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật.

Đảng bộ đã triển khai học tập các chỉ thị, nghị quyết như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXII, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Trung ương 3, 4, 5, 6, 9 khóa IX. Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, tổng kết 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức Hội thi bí thư chi bộ giỏi...

Thông qua các đợt học tập chỉ thị, nghị quyết tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia các đợt học tập đạt 85-90%, số còn lại là đảng viên được miễn sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đảng. Hàng năm, qua đánh giá phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, 100% chi bộ hoàn thành nhiệm vụ (trong đó 80% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh), 100% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ (trong đó hoàn thành tốt nhiệm vụ là 85%), không có đảng viên yếu kém, chi bộ yếu kém.

Công tác tổ chức, Đảng bộ đã tiến hành chỉ đạo kiện toàn 100% các chi bộ, xây dựng chương trình kế hoạch công tác, đề án A2, A3 về công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ tiếp theo. Chia tách chi bộ Khâu Giáo II và Chi bộ Đầm Mua, Chi bộ Ninh Giang và Chi bộ Rừng Vần, Chi bộ Phú Hạ và Chi bộ Vai Cày, thành lập 1 Chi bộ cơ quan xã, hoàn thành 100% kế hoạch Đại hội đề ra.

Đảng ủy xã thường xuyên quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, đảng viên. Cụ thể: cử 10 đồng chí tham gia học lớp trung cấp lý luận chính trị, kết quả 100% đạt loại khá, 12 đồng chí được cử đi học sơ cấp chính trị, cử 48 quần chúng ưu tú đi học lớp cảm tình Đảng, kết nạp 42 đồng chí, đạt 160% kế hoạch Đại hội. Xã đã cử 26 đồng chí gồm Bí thư, Phó Bí thư, chi ủy chi bộ đi tập huấn nghiệp vụ do huyện mở, cử 42 đồng chí học lớp đảng viên mới đạt 100% kế hoạch, tạo điều kiện cho 3 đồng chí đi theo học chương trình đại học chuyên môn nghiệp vụ.

Trong công tác tổ chức quần chúng, Đảng ủy quan tâm lãnh đạo các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2008-2013, đạt 100% kế hoạch, củng cố 4 trường xóm mới. Tháng 9-2008, Hội nạn nhân chất độc da cam - Dioxin được thành lập do ông Nguyễn Anh Dũng làm Chủ tịch.

Ủy ban kiểm tra thường xuyên tham mưu cho cấp ủy Đảng về công tác kiểm tra, đã xây dựng quy chế hoạt động và kế hoạch nội dung kiểm tra hàng năm và toàn

khóa, thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra của cấp trên. Thường xuyên tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất, kịp thời phát hiện những dấu hiệu vi phạm, ngăn chặn những tư tưởng lệch lạc của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, kiểm tra giám sát các chi bộ về thực hiện chỉ thị, nghị quyết, đề án 1, 4, 5 của Tỉnh ủy, chế độ sinh hoạt, chế độ đóng đảng phí... Từ năm 2005-2010, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã kiểm tra giám sát các Chi bộ Đảng và đảng viên cấp dưới hàng năm, đã nhận và giải quyết kịp thời 4 đơn đề nghị của công dân, xử lý kỷ luật khiển trách 3 đồng chí, đề nghị xóa tên khỏi danh sách đảng viên là 1 đồng chí.

Trong công tác dân vận, Đảng bộ thường xuyên nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân các dân tộc, giải quyết kịp thời các vấn đề mới nảy sinh ngay từ cơ sở, các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước được giải quyết kịp thời, làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền động viên nhân dân tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa, xóm văn hóa. Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án số 01 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Đề án số 304 giải quyết vốn hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, xây dựng công trình giếng nước, chuồng trại cho hộ nghèo dân tộc hưởng chương trình 134 theo đúng quy định của Nhà nước.

Đảng ủy đã lãnh đạo xây dựng nhà đại đoàn kết là 21 nhà, sửa chữa 9 nhà, xây dựng nhà theo Chương trình 134 là 29 nhà, nhà tình nghĩa là 3 nhà, nhà nhân đạo 3 nhà, xây dựng nhà theo chương trình 167 là 63 nhà. Ngoài ra, xã

còn hỗ trợ cho 38 hộ về xây dựng công trình phụ với số tiền là 20.720.000 đồng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Nhìn chung tình hình an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn được giữ vững, ổn định, nhân dân các dân tộc, tôn giáo đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các phong trào của địa phương phát động đạt kết quả cao, nhiều năm liền không có khiếu kiện đông người và vượt cấp.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước. Hội đồng nhân dân đã tổ chức được 12 kỳ họp, ban hành 42 nghị quyết về các lĩnh vực khác nhau, chất lượng các kỳ họp ngày càng được nâng lên. Các thành viên Hội đồng nhân dân đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng của các cử tri trước kỳ họp. Hội đồng nhân dân tổ chức tiếp xúc cử tri là 101 buổi và có 5.255 cử tri tham dự, tổng số ý kiến của cử tri gửi tới kỳ họp là 621 ý kiến về các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông thủy lợi, đất đai... đều được giải quyết kịp thời. Hội đồng nhân dân đã nhận 43 đơn thư khiếu nại, tố cáo, các đơn thư gửi đến đều được giải quyết kịp thời, không để khiếu kiện lên cấp trên. Đã tổ chức giám sát được 4 đợt về các lĩnh vực như thực hiện nghị quyết Hội đồng nhân dân, giám sát nguồn vốn đóng góp của học sinh,

các khoản đóng góp quỹ hàng năm của nhân dân. Các khoản chi hoạt động của các khu dân cư, các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ năm 2005-2009, đều được Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Mặt trận Tổ quốc giám sát thường xuyên nên không có tổ chức, cá nhân nào vi phạm.

Ủy ban nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân đã xây dựng chương trình công tác tháng, quý, năm và cả nhiệm kỳ. Phân công nhiệm vụ cụ thể, mỗi đồng chí đảm nhiệm công việc được giao, cán bộ chuyên trách, công chức có trình độ năng lực nhiệt tình trong công việc, làm tốt công tác chuyên môn, tham mưu cho Đảng ủy chính quyền địa phương. Duy trì tốt công tác giao ban hàng tháng để kiểm tra đánh giá các nhiệm vụ công tác trong tháng đã đề ra, công tác điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân đi vào nền nếp. Hàng năm, qua đánh giá đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh theo chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Công tác cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” đã đi vào nền nếp, công tác tiếp dân hàng ngày được giải quyết kịp thời nhanh gọn đúng với quy định của Nhà nước, không có vụ việc tồn đọng, không gây phiền hà cho nhân dân.

Công tác tổ chức sắp xếp cán bộ được công khai dân chủ theo đúng quy định, tác phong làm việc cán bộ đi vào nền nếp, thường trực giải quyết công việc đúng thời gian

quy định, thực hiện tốt cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, quan liêu, không có đồng chí nào vi phạm pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, không ngừng củng cố về tổ chức, đổi mới về nội dung, phương pháp hoạt động thu hút được đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia. Tích cực tham gia tuyên truyền đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, hưởng ứng và thực hiện ngày càng có hiệu quả cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*. Tích cực tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giữ vững trật tự an toàn xã hội, phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể, làm tốt công tác tình nghĩa, nhân đạo, từ thiện và công tác kế hoạch hóa gia đình. Năm 2005, Hội Chữ thập đỏ xã được thành lập, Hội phát huy tốt vai trò nòng cốt trong công tác nhân đạo, góp phần thực hiện tốt chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, giữ gìn và phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc. Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXII, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mục tiêu nghị quyết đề ra cơ bản được hoàn thành, một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội vượt kế hoạch, trên nhiều lĩnh vực có những

chuyển biến tích cực. Kinh tế tiếp tục phát triển và duy trì ở mức tăng trưởng khá. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển quan trọng. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng cao, hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, quốc phòng - an ninh luôn ổn định và giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố vững chắc, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Đạt được những thành tựu trên, trước hết là do sự tích cực đổi mới về phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, các nhiệm vụ trọng tâm được cụ thể hóa bằng các chương trình, đề án chỉ đạo trong cả nhiệm kỳ, đề ra những giải pháp mang tính đột phá nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời Đảng bộ xã luôn được sự quan tâm sát sao của Huyện ủy, sự chỉ đạo giúp đỡ của Ủy ban nhân dân huyện và các ban ngành đoàn thể huyện.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ xã Bản Ngoại còn tồn tại một số hạn chế như công tác lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu chuyển dịch mùa vụ chưa đồng đều, còn mang tính tự phát; việc lãnh đạo công tác chăn nuôi gia súc, gia cầm chưa được trở thành quy mô trang trại, chưa trở thành hàng hóa; các ban ngành đoàn thể hoạt động còn đơn lẻ, chậm đổi mới về phương pháp lãnh đạo, chưa thực sự phối kết hợp thành một khối để giúp nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ; một số ít cán bộ tác phong làm

việc chưa khoa học, giải quyết công việc còn chậm; một số đơn vị cơ sở tổ chức triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên còn chậm.

Những thành công cũng như hạn chế còn tồn tại là những bài học kinh nghiệm quý báu cho những năm tiếp theo. Đầu nhiệm kỳ, tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ đã xây dựng quy chế hoạt động, chương trình hành động cả nhiệm kỳ, phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí ủy viên, phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, tập trung trí tuệ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách lãnh đạo các lĩnh vực bằng nghị quyết. Ban Chấp hành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận, rèn luyện đạo đức lối sống, nâng cao vai trò tự phê bình và phê bình, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá phân loại chi bộ Đảng và đảng viên hàng năm, đảm bảo chất lượng, củng cố, kiện toàn, sắp xếp cán bộ phù hợp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, các chế độ chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, đánh giá sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết kịp thời, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên để phát triển mọi lĩnh vực.

Tóm lại, từ năm 2005-2010, Ban Chấp hành Đảng bộ đã thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nội bộ đoàn kết làm việc theo nguyên tắc tập trung, lãnh đạo, chỉ đạo bằng nghị quyết. Các đồng chí ủy viên trong Ban Chấp hành Đảng bộ luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành nghiêm sự

phân công của tổ chức, hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2005-2010), với các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh... xã đều hoàn thành vượt kế hoạch; lãnh đạo, chỉ đạo đúng hướng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế sát với tình hình thực tế ở địa phương, đời sống nhân dân ngày được nâng lên; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, cơ sở hạ tầng càng được đầu tư xây dựng và hoàn thiện quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hoạt động đi vào nền nếp, chất lượng, tham gia tích cực vào các phong trào của địa phương

Ngày 15-5-2010, Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII (2010-2015) được tiến hành, Đại hội đã đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại và rút ra các bài học kinh nghiệm. Đồng thời, Đại hội đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới như tiếp tục nâng cao năng lực phát triển bền vững, phấn đấu đưa công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn đến năm 2015.

Đại hội đề ra một số chỉ tiêu cơ bản: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15%.

Về sản xuất nông nghiệp, với tổng diện tích cả năm là 694,4ha, năng suất bình quân là 58 tạ/ha, tổng sản lượng có hạt là 4.225 tấn; thủy sản năm 2010 với diện tích là 16,3ha, năng suất đạt 1,6 tấn/ha, sản lượng 26,08 tấn. Đến năm 2015, tăng mỗi năm từ 5-10%; đàn gia cầm đến 2015

đạt 35.000 con, đàn trâu đến năm 2015 ổn định; đàn lợn đến năm 2015 đạt 4.000 con.

Về cây công nghiệp, cây chè cải tạo trồng mới là 50ha, năng suất đạt 70,84ha, với tổng sản lượng chè búp tươi là 1.670 tấn; giá trị công nghiệp - thủ công nghiệp - xây dựng trên địa bàn đạt 15 tỷ đồng.

Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng 15%; giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,01%; tạo việc làm cho 500 lao động; tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 3-5%; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 đạt từ 16-19 triệu đồng/năm; đến năm 2015, 100% các xóm có nhà văn hóa, số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa là 75%; xóm văn hóa 52%; cơ quan văn hóa đạt 100%, khu dân cư tiên tiến đạt 85%, xây dựng một mô hình làng văn hóa tiêu biểu, số buổi giao lưu văn nghệ 13 buổi/năm, tổ chức thể thao từ 2-3 lần/năm, xây dựng 8 câu lạc bộ thể thao.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng đề ra một số mục tiêu cơ bản trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng.

Đại hội đã bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng ủy. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Quý là Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, đồng chí Mai Công Bình là Phó Bí thư, được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Đàm Việt Bắc là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, các đồng chí Nguyễn Hữu Đông và Đỗ Văn Ngộ là Thường vụ.

Hiện nay, Đảng bộ xã Bản Ngoại có 250 đảng viên. Với những chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội được đề ra trong Đại hội đại biểu lần thứ XXIII của Đảng bộ xã Bản Ngoại, những thành tựu đã đạt được và đúc rút qua nhiều năm đổi mới quê hương sẽ là hành trang để Đảng bộ và nhân dân xã vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2010-2015), tin tưởng vào những thắng lợi mới trong giai đoạn tiếp theo.



Công sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bản Ngoại



Nghĩa trang liệt sỹ xã Bản Ngoại



Nhà văn hóa xóm Đầm Mua



Nhà văn hóa xóm Khâu Giang



Trường Mầm non xã Bản Ngoại



Trường Tiểu học xã Bản Ngoại



Trường Trung học cơ sở xã Bản Ngoại



Trạm Y tế xã Bản Ngoại



Mô hình phát triển kinh tế trồng cây vụ đông ở xã Bản Ngoại



Mô hình phát triển kinh tế trồng chè xuất khẩu



Đập vực Giang ở xã Bản Ngoại



Góc làng quê xã Bản Ngoại



*Ban Chấp hành Hội Phụ nữ xã Bản Ngoại
(nhiệm kỳ 2011-2016)*



*Hội đồng nhân dân xã Bản Ngoại khóa XVII
(nhiệm kỳ 2004-2009)*



*Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXII
(nhiệm kỳ 2005-2010)*



*Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII
(nhiệm kỳ 2010-2015)*

KẾT LUẬN

Bản Ngoại là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, tình làng nghĩa xóm khắc đậm từ bao đời nay. Con người nơi đây mang nhiều phẩm chất tốt đẹp: cần cù, chịu khó, hiếu học và đoàn kết, giúp đỡ nhau cả trong chiến tranh cũng như trong hòa bình. Cùng nhau xây dựng và bảo lưu những nét truyền thống văn hóa mà cha ông đã xây dựng.

Hơn bao giờ hết, những tinh hoa ấy tiếp tục được phát huy trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhân dân Bản Ngoại đi theo tiếng gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam, anh dũng đứng lên đập tan xiềng xích phong kiến tồn tại mấy ngàn năm và ách thống trị của thực dân, góp phần làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời, đã phải đương đầu với các thế lực “thù trong giặc ngoài”, lâm le bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, nhân dân xã Bản Ngoại đã chung sức, chung lòng “tự lực cánh sinh” cùng cả nước giữ vững thành quả cách mạng vừa mới giành được, ra sức xây dựng và bảo vệ quê hương.

Trải qua cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ chống thực dân Pháp, nhân dân Bản Ngoại đã vượt qua muôn ngàn khó khăn gian khổ, “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” ngay tại quê hương. Quân và dân Bản Ngoại đã không tiếc sức người, sức của, cùng nhân dân cả nước đóng góp vào chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 21-7-1954), đưa cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới: miền Bắc hòa bình tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhằm thống nhất Tổ quốc. Trong giai đoạn 1954-1975, với khẩu hiệu “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “tất cả để chiến thắng”, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại đã dũng cảm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ quê hương. Kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giao thông vận tải, chi viện sức người, sức của cho các chiến trường, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại tự hào đã làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Toàn xã đã đóng góp cho Nhà nước hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm; tiễn đưa nhiều người con ưu tú của quê hương lên đường nhập ngũ, đi thanh niên xung phong, chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường. Trong số đó có nhiều người đã anh dũng hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Trên mặt trận sản xuất, mặc dù liên tiếp bị thiên tai, địch họa, song quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa vẫn được củng cố và hoàn thiện, phong trào hợp tác hóa được giữ vững. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế luôn được quan tâm và cải thiện hơn trước. Những thành tựu và tiến bộ đó đã tạo ra động lực mạnh mẽ về chính trị, tinh thần và tiềm lực vật chất để Đảng bộ và nhân dân trong xã hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản của địa phương là sản xuất và chiến đấu.

Kết thúc chiến tranh, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, xây dựng lại quê hương, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, bước đầu xác lập cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên bước đường đổi mới, Đảng bộ Bản Ngoại không ngừng tìm tòi, xây dựng những mô hình, phát huy hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của quê hương, không ngừng nâng cao tiềm lực kinh tế của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân, tạo ra điều kiện cơ bản để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên cơ sở phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, củng cố hệ thống chính trị, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển với những kết quả đạt được trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế,

văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng cùng những yếu kém, thiếu sót còn tồn tại, Đảng bộ đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu.

Một là: Đảng bộ phải luôn quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của địa phương để tạo sự thống nhất trong nhận thức về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, trong nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

Thắng lợi đạt được trong những chặng đường lịch sử đã qua có mối quan hệ hữu cơ đối với kết quả của hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được đề cao, hiệu lực quản lý của chính quyền xã được phát huy, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được tăng cường. Đảng bộ Bản Ngoại luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở địa phương, nhất là trong những thời kỳ có tính chất bước ngoặt như: thời kỳ mới thành lập chính quyền sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Thời kỳ cải cách ruộng đất, thời kỳ xây dựng hợp tác xã, thời kỳ chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở những thời điểm đó, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân không dễ thống nhất. Nhưng Đảng bộ Bản Ngoại vẫn luôn quán triệt

đường lối, chủ trương của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh sự chỉ đạo của cấp trên. Nhờ vậy, trước những biến động phức tạp của tình hình, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại vẫn đoàn kết, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là: Chú trọng xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi mọi phong trào cách mạng ở địa phương.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương. Do đó, trong hoạt động của mình, Đảng bộ cần thường xuyên kiện toàn, nâng cao trí tuệ của Đảng, chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bồi dưỡng lý luận cách mạng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Thực tế trong hơn nửa thế kỷ qua, ở mỗi giai đoạn lịch sử Đảng bộ xã Bản Ngoại đã không ngừng được xây dựng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác giáo dục chính trị, công tác xây dựng Đảng luôn được coi trọng, chính vì vậy, trong mọi hoàn cảnh, đảng viên và quần chúng vẫn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, lấy tự phê bình và phê bình làm cơ sở để kịp thời sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng trong tình hình mới.

Công tác cán bộ cũng thường xuyên được quan tâm và coi là vấn đề then chốt. Hàng năm, Đảng bộ đã có kế hoạch cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là năng lực quản lý kinh tế, đồng thời căn cứ vào năng lực và phẩm chất của mỗi cán bộ, đảng viên để có sự phân công công tác một cách hợp lý. Vì vậy, Đảng bộ xã ngày càng lớn mạnh, nhiều năm liền Đảng bộ Bản Ngoại được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại đã đạt được hơn nửa thế kỷ qua còn nhờ vào sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và khối đoàn kết toàn dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi trong mắt mình”. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, Đảng bộ xã Bản Ngoại luôn coi trọng vấn đề đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và nhân dân từ ý chí đến hành động. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và trong dân chính là nguồn sức mạnh to lớn để địa phương vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu vươn lên thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi đất nước ta đang trên con đường đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là: Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu thích hợp để phát huy nguồn nội lực, khai thác mọi tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Thực tiễn đã chứng minh, không ít các địa phương có nhiều tiềm năng về kinh tế - xã hội nhưng không phát huy

được hiệu quả. Vì vậy, muốn biến tiềm năng thành hiện thực thì vấn đề cốt yếu là trong lãnh đạo, chỉ đạo phải phát hiện đúng từng khâu, từng lĩnh vực và tìm ra hình thức, phương pháp tác động cho phù hợp.

Đảng bộ xã Bản Ngoại dù trong những hoàn cảnh khó khăn nhất vẫn biết lựa chọn những hướng đi thích hợp nhằm đưa quê hương từng bước đi lên.

Nhận thức rõ nguồn lực địa phương chỉ là hữu hạn, nên Đảng bộ đã tìm mọi cách để tổ chức khai thác phù hợp làm cho mỗi tấc đất, mỗi mảnh vườn phải chuyển động theo nếp nghĩ của con người, phải tạo ra các giá trị sản phẩm ngày càng phù hợp hơn. Đảng bộ đã biết lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân phát huy các nghề truyền thống của xã. Phát huy được nhân tố con người tạo ra các động lực nội sinh đưa Bản Ngoại vượt qua sự khắc nghiệt của thiên nhiên, vượt qua những khó khăn của thời kỳ bao cấp với khủng hoảng kinh tế - xã hội trên bình diện cả nước, tạo nên đột phá mạnh mẽ trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Bốn là: Chú trọng việc chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Chặng đường lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước của Đảng bộ Bản Ngoại đã đúc kết ngày càng rõ hơn bài học kinh nghiệm về xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, toàn

dân và tinh thần chủ động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong toàn xã.

Nhận thức rõ chân lý đoàn kết là sức mạnh, là điều kiện của sự thành công, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ xã Bản Ngoại hết sức coi trọng việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất từ trong Đảng bộ đến nhân dân cả về ý chí, tư tưởng và hành động. Ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể, Đảng bộ luôn đi sâu, đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng, từ đó có biện pháp hợp lý, đem lại quyền lợi cho nhân dân. Vì vậy, dù phải trải qua những thời điểm lịch sử với nhiều biến cố gian nan, thử thách nhưng Đảng bộ vẫn vững vàng, duy trì được khối đoàn kết, thống nhất cao.

Ngày nay, trong giai đoạn cách mạng mới, trong hoàn cảnh mới đòi hỏi Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các ban ngành, đoàn thể của xã phải luôn gắn bó với nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân, thuyết phục và phát huy quyền làm chủ của mỗi người dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Thấy được mặt tích cực trong dân, mọi phong trào đều đi đến thắng lợi, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Năm là: Thường xuyên quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt đủ về số lượng và không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu cách mạng ở mọi thời kỳ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “*Cán bộ là gốc của mọi công việc*”, “*Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*”. Một trong những nguyên nhân chủ yếu đưa đến những thành quả của sự nghiệp cách mạng ở Bản Ngoại là nhờ một đội ngũ cán bộ luôn trung thành tuyệt đối với Đảng, hết mình phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, có tinh thần hy sinh, chịu đựng gian khổ, gần gũi với quần chúng nhân dân, dám nghĩ dám làm.

Một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có năng lực, trình độ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chỉ có thể được rèn luyện qua một quá trình lâu dài, tự tạo nguồn quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí hợp lý. Nói cách khác, phải có một chiến lược cán bộ đúng đắn qua các thời kỳ, trong đó vai trò chủ đạo của người đứng đầu cấp ủy là rất quan trọng. Trong công tác cán bộ, Đảng bộ luôn coi trọng và nâng cao chuẩn hóa về bằng cấp, không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng. Đồng thời đặt lên hàng đầu năng lực thực tiễn của cán bộ, lấy thực tiễn ở cơ sở làm môi trường rèn luyện và chọn lọc cán bộ.

Tự hào về những thành tích đạt được trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ quê hương, tiếp tục vận dụng và phát huy cao độ những bài học kinh nghiệm quý báu trên, Đảng bộ và nhân dân Bản Ngoại luôn hướng về tương lai để phấn đấu và luôn song cùng luôn nhận thức được những mặt còn tồn tại, yếu kém cần khắc phục. Bước vào thời kỳ đầy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là thời kỳ mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, Bản Ngoại còn không ít những khó khăn, thách thức. Thực tế đó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ra sức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo nhằm xây dựng Đảng bộ xã vững mạnh để lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới của Đảng, xây dựng Bản Ngoại trở thành xã có kinh tế - văn hóa phát triển, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

PHỤ LỤC

BRUNNEN

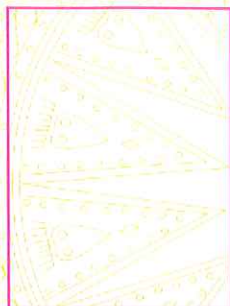
**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
ĐẢNG BỘ XÃ BẮN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ**



Triệu Công Minh
(4/1946 - 7/1947)



Triệu Minh Chính
(7/1947 - 1949, 1963 - 1964)



Phùng Ngọc Tương
(1949 - 1951)



Trương Văn Nhã
(1951 - 1953)



Hà Văn Bằng
(1954 - 1957)



Chu Văn Bái
(1957 - 1958)

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ**



Tạ Văn Dụ
(1958 - 1959)



Ngô Bằng
(1959 - 1961)



Nguyễn Đức Mậu
(1961 - 1962)



Lương Văn Mậu
(1964 - 1969)



Chu Văn Lương
(1969 - 1971)



Tạ Việt Cường
(1971 - 1973)

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ**



Nguyễn Văn Khuyên
(1973 - 1974)



Hoàng Văn Thường
(1974 - 1977)



Bế Viết Máy
(1977 - 1979)



Triệu Văn Hưng
(1979 - 1/1995, 2000 - 2005)



Lương Xuân Hỷ
(1/1995 - 1/1996)



Triệu Minh Khoa
(1/1996 - 2000)



Nguyễn Văn Quý*
(2005 - 2010,
2010 - 2015)

* Tại Đại hội Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII, đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 - 2015)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND XÃ BẮN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ



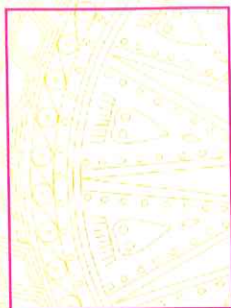
Lương Văn Mậu
(1946 - 1949, 1953,
1959 - 1960)



Nguyễn Văn Giá
(1949 - 1951)



Phùng Ngọc Tương
(1951)



Nguyễn Văn Mùi
(1952)



Nguyễn Bảo Sen
(1954 - 1958)



Triệu Văn Vự
(1958 - 1959)



Triệu Minh Chính
(1960 - 1961)



Ngô Bằng
(1961 - 1965)



Chu Văn Bái
(1965 - 1966)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ



Phạm Đình Trang
(1966 - 1969, 1982 - 5/1987)



Lương Văn Bạo
(1969 - 1976)



Phạm Văn Bắc
(1976 - 1979)



Nguyễn Văn Khuyên
(1979 - 1982)



Trần Xuân Độ
(5/1987 - 1992)



Mai Trọng Tuyển
(1992 - 12/1994)



Triệu Văn Hưng
(1994 - 2000)



Vũ Quang Thông
(2000 - 2010)



Mai Công Bình*
(2010 - 2015)

* Tại Đại hội Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII, đồng chí Mai Công Bình được bầu làm Phó Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 - 2015), sau đó được HĐND xã bầu làm Chủ tịch UBND xã.

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Quý

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban



Mai Công Bình

*Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch
UBND xã - Phó ban*



Đàm Việt Bắc

*Phó Bí thư Thường trực
Đảng ủy - Phó ban*



Đỗ Văn Ngo

*Trưởng Ban Tuyên giáo
Đảng ủy xã - Ủy viên*



Bùi Văn Vượng

*Phó Ban Tuyên giáo
Huyện ủy Đại Từ - Ủy viên*

BAN SƯU TẦM VÀ HIỆU ĐÍNH TƯ LIỆU



Đàm Việt Bắc

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã



Triệu Văn Hưng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã



Lương Xuân Hỷ

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã



Ngô Bằng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã



Triệu Văn Vự

Nguyên Chủ tịch UBND xã



*Hội thảo Khoa học Lịch sử Đảng bộ xã Bản Ngoại
(1946-2010)*



*Các đại biểu tham dự Hội thảo khoa học
Lịch sử Đảng bộ xã Bản Ngoại (1946-2010)*

**DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
XÃ BẢN NGOẠI**

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Năm	Rừng Lâm	Đã mất

**DANH SÁCH BÀ MẸ CÓ 2 CON LIỆT SỸ
XÃ BẢN NGOẠI**

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lịch	Đầm Bàng	Đã mất

**DANH SÁCH CÁC GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI NƯỚC
XÃ BẢN NGOẠI**

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Ghi chú
1	Triệu Khải Thịnh	Khâu Giang	Đã mất
2	Triệu Khải Hùng	Rừng Lâm	-
3	Đàm Thế Vy	Rừng Lâm	-
4	Lương Văn Kết	La Dạ	-
5	Lâm Văn Đắc	Phú Hạ	-

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH
MẠNG VÀ CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA
XÃ BẢN NGOẠI**

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Ghi chú
Cán bộ lão thành cách mạng			
1	Lương Văn Cẩm	Rừng Vân	Đã mất
Cán bộ tiền khởi nghĩa			
2	Nguyễn Văn Báu	Xóm Phổ	
3	Lương Văn Coong	Rừng Lâm	Đã mất
4	Trần Thị Ninh	Phú Hạ	
5	Hoàng Đình Thông	Xóm Phổ	Đã mất
6	Triệu Minh Trường	Đồng Ngõ	-
7	Nguyễn Văn Năng	Xóm Phổ	Liệt sỹ
8	Triệu Công Bằng	Khâu Giáo 1	Đã mất
9	Triệu Minh Chính	Khâu Giáo 2	-
10	Chu Văn Bái	Đầm Mua	-
11	Triệu Minh Tân	Phú Hạ	-
12	Lã Văn Nhuận	Ba Giăng	-
13	Nguyễn Hữu Cần	Rừng Lâm	-
14	Lương Văn Xuân	Ba Giăng	-
15	Mông Đình Thơ	Đồng Ngõ	-
16	Tạ Việt Cường	Khâu Giang	-
17	Lăng Viết Sáng	Phú Hạ	Liệt sỹ

CHI BỘ, ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

Các kỳ Đại hội	Năm Đại hội	Nhiệm kỳ	Ghi chú
Lần thứ I	1946	1946-1949	Đại hội Chi bộ
Lần thứ II	1949	1949-1951	-
Lần thứ III	1954	1954-1957	-
Lần thứ IV	1957	1957-1959	-
Lần thứ V	1959	1959-1961	-
Lần thứ VI	1961	1961-1964	-
Lần thứ VII	1964	1964-1966	-
Lần thứ VIII	1966	1966-1969	Đại hội Đảng bộ
Lần thứ IX	1969	1969-1971	-
Lần thứ X	1971	1971-1973	-
Lần thứ XI	1973	1973-1974	-
Lần thứ XII	1974	1974-1977	-
Lần thứ XIII	1977	1977-1979	-
Lần thứ XIV	1979	1979-1982	-
Lần thứ XV	1982	1982-1986	-
Lần thứ XVI	1986	1986-1989	-
Lần thứ XVII	1989	1989-1992	-
Lần thứ XVIII	1992	1992-1994	-
Lần thứ XIX	1994	1994-1995	-
Lần thứ XX	1995	1996-2000	-
Lần thứ XXI	2000	2000-2005	-
Lần thứ XXII	2005	2005-2010	-
Lần thứ XXIII	2010	2010-2015	-

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HIỆP HÒA KHÓA I (1946-1949)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Công Minh	Bí thư Chi bộ (4/1946 - 7/1947)
2	Triệu Minh Chính	Bí thư Chi bộ (7/1947 - 1949) kiêm Phó Chủ tịch UBND
3	Lương Văn Mậu	Chủ tịch UBND
4	Triệu Minh Hồ	Xã Đội trưởng
5	Triệu Minh Tân	Chính trị viên Xã đội
6	Hoàng Thị Niên	Bí thư Hội Phụ nữ
7	Nguyễn Văn Giá	Văn phòng UBND

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HIỆP HÒA KHÓA II (1949-1951)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phùng Ngọc Tương	Bí thư Chi bộ
2	Nguyễn Văn Giá	Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Khắc Thọ	Phó Chủ tịch UBND
4	Trần Văn Thìn	Văn phòng UBND
5	Nguyễn Cao Nguyên	Xã Đội trưởng
6	Trần Văn Định	Bí thư Đoàn Thanh niên
7	Trần Thị Ninh	Bí thư Hội Phụ nữ

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ VINH HÒA (1951-1953)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trương Văn Nhã	Bí thư Chi bộ
2	Phùng Ngọc Tương	Chủ tịch UBKCHC (1951)
3	Nguyễn Văn Mùi	Chủ tịch UBKCHC (1952)
4	Lương Văn Mậu	Chủ tịch UBKCHC (1953)
5	Triệu Minh Chính	Phó Chủ tịch UBKCHC
6	Nguyễn Hữu Ninh	Văn phòng UBKCHC
7	Nguyễn Cao Nguyên	Xã Đội trưởng
8	Trần Thị Ninh	Bí thư Hội Phụ nữ

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA III (1954-1957)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Văn Bằng	Bí thư Chi bộ
2	Nguyễn Bảo Sơn	Chủ tịch UBHC
3	Đỗ Văn Tộ	Phó Chủ tịch UBHC
4	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
5	Nguyễn Cao Nguyên	Xã Đội trưởng
6	Dương Thị Năm	Bí thư Hội Phụ nữ
7	Nguyễn Văn Ất	Chủ tịch MTTQ
8	Ngô Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA IV (1957-1959)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Chu Văn Bái	Bí thư Chi bộ (1957-1958)
2	Tạ Văn Dụ	Bí thư Chi bộ (1958-1959)
3	Nguyễn Bảo Sen	Chủ tịch UBHC (1957-1958)
4	Triệu Văn Vự	Chủ tịch UBHC (1958-1959)
5	Lương Văn Mậu	Phó Chủ tịch UBHC (1957-1958)
6	Đỗ Văn Tộ	Phó Chủ tịch UBHC (1958-1959)
7	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
8	Nguyễn Cao Nguyên	Xã Đội trưởng
9	Ngô Bằng	Bí thư Đoàn TN (1957-1958)
10	Bùi Đình Đoán	Bí thư Đoàn TN (1958-1959)
11	Dương Thị Năm	Bí thư Hội Phụ nữ
12	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA V (1959-1961)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Bằng	Bí thư Chi bộ
2	Lương Văn Mậu	Chủ tịch UBHC (1959-1960)
3	Triệu Minh Chính	Chủ tịch UBHC (1960-1961)
4	Ngô Văn Lựa	Phó Chủ tịch UBHC (1959-1960)
5	Triệu Tân An	Phó Chủ tịch UBHC (1960-1961) Trưởng Công an xã
6	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
7	Vi Văn Sùng	Xã Đội trưởng
8	Bùi Đình Đoán	Bí thư Đoàn TN (1959-1960)
9	Nguyễn Thị Bình	Bí thư Đoàn TN (1960-1961)
10	Hoàng Thị Đào	Bí thư Hội Phụ nữ
11	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA VI (1961-1964)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Mậu	Bí thư Chi bộ (1961-1962)
2	Triệu Minh Chính	Bí thư Chi bộ (1963-1964)
3	Ngô Bằng	Chủ tịch UBHC
4	Triệu Tân An	Phó Chủ tịch UBHC (1961-1962) Trưởng Công an xã
5	Ngô Văn Lụa	Phó Chủ tịch UBHC (1962-1964)
6	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC (1961-1962)
7	Triệu Xuân Tô	Văn phòng UBHC (1962-1964)
8	Vi Văn Sùng	Xã Đội trưởng (1961-1963)
9	Chu Văn Lường	Xã Đội trưởng (1963-1964)
10	Nguyễn Thị Bình	Bí thư Đoàn TN (1961-1962)
11	Bùi Đình Đoán	Bí thư Đoàn TN (1962-1964)
12	Hoàng Thị Đào	Bí thư Hội Phụ nữ (1961-1963)
13	Hoàng Thị Niên	Bí thư Hội Phụ nữ (1963-1964)
14	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA VII (1964-1966)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lương Văn Mậu	Bí thư Chi bộ
2	Ngô Bằng	Chủ tịch UBHC (1964-1965)
3	Chu Văn Bái	Chủ tịch UBHC (1965-1966)
4	Triệu Tân An	Phó Chủ tịch UBHC, Trưởng Công an xã (1964-1965)
5	Hoàng Văn Chí	Phó Chủ tịch UBHC (1965-1966)
6	Phùng Thị Dưỡng	Phó Chủ tịch UBHC (1965-1966)
7	Triệu Xuân Tô	Văn phòng UBHC (1964-1965)
8	Nguyễn Văn Báu	Văn phòng UBHC (1965-1966)
9	Chu Văn Lương	Xã Đội trưởng
10	Triệu Văn Lâm	Bí thư Đoàn TN
11	Trần Thị Lý	Bí thư Hội Phụ nữ
12	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ XÃ
HÙNG CƯỜNG KHÓA VIII (1966-1969)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lương Văn Mậu	Bí thư Đảng ủy
2	Phạm Đình Trang	Chủ tịch UBHC
3	Hoàng Văn Chí	Phó Chủ tịch UBHC, Trưởng Công an xã (1966-1968)
4	Phùng Thị Dưỡng	Phó Chủ tịch UBHC (1966-1968)
5	Vũ Văn Hồ	Phó Chủ tịch UBHC (1968-1969)
6	Bế Viết Máy	Phó Chủ tịch UBHC, Trưởng Công an (1968-1969)
7	Chu Văn Lường	Xã Đội trưởng (1966-1967)
8	Nguyễn Văn Khuyên	Xã Đội trưởng (1967-1969)
9	Triệu Hợp	Bí thư Đoàn TN (1968-1969)
10	Trần Thị Lý	Bí thư Hội Phụ nữ
11	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ
12	Triệu Văn Lâm	Bí thư Đoàn TN (1966-1967)
13	Nguyễn Văn Báu	Văn phòng UBHC (1966-1967)
14	Hoàng Hữu Chí	Văn phòng UBHC (1967-1969)

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA IX (1969-1971)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Chu Văn Lường	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Văn Bạo	Chủ tịch UBHC
3	Bế Viết Máy	Phó Chủ tịch UBHC, Trưởng CA xã
4	Vũ Văn Hồ	Phó Chủ tịch UBHC
5	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
6	Nguyễn Văn Khuyên	Xã Đội trưởng (1969-1970)
7	Nguyễn Văn Quy	Xã Đội trưởng (1970-1971)
8	Nguyễn Thị Cải	Bí thư Đoàn TN (1969-1970)
9	Vũ Thị Chanh	Bí thư Đoàn TN (1970-1971)
10	Trần Thị Lý	Bí thư Hội Phụ nữ
11	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA X (1971-1973)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tạ Việt Cường	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Văn Bạo	Chủ tịch UBHC
3	Bê Viết Máy	Phó Chủ tịch UBHC, Trưởng CA xã
4	Vũ Văn Hồ	Phó Chủ tịch UBHC
5	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
6	Triệu Văn Hợp	Xã Đội trưởng
7	Nguyễn Minh Lập	Bí thư Đoàn TN
8	Trần Thị Lý	Bí thư Hội Phụ nữ
9	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA XI (1973-1974)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Khuyên	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Văn Bạo	Chủ tịch UBHC
3	Bế Viết Máy	P.Chủ tịch UBHC, Trưởng CA xã
4	Vũ Văn Hồ	Phó Chủ tịch UBHC
5	Hoàng Văn Thường	Văn phòng UBHC
6	Mai Trọng Tuyên	Xã Đội trưởng
7	Nguyễn Minh Lập	Bí thư Đoàn TN
8	Ngô Thị Bích Liên	Bí thư Hội Phụ nữ
9	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ HÙNG CƯỜNG KHÓA XII (1974-1977)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Thường	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Văn Bạo	Chủ tịch UBHC (1974-1976)
3	Phạm Văn Bắc	Chủ tịch UBND (1976-1977)
4	Bế Viết Máy	P.Chủ tịch UBND, Trưởng CA xã
5	Bùi Đình Đoán	Văn phòng UBHC (1974-1976)
6	Mai Trọng Tuyển	Xã Đội trưởng
7	Nguyễn Minh Lập	Bí thư Đoàn TN
8	Ngô Thị Bích Liên	Bí thư Hội Phụ nữ (1974-1975)
9	Nguyễn Thị Tự	Bí thư Hội Phụ nữ (1975-1977)
10	Vũ Văn Hồ	Văn phòng UBND (1976-1977)
11	Nguyễn Thanh Phong	Địa chính xã
12	Triệu Công Bằng	Chủ tịch MTTQ

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XIII (1977-1979)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bế Viết Máy	Bí thư Đảng ủy
2	Phạm Văn Bắc	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3	Mai Trọng Tuyển	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
4	Triệu Minh Khoa	Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an xã
5	Lục Văn Bào	Thường vụ, Xã Đội trưởng
6	Vũ Văn Hồ	Ủy viên, Văn phòng UBND
7	Nguyễn Thị Tụ	Ủy viên, Bí thư Hội Phụ nữ
8	Triệu Văn Hưng	Ủy viên, Bí thư Đoàn Thanh niên
9	Nguyễn Văn Khuyên	UV, Chủ nhiệm cửa hàng mua bán
10	Chu Văn Lường	UV, Bí thư Chi bộ Trung Phú
11	Phạm Đình Trang	UV, Chủ nhiệm HTX Thanh Giang
12	Triệu Văn Hợp	UV, Chủ nhiệm HTX Trung Phú
13	Hoàng Văn Thường	UV, Chủ tịch MTTQ
14	Nguyễn Thanh Phong	Địa chính xã

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XIV (1979-1982)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Văn Khuyên	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3	Mai Trọng Tuyển	TV, CN HTX toàn xã Hùng Cường
4	Trần Văn Tuất	TV, Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an xã
5	Phạm Đình Trang	Thường vụ, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
6	Trần Xuân Độ	UV, Xã Đội trưởng
7	Nguyễn Kim	Ủy viên, Hiệu trưởng trường cấp I+II
8	Phạm Văn Bắc	Ủy viên
9	Triệu Văn Hợp	Văn phòng UBND
10	Triệu Xuân Tô	UV, Chủ nhiệm cửa hàng mua bán
11	Vũ Văn Sang	UV, Bí thư Chi bộ Đình Thanh
12	Tạ Đăng Cát	Ủy viên
13	Hoàng Văn Thường	Chủ tịch MTTQ
14	Phạm Văn Ty	Bí thư Đoàn TN
15	Nguyễn Thị Tự	Bí thư Hội Phụ nữ
16	Nguyễn Thanh Phong	Địa chính

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XV (1982-1986)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Tạ Đăng Cát	Phó BTTTT kiêm CT HND (tháng 10-1983)
3	Phạm Đình Trang	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
4	Trần Văn Tuế	TV, PCT UBND, Trưởng Công an
5	Trần Xuân Độ	Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND
6	Bế Viết Máy	Ủy viên, Chủ tịch MTTQ
7	Nguyễn Thị Tụ	Ủy viên, Bí thư Hội phụ nữ
8	Phạm Văn Tỵ	Ủy viên, Bí thư Đoàn Thanh niên
9	Triệu Văn Hợp	UV, Văn phòng UBND (1982-1984)
10	Triệu Xuân Tô	UV, Văn phòng UBND (1984-1986)
11	Vũ Văn Sang	Ủy viên, Bí thư Chi bộ Đình Thanh
12	Chu Văn Lường	UV, Chủ nhiệm HTX Trung Phú
13	Lương Văn Bạo	UV, Chủ nhiệm HTX Thanh Giang
14	Hoàng Văn Hòa	Ủy viên Ủy ban, phụ trách VH-XH
15	Nguyễn Văn Thái	Xã Đội trưởng
16	Nguyễn Thanh Phong	Địa chính
17	Mai Công Bình	Ủy viên Ủy ban, phụ trách tài chính

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XVI (1986-1989)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Tạ Đăng Cát	Phó BTTTT kiêm Chủ tịch Hội ND
3	Phạm Đình Trang	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND (1986-5/1987)
4	Trần Xuân Độ	Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND. Từ tháng 5-1987 là Chủ tịch UBND
5	Trần Văn Tuế	UV, PCT UBND, Trưởng CA (1986-1987)
6	Triệu Văn Hợp	Ủy viên, PCT UBND
7	Triệu Xuân Tô	Ủy viên, Văn phòng UBND
8	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên, Xã Đội trưởng
9	Lê Đức Minh	Ủy viên, BT Đoàn TN (1986-1988)
10	Lương Văn Thành	Ủy viên, BT Đoàn TN (1988-1989)
11	Chu Văn Lường	Ủy viên, CN HTX Trung Phú
12	Vũ Văn Sang	UV, CN HTX Đình Thanh
13	Nguyễn Hữu Thụ	UV, CN HTX Thanh Giang

14	Nguyễn Thị Tụ	UV, Bí thư Hội PN xã (1986-1988)
15	Lăng Thị Minh	Bí thư Hội PN xã (1988-1989)
16	Ngô Bằng	Chủ tịch MTTQ xã
17	Phạm Văn Oanh	PCT UBND, Trưởng CA (1987-1989)
18	Chu Văn Sinh	Văn hóa - xã hội
19	Triệu Văn Bằng	Giao thông thủy lợi kiêm địa chính
20	Nguyễn Thanh Phong	Địa chính
21	Mai Công Bình	Tài chính
22	Nguyễn Văn Quý	UVUB, phụ trách thống kê (1987-1989)

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XVII (1989-1992)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Xuân Hỷ	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
3	Trần Xuân Độ	TV, PBT, CT UBND (1987-1989), Thư ký HĐND đến tháng 12-1990
4	Nguyễn Hữu Thụ	TV, PCT UBND, Trưởng Công an xã
5	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên, Xã Đội trưởng
6	Triệu Xuân Tô	Ủy viên, Văn phòng UBND
7	Ngô Bằng	Ủy viên, Chủ tịch MTTQ
8	Lê Đức Minh	UV, quyền Chủ nhiệm HTX Trung Phú, Thư ký HĐND (1/1991-1992)
9	Mai Trọng Tuyển	UV, Chủ tịch UBND xã (12/1989-1992)
10	Trần Văn Tuất	UV, Chủ tịch Hội Nông dân
11	Triệu Minh Khoa	Ủy viên, Bí thư Chi bộ Trung Phú
12	Nguyễn Đức Chí	Ủy viên, UV BCH Phụ nữ xã
13	Trịnh Quang Đam	Ủy viên, CN HTX Đình Thanh
14	Tô Thị Sao	Bí thư Hội Phụ nữ
15	Tạ Đăng Cát	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (1991-1992)
16	Triệu Văn Lợi	Bí thư Đoàn Thanh niên (1989-1991)
17	Nguyễn Văn Vinh	Bí thư Đoàn Thanh niên (1991-1992)
18	Đỗ Văn Đát	Kế toán tài chính
19	Chu Văn Sinh	Văn hóa - xã hội
20	Nguyễn Văn Đán	Giao thông thủy lợi
21	Nguyễn Hồng Long	Phó Ban TBXH
22	Nguyễn Trường Huân	Địa chính

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XVIII (1992-1994)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Lương Xuân Hỷ	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
3	Mai Trọng Tuyển	Thường vụ, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
4	Nguyễn Hữu Thụ	Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an
5	Ngô Bằng	TV, Chủ tịch MTTQ
6	Triệu Minh Khoa	Ủy viên, BT Chi bộ Trung Phú
7	Lê Đức Minh	Ủy viên, quyền CN HTX Trung Phú, Thư ký HĐND (1992)
8	Trịnh Quang Đàm	Ủy viên, CN HTX Đình Thanh, Thư ký HĐND (1993-1994)
9	Triệu Văn Hợp	Ủy viên, Văn phòng UBND
10	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên, Xã Đội trưởng
11	Nguyễn Thị Phương Oanh	Ủy viên, Hiệu trưởng trường cấp I+II
12	Vũ Quang Thông	Ủy viên, Phó Công an
13	Trần Xuân Độ	Ủy viên
14	Triệu Văn Tấn	Bí thư Đoàn TN
15	Tạ Đăng Cát	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

16	Tô Thị Sao	Bí thư Hội Phụ nữ (1992-1993)
17	Trần Thị Dung	Bí thư Hội Phụ nữ (1993-1994)
18	Nguyễn Trường Huân	Địa chính
19	Đỗ Văn Đát	Tài chính kế toán
20	Nguyễn Văn Đán	Giao thông thủy lợi
21	Chu Văn Sinh	Văn hóa - xã hội
22	Nguyễn Hồng Long	Phó Ban TBXH
23	Trần Văn Tuế	CT Hội Nông dân (1992-1993)
24	Nguyễn Văn Quý	CT Hội Nông dân (1993-1994)

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XIX (1994-1995)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy (1994-1995)
2	Lương Xuân Hỷ	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bí thư Đảng ủy (1995-1996)
3	Mai Trọng Tuyển ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
4	Vũ Quang Thông	TV, Phó CA, Trưởng CA (từ tháng 1-1995)
5	Nguyễn Hữu Thụ	TV, Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an xã (đến tháng 12-1994)
6	Trịnh Quang Đàm	Ủy viên, Thư ký HĐND
7	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên, Xã Đội trưởng
8	Lê Đức Minh	Ủy viên, Văn phòng UBND
9	Triệu Minh Khoa	TV, Thường trực Đảng ủy (1/1995-1996)
10	Trần Thị Chu	UV, Bí thư Hội Phụ nữ (1995-1996)
11	Nguyễn Văn Quý	UV, Chủ tịch Hội Nông dân
12	Triệu Phong	Ủy viên, phụ trách địa chính
13	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên, Chủ tịch MTTQ xã
14	Triệu Văn Tấn	Bí thư Đoàn TN
15	Tạ Đăng Cát	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
16	Nguyễn Hữu Viên	Giao thông thủy lợi
17	Mai Công Bình	Tài chính
18	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán ngân sách

1. Từ tháng 12-1994, bàn giao cho đồng chí Triệu Văn Hưng.

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XX (1996-2000)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Minh Khoa	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND
2	Triệu Văn Hưng	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Văn Quý	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, (1999 - 3/2001 - PCT UBND kiêm Trưởng CA xã)
4	Vũ Quang Thông	TV, P.Chủ tịch UBND, Trưởng CA
5	Nguyễn Kim	TV, Chủ tịch MTTQ
6	Trần Thị Chu	Ủy viên BCH, Chủ tịch Hội Phụ nữ
7	Trịnh Quang Đàm	Ủy viên BCH, Phó Chủ tịch HĐND
8	Lương Xuân Hỷ	UV BCH, PCT MTTQ, CT Hội Người cao tuổi
9	Lê Đức Minh	Ủy viên BCH, Văn phòng UBND
10	Triệu Phong	UV BCH, phụ trách địa chính, VH-XH
11	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên BCH, Xã Đội trưởng
12	Lương Văn Thành	Ủy viên BCH, Bí thư Chi bộ Rừng Lâm
13	Nguyễn Văn Thông	Ủy viên BCH Hiệu trưởng trường Tiểu học
14	Triệu Văn Tấn	Bí thư Đoàn TN

STT	Họ và tên	Chức vụ
15	Nguyễn Văn Thực	Xã Đội phó, phụ trách TBXH
16	Tạ Đăng Cát	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
17	Nguyễn Hữu Viên	Giao thông thủy lợi
18	Đỗ Văn Ngọ	Chủ tịch Hội Nông dân
19	Mai Công Bình	Tài chính
20	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán ngân sách (1996-1998)
21	Triệu Thị Xuân	Kế toán ngân sách (1998-2000)

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XXI (2000-2005)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Triệu Văn Hưng	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND
2	Vũ Quang Thông	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Văn Quý	Phó Bí thư TT Đảng ủy
4	Nguyễn Kim	Thường vụ, Chủ tịch MTTQ
5	Lê Đức Minh	TV, Phó Chủ tịch UBND
6	Nguyễn Thái Hùng	UV BCH, Trưởng Công an
7	Trần Thị Chu	UV BCH, Chủ tịch Hội Phụ nữ
8	Nguyễn Thị Thu	UV BCH, Hiệu trưởng trường THCS
9	Nguyễn Văn Hải	UV BCH, Bí thư Đoàn TN xã (2004-2005)
10	Trịnh Quang Đàm	UV BCH, Phó Chủ tịch HĐND
11	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên BCH, Xã Đội trưởng
12	Đỗ Văn Ngọ	UV BCH, CT Hội Nông dân
13	Triệu Văn Cáp	Ủy viên BCH, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
14	Nguyễn Ngọc Thông	Ủy viên BCH, Hiệu trưởng trường Tiểu học

15	Nguyễn Thị Phương Oanh	Ủy viên BCH, Bí thư Chi bộ Ba Giảng
16	Mai Công Bình	Giao thông thủy lợi
17	Nguyễn Thị Tươi	Kế toán ngân sách
18	Hoàng Văn Dũng	Bí thư Đoàn TN (2000-2004)
19	Đinh Thị Mai	Văn phòng UBND
20	Triệu Văn Trình	Địa chính
21	Nguyễn Hữu Viên	Văn hóa - xã hội kiêm tài chính (2000-2003), PCT UBND (2004-2005)
22	Nguyễn Khắc Hà	Văn phòng kiểm tư pháp
23	Triệu Văn Tấn	Hộ tịch, hộ khẩu
24	Lương Xuân Hỷ	Chủ tịch Hội Người cao tuổi

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XXII (2005-2010)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Quý	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND
2	Vũ Quang Thông	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Hữu Viên	Thường trực Đảng ủy (đến tháng 2-2009) CT MTTQ (từ tháng 11-2008)
4	Nguyễn Thị Thu	Ủy viên BCH, Hiệu trưởng trường THCS
5	Lê Đức Minh	Ủy viên BCH, Phó Chủ tịch UBND
6	Trịnh Quang Đàm	Ủy viên BCH, Chủ tịch MTTQ (tháng 10-2008 nghỉ)
7	Hoàng Văn Dũng	Ủy viên BCH, Trưởng Công an
8	Mai Công Bình	UV BCH, PCT UBND
9	Đàm Việt Bắc	Ủy viên BCH, Chủ tịch Hội ND Từ tháng 2-2009 là Thường trực Đảng ủy
10	Nguyễn Thái Hùng	Ủy viên BCH, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
11	Nguyễn Văn Hải	Ủy viên BCH, cán bộ văn hóa
12	Nguyễn Đức Chí	Ủy viên BCH, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ
13	Triệu Tấn	Ủy viên BCH, Phó Công an
14	Nguyễn Văn Thái	Xã Đội trưởng

15	Đinh Thị Mai	Văn phòng UBND
16	Lê Văn Năm	Văn phòng UBND
17	Trần Thị Chu	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
18	Chu Quang Hưng	Bí thư Đoàn TN
19	Phạm Đình Tuyên	Chủ tịch Hội Nông dân từ tháng 2-2009
20	Đỗ Văn Ngộ	Phó Chủ tịch HĐND
21	Nguyễn Thị Tươi	Kế toán ngân sách
22	Triệu Văn Trình	Địa chính
23	Nguyễn Khắc Hà	Tư pháp
24	Lương Xuân Hỷ	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
25	Nguyễn Anh Dũng	CT Hội nạn nhân chất độc da cam
26	Vi Thị Yến	VP Đảng ủy từ tháng 10-2008

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, CÁC
CHỨC DANH ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ BẢN NGOẠI KHÓA XXIII (2010-2015)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Quý	Bí thư Đảng ủy - CT HĐND xã
2	Mai Công Bình	Phó Bí thư - CT UBND xã
3	Đàm Việt Bắc	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
4	Nguyễn Hữu Đông	TV - PCT UBND
5	Đỗ Văn Ngộ	TV - Chủ tịch Hội CCB kiêm Trưởng Ban Tuyên giáo xã
6	Nguyễn Thái Hùng	UV BCH, PCT HĐND
7	Hoàng Văn Dũng	UV BCH, Trưởng Công an xã
8	Triệu Hồ Quang	UV BCH, PCT UBND
9	Chu Thị Dinh	UV BCH, CT Hội Liên hiệp PN
10	Chu Quang Hưng	UV BCH, Bí thư Đoàn TN
11	Nguyễn Đức Chí	UV BCH, CT Hội Chữ thập đỏ
12	Vì Viết Linh	UV BCH, BT CB Khâu Giáo 2
13	Đinh Thị Mai	UV BCH, Văn phòng UBND
14	Nguyễn Thị Thu	UV BCH, Hiệu trưởng trường THCS (chuyên công tác tháng 6-2012)

15	Nguyễn Văn Hùng	UV BCH, PCT MTTQ
16	Lê Văn Năm	UV BCH, Văn phòng UBND (bầu bổ sung tháng 6-2012)
17	Nguyễn Khắc Hà	Cán bộ tư pháp
18	Phạm Đình Bắc	Xã Đội trưởng
19	Phạm Đình Tuyên	CT Hội Nông dân
20	Dương Thị Thu Hà	Cán bộ địa chính
21	Nguyễn Thị Tươi	Kế toán ngân sách đến tháng 6-2012
22	Đinh Thị Tuyên	Kế toán ngân sách từ tháng 6-2012
23	Nguyễn Văn Hải	Cán bộ văn hóa, Phó Ban TBXH
24	Triệu Văn Tấn	Cán bộ tư pháp
25	Triệu Văn Tấn	Phó Công an phụ trách hộ khẩu
26	Vi Thị Yến	Văn phòng Đảng ủy
27	Lương Xuân Hỷ	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
28	Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch Hội NNCĐDC
29	Trần Thị Chu	CT Hội Cựu TNXP
30	Nguyễn Đức Hạnh	CT Hội Khuyến học

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Triệu Công Minh	4/1946-7/1947	
2	Triệu Minh Chính	7/1947-1949	
3	Phùng Ngọc Tương	1949-1951	
4	Trương Văn Nhã	1951-1953	
5	Hà Văn Bằng	1954-1957	
6	Chu Văn Bái	1957-1958	
7	Tạ Văn Dụ	1958-1959	
8	Ngô Bằng	1959-1961	
9	Nguyễn Đức Mậu	1961-1962	
10	Triệu Minh Chính	1963-1964	
11	Lương Văn Mậu	1964-1969	
12	Chu Văn Lường	1969-1971	
13	Tạ Việt Cường	1971-1973	
14	Nguyễn Văn Khuyên	1973-1974	
15	Hoàng Văn Thường	1974-1977	
16	Bế Viết Máy	1977-1979	

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
17	Triệu Văn Hưng	1979-1/1995	
18	Lương Xuân Hỷ	1/1995-1/1996	
19	Triệu Minh Khoa	1/1996-2000	
20	Triệu Văn Hưng	2000-2005	
21	Nguyễn Văn Quý ¹	2005-2015	

1. Tại Đại hội Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII, đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010-2015).

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND
XÃ BẢN NGOẠI QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lương Văn Mậu	1946-1949	
2	Nguyễn Văn Giá	1949-1951	
3	Phùng Ngọc Tương	1951	
4	Nguyễn Văn Mùi	1952	
5	Lương Văn Mậu	1953	
6	Nguyễn Bảo Sen	1954-1958	
7	Triệu Văn Vự	1958-1959	
8	Lương Văn Mậu	1959-1960	
9	Triệu Minh Chính	1960-1961	
10	Ngô Bằng	1961-1965	
11	Chu Văn Bái	1965-1966	
12	Phạm Đình Trang	1966-1969	
13	Lương Văn Bạo	1969-1976	
14	Phạm Văn Bắc	1976-1979	
15	Nguyễn Văn Khuyên	1979-1982	
16	Phạm Đình Trang	1982-5/1987	

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
17	Trần Xuân Độ	5/1987-1992	
18	Mai Trọng Tuyển	1992-12/1994	
19	Triệu Văn Hưng	1994-2000	
20	Vũ Quang Thông	2000-2010	
21	Mai Công Bình ¹	2010-2015	

1. Tại Đại hội Đảng bộ xã Bản Ngoại lần thứ XXIII, đồng chí Mai Công Bình được bầu làm Phó Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010-2015). Sau đó được HĐND xã bầu làm Chủ tịch UBND xã.

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN XÃ BẢN NGOẠI ĐƯỢC
TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG**

STT	Họ và tên	Quê quán	Ghi chú
Đảng viên 60 năm tuổi Đảng			
1	Triệu Văn Vụ	Đồng Ngõ	
2	Triệu Minh Trường	Đồng Ngõ	từ trần
3	Hoàng Thị Niên	Khâu Giáo 2	từ trần
4	Hoàng Đình Thông	Xóm Phố	từ trần
5	Đỗ Viết Đông	La Mật	từ trần
6	Lê Thị Minh	Phú Hạ	
Đảng viên 55 năm tuổi Đảng			
7	Tạ Đăng Cát	Đầm Bàng	
8	Phạm Đình Trang	Rừng Vần	
9	Nguyễn Văn Đề	Đầm Bàng	
Đảng viên 50 năm tuổi Đảng			
10	Triệu Văn Ninh	Khâu Giang	từ trần
11	Quyền Đình Phương	Đầm Bàng	
12	Ngô Bằng	Ba Giếng	
13	Đinh Ngọc Kiến	Rừng Vần	
14	Tạ Văn Dụ	Ninh Giang	từ trần
15	Triệu Khải Thịnh	Khâu Giang	từ trần
16	Tạ Việt Cường	Khâu Giang	từ trần
17	Ngô Văn Lựa	Xóm Phố	từ trần

18	Lương Xuân Cầm	Rừng Vần	từ trần
19	Mông Đình Thơ	Phú Hạ	từ trần
20	Triệu Minh Tân	Phú Hạ	từ trần
21	Lưu Úc Thân	Phú Hạ	từ trần
Đảng viên 40 năm tuổi Đảng			
22	Triệu Khang	Phú Hạ	từ trần
23	Triệu Vượng	Khâu Giáo 2	
24	Nguyễn Quang Nạp	Lê Lợi	
25	Đặng Văn Hùng	Khâu Giáo 2	từ trần
26	Triệu Minh Thịnh	Phú Hạ	
27	Nguyễn Hồng Long	Phú Hạ	
28	Trần Văn Tuế	Rừng Lâm	
29	Triệu Hưng	Khâu Giáo 2	
30	Đỗ Xuân Diệu	Vai Cày	
31	Hoàng Trung Thuỷ	Phú Hạ	
32	Triệu Sơn	Đầm Mua	
33	Hoàng Văn Phúc	Khâu Giáo 2	
34	Hoàng Thị Thu	Khâu Giáo 2	
35	Triệu Văn Phòng	Khâu Giang	
36	Lục Minh Quang	Khâu Giang	
37	Bùi Đình Đoán	Khâu Giang	
38	Triệu Minh Khoa	Khâu Giang	
39	Lý Văn Tàn	Đồng Ngõ	
40	Ngô Thanh Lương	Xóm Phố	

41	Nguyễn Kim	Cao Khản	
42	Hoàng Trung Lương	Cao Khản	
43	Triệu Thị Hoa	La Dạ	
44	Phạm Hồng Thịnh	La Dạ	
45	Trần Thị Chu		
46	Nguyễn Văn Tám	Lê Lợi	
47	Trần Thị Sáp	Lê Lợi	
48	Triệu Minh Lê	Rừng Lâm	
49	Lương Xuân Hỷ	Rừng Lâm	
50	Triệu Minh Thượng	Rừng Lâm	
51	Nguyễn Thị Cải	Rừng Lâm	
52	Nguyễn Hữu Lộc	Lê Lợi	
53	Ma Đình Khoa	Quang Trung	
54	Chu Văn Bái	Đầm Mua	từ trần
55	Triệu Lâm	Đầm Mua	từ trần
56	Nông Thiệu Minh	Khâu Giáo 2	từ trần
57	Hoàng Văn Thương	Khâu Giáo 2	từ trần
58	Triệu Minh Chính	Khâu Giáo 1	từ trần
59	Đàm Văn Kiên	Khâu Giáo 1	từ trần
60	Triệu Xuân Tô	Khâu Giáo 1	từ trần
61	Triệu Văn Giáp	Quang Trung	từ trần
62	Lương Văn Viên	Rừng Vắn	từ trần

63	Nguyễn Văn Thành	Rừng Vần	từ trần
64	Triệu Khải Hữu	Đồng Ngõ	từ trần
65	Nguyễn Hữu Cần	Rừng Lâm	từ trần
66	Lương Văn Bạo	Rừng Lâm	từ trần
67	Phạm Văn Lung	La Dạ	từ trần
68	Hoàng Văn Dấu	La Dạ	từ trần
69	Vũ Văn Sang	La Mận	từ trần
70	Vũ Văn Hồ	La Mận	từ trần
71	Nguyễn Văn Vĩnh	Cao Khản	từ trần
72	Nguyễn Văn Gia	Cao Khản	từ trần
73	Triệu Việt Yên	Khâu Giang	từ trần
74	Lương Văn Lâm	La Dạ	từ trần
Đảng viên 30 năm tuổi Đảng			
75	Nguyễn Thị Lâm	Phú Hạ	
76	Triệu Tuấn Minh	Khâu Giáo 2	
77	Đinh Văn Hưng	Ninh Giang	
78	Hoàng Văn Khèn	Ba Giăng	
79	Đỗ Văn Ngộ	Lê Lợi	
80	Nguyễn Xuân Nhân	Khâu Giáo 1	
81	Ôn Ngọc Chính	Phú Hạ	
82	Phạm Văn Ty	Khâu Giang	
83	Nguyễn Văn Quý	Cơ quan	
84	Bùi Giang Sơn	Ba Giăng	

85	Bùi Văn Đức	Quang Trung	
86	Tạ Việt Thắng	Khâu Giang	
87	Hoàng Quang Năm	Phú Hạ	
88	Phan Thị Quy	Ba Giăng	
89	Mai Công Bình	Cơ quan xã	
90	Triệu Văn Báo	Đồng Ngõ	
91	Lê Đức Minh	Quang Trung	
92	Nguyễn Văn Thái	Khâu Giáo 1	
93	Vũ Xuân Thung	Khâu Giáo 1	
94	Mông Đình Hương	Phú Hạ	
95	Triệu Quang Trung	Vai Cày	
96	Nguyễn Thị Dung	Xóm Phố	
97	Nguyễn Cao Thế	Cao Khán	
98	Triệu Phong	Đồng Ngõ	
99	Trần Hữu Lộc	Lê Lợi	
100	Nguyễn Văn Hạnh	Ba Giăng	
101	Hoàng Long	Xóm Phố	
102	Triệu Quang Thuận	Phú Hạ	
103	Đinh Văn Thọ	Ninh Giang	
104	Triệu Văn Thủy	Khâu Giáo 2	từ trần
105	Chu Văn Lường	Khâu Giáo 2	từ trần
106	Nguyễn Minh Lập	Lê Lợi	từ trần
107	Triệu Văn Ly	Đồng Ngõ	từ trần
108	Nguyễn Văn Tiền	Rừng Lâm	từ trần
109	Hoàng Văn Láy	La Dạ	từ trần

DANH SÁCH LIỆT SỸ XÃ BẢN NGOẠI

STT	Họ và tên	Năm nhập ngũ	Năm hy sinh	Quê quán
1	Nguyễn Văn Năng	02/1945	09/9/1945	Xóm Phố
2	Trần Xuân Tin	1965	11/4/1968	Khâu Giáo 1
3	Nguyễn Như Huỳnh	07/02/1971	02/02/1973	-
4	Đặng Quang Hồng	1964	13/10/1970	Khâu Giang
5	Trần Ngọc Chính	6/1968	30/12/1970	Xóm Phố
6	Nguyễn Văn Hậu	6/1968	17/9/1969	-
7	Đới Khắc Hiếu	8/1968	3/1972	-
8	Nguyễn Văn Hà	1968	08/5/1973	-
9	Nguyễn Tất Thắng	4/1967	20/12/1970	Rừng Lâm
10	Sầm Văn Minh	8/1978	1979	-
11	Hoàng Duy Nhu	02/1967	26/02/1968	-
12	Nguyễn Văn Vinh	1967	01/3/1968	-
13	Nguyễn Xuân Thuỷ	02/1964	15/5/1969	-
14	Nguyễn Mai Duy	1968	27/3/1975	-
15	Nguyễn Hữu Nghị		15/3/1969	-
16	Vũ Văn Thìn	1971	10/12/1973	Ba Giang
17	Ngô Mạnh Tiến	7/1968	06/9/1969	-
18	Mai Công Thái		02/6/1972	-
19	Hoàng Đức Thiện	5/1978	17/02/1979	Cao Khản

STT	Họ và tên	Năm nhập ngũ	Năm hy sinh	Quê quán
20	Trần Văn Khoa	8/1971	20/2/1979	Vai Cày
21	Lê Văn Xuyên	1972	13/3/1975	Rừng Vần
22	Lương Xuân Hoà	02/1948	16/11/1951	-
23	Đinh Văn Cản	02/1979	3/1979	Phú Hạ
24	Đoàn Văn May	11/1970	16/6/1972	-
25	Triệu Quang Phụng	9/1969	11/1973	-
26	Bé Văn Tín	11/1966	05/5/1968	-
27	Trần Văn Khải	1967	13/5/1968	-
28	Trần Hồng Kỳ	1963	12/3/1967	-
29	Triệu Minh Long		18/11/1949	-
30	Lăng Viết Sáng	5/1943	28/4/1945	-
31	Triệu Văn Koom	3/1968	21/10/1968	Đồng Ngõ
32	Nguyễn Hữu Thìn	1966	25/7/1969	Đồng Ninh
33	Nguyễn Văn Ba		12/9/1972	Khâu Giáo 2
34	Vũ Trọng Nga	1966	06/02/1968	-
35	Hoàng Văn Bình	1971	17/8/1972	-
36	Nguyễn Văn Ân	1967	11/01/1975	-
37	Bùi Văn Biền	4/1965	06/11/1969	Đầm Bàng
38	Trịnh Quang Đàm	02/1967	3/1969	-

STT	Họ và tên	Năm nhập ngũ	Năm hy sinh	Quê quán
39	Nguyễn Văn Na	02/1947	06/02/1953	-
40	Trịnh Trường Giang	3/1966	16/12/1968	-
41	Lục Văn Éng	1947	1947	Đầm Mua
42	Triệu Minh Hưởng	1954	1954	Khâu Giang
43	Quyền Hùng Mạnh	4/1970	03/11/1971	La Mận
44	Nguyễn Đình Vy	02/1968	16/4/1970	-
45	Phạm Văn Tuệ		08/4/1951	-
46	Tạ Văn Mỹ	02/1952	27/6/1954	Ninh Giang
47	Ngô Văn Viết	1970	20/11/1972	-
48	Chu Văn Phục	1949	20/10/1950	La Dạ
49	Triệu Văn Soòng	1966	3/1968	Vai Cày
50	Lương Văn Dìn	1947	05/10/1947	-
51	Nguyễn Văn Sơn	1969	14/4/1972	Lê Lợi
52	Triệu Quang Ái	1966	04/10/1967	Đồng Ngõ
53	Triệu Minh Lương	3/1968	21/10/1968	-
54	Trần Văn Bấm	1964	25/02/1970	-
55	Bùi Văn Thìn	6/1968	10/10/1970	Đầm Bàng
56	Nguyễn Văn Khánh		23/8/1968	
57	Ngô Văn Nhâm	1966	22/02/1969	Quang Trung
58	Lê Xuân Lịch	1964	14/5/1974	

1900

1901

1902

1903

1904

1905

1906

1907

1908

1909

1910

1911

1912

1913

1914

1915

1916

MỤC LỤC

Tr

Lời nói đầu

7

Chương I

Xã Bản Ngoại - vùng đất, con người và truyền thống lịch sử, văn hóa

- I. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 11
- II. Quá trình hình thành xã Bản Ngoại và truyền
thống lịch sử, văn hóa 14

Chương II

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân xã Bản Ngoại tham gia đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1930-1954)

- I. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội xã Bản Ngoại
thời Pháp thuộc 23
- II. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân xã Bản
Ngoại tích cực tham gia đấu tranh giành chính quyền 32
trong Cách mạng Tháng Tám (1930-1945)
- III. Chi bộ Đảng xã Hiệp Hòa ra đời, lãnh đạo nhân
dân kháng chiến kiến quốc, cùng nhân dân cả nước
đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) 42

251

Chương III

Chi bộ, Đảng bộ xã Hùng Cường lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi (1954-1975)

- I. Lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960) 61
- II. Chi bộ Đảng xã Hùng Cường lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) 74
- III. Đảng bộ xã Hùng Cường lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất, vừa chiến đấu và chi viện cho miền Nam, góp phần giải phóng đất nước (1965-1975) 81

Chương IV

Đảng bộ và nhân dân xã Bản Ngoại khắc phục hậu quả sau chiến tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bước đầu thực hiện đổi mới cơ chế sản xuất trong nông nghiệp (1976-1985)

- I. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Bản Ngoại thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980) 105

II. Đảng bộ xã Bản Ngoại lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội (1980-1985)	117
--	-----

Chương V

Xã Bản Ngoại cùng cả nước thực hiện công cuộc đổi mới và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1986-2010)

I. Đảng bộ xã Bản Ngoại lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (1986-1995)	129
--	-----

II. Đảng bộ xã Bản Ngoại lãnh đạo nhân dân tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996-2010)	150
---	-----

<i>Kết luận</i>	195
-----------------	-----

<i>Phụ lục</i>	205
----------------	-----

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1900

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 LÒ ĐÚC - HÀ NỘI

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ BẢN NGOẠI
(1946-2010)**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Lê Tiến Dũng

Chịu trách nhiệm nội dung
**Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Ngoại khóa XXIII
(Nhiệm kỳ 2010-2015)**

Biên tập
**Hải Yến - Thùy Vân - Thanh Hải - Nhữ Vân
Trần Lan - Phạm Thảo - Lê Tuyết - Đinh Mười**

Thiết kế - Chế bản
Đàm Oanh

Tổ chức thực hiện
**Trung tâm Nghiên cứu - Biên soạn và xuất bản Lịch sử
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền hình
Truyền thông Việt Nam
15 Vũ Thạnh - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 043.5123130 - 0982.354598
Email: dautuvct@gmail.com**

In 800 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty In Sao Việt
Giấy phép xuất bản số: **97-2012/CXB/231/28-01/VHTT**
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2013